



EXIMBANK

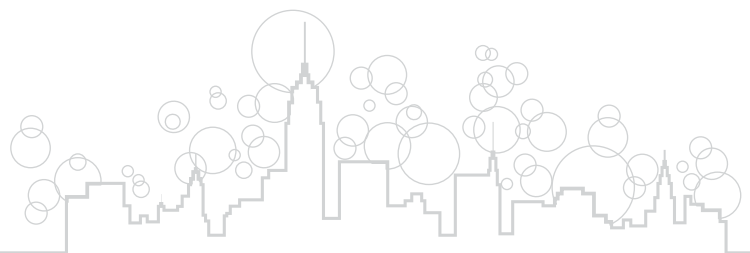
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013



ANNUAL REPORT 2013

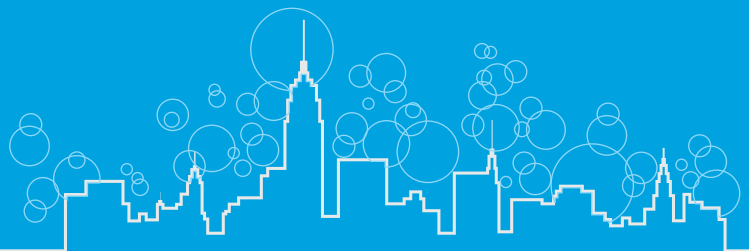
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2013



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	4
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG	6
1. Thông tin chung	
2. Quá trình hình thành và phát triển	
3. Mô hình tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý	
4. Định hướng phát triển	
5. Các rủi ro	
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013	19
1. Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2013	
2. Tổ chức và nhân sự	
3. Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)	
4. Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank	
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	36
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	
2. Tình hình tài chính	
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2014	
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	52
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng	
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	
V. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	56
1. Hội đồng Quản trị	
2. Ban Kiểm soát	
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	77
1. Báo cáo tài chính hợp nhất	
2. Ý kiến đánh giá của kiểm toán nội bộ	
NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2013	152
CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC	154
HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG	156
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	158



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC





“Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều Hành cùng tập thể nhân viên Eximbank, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, đồng hành, chia sẻ, góp ý chân tình của Quý vị để Eximbank ngày càng hoàn thiện và phát triển bền vững, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới”.

Kính thưa quý vị,

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh năm 2013 không thuận lợi, Eximbank đã nỗ lực phấn đấu nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra, kết quả cụ thể:

- Tổng tài sản:	đạt 169.835 tỷ đồng, hoàn thành 85% kế hoạch.
- Vốn huy động:	đạt 82.650 tỷ đồng, hoàn thành 75% kế hoạch.
- Dư nợ cho vay:	đạt 83.354 tỷ đồng, hoàn thành 97% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế:	đạt 828 tỷ đồng, hoàn thành 26% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu:	1,98%.

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2013 chưa đạt hiệu quả so với kế hoạch, nhưng so với mặt bằng chung của toàn ngành ngân hàng thì Eximbank cũng đã đạt được những thành tựu nhất định; Eximbank đã chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh nhằm phù hợp với điều kiện của nền kinh tế với các giải pháp như: tái cấu trúc mô hình tổ chức từ Hội sở đến chi nhánh, tinh gọn bộ máy hoạt động, tập trung nguồn lực cho đội ngũ bán hàng; xây dựng các mô hình kinh doanh tập trung mới như Trung tâm thẩm định giá, Trung tâm kinh doanh thẻ, Trung tâm bán lẻ, Trung tâm

kinh doanh vàng; nâng cấp chất lượng hoạt động của các Phòng giao dịch nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh công tác xử lý nợ, bán nợ cho VAMC...

Trong năm qua, với những phấn đấu nỗ lực vượt qua khó khăn nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, Eximbank đã được các Tạp chí tài chính uy tín trong và ngoài nước bình chọn và trao tặng các giải thưởng có giá trị như: Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới do Tạp chí The Banker bình chọn; ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam do Tạp





chí EuroMoney bình chọn; ngân hàng quản trị tốt nhất do Tạp chí Asian Banker trao tặng; giải thưởng Thanh toán quốc tế xuất sắc do ngân hàng Bank of New York Mellon trao tặng; Tốp 50 sản phẩm Vàng, dịch vụ Vàng do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng...

Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh, Eximbank tham gia đóng góp đối với xã hội như hỗ trợ y tế cho người nghèo thông qua hình thức hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế, xây dựng trạm y tế và kiện toàn mạng lưới y tế; tài trợ giáo dục cho các Quỹ học bổng, Hội khuyến học, xây trường học; tài trợ kinh phí xây nhà, xây cầu, tri ân, đền ơn đáp nghĩa cho các gia đình có công với cách mạng...

Bước sang năm 2014, Eximbank định hướng sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, phát triển cơ sở hạ tầng – công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ quản trị cao cấp và đội ngũ nhân viên, tập trung “nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng” thông

qua việc cải thiện chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ và chính sách chăm sóc khách hàng nhằm thực hiện mục tiêu đề ra là:

Huy động vốn đạt 100.000 tỷ đồng (tăng 21% so năm 2013); Dư nợ cấp tín dụng đạt 97.300 tỷ đồng (tăng 10% so năm 2013); Lợi nhuận trước thuế đạt 1.800 tỷ đồng (tăng 117% so năm 2013); Tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 3% ($NPL \leq 3\%$).

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2013, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng tập thể cán bộ nhân viên của toàn hệ thống Eximbank tiếp tục quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2014, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chung của toàn ngành ngân hàng và của nền kinh tế.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều Hành cùng tập thể nhân viên Eximbank, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã



luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, đồng hành, chia sẻ, góp ý chân tình của Quý vị để Eximbank ngày càng hoàn thiện và phát triển bền vững, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ HÙNG DŨNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

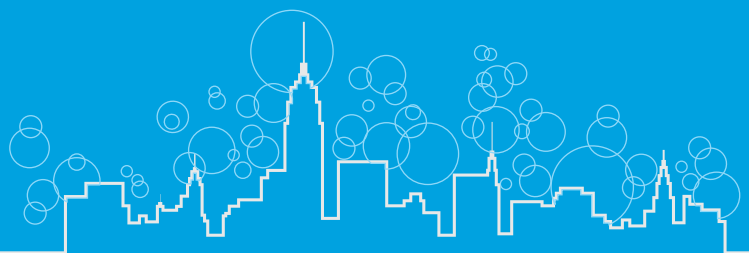


NGUYỄN QUỐC HƯƠNG





I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG



I.1.Thông tin chung

Tên Đăng Ký Tiếng Việt

Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam

Tên Đăng Ký Tiếng Anh

Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Vietnam Eximbank)

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Lê Hùng Dũng

Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Quốc Hương

Địa chỉ đăng ký của Hội sở

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER

Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ văn phòng

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER

Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 38.210.056 - Fax: (84.8) 38.216.913

Website: <http://www.eximbank.com.vn>

Cơ quan quản lý

Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày đăng ký đầu tiên

23/07/1992

Ngày đăng ký thay đổi lần thứ 23

23/12/2013

Cơ quan đăng ký ban đầu

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh

Giấy phép hoạt động kinh doanh

11/NH-GP ngày 06/04/1992

Số chứng nhận đăng ký thuế

0301179079

Thông tin cổ phiếu

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

Tên cổ phiếu

Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)

Mã cổ phiếu: **EIB**



I.2. Quá trình hình thành và phát triển

I.2.1. Thành lập

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) và có tên mới là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (được gọi tắt là “Eximbank”).

I.2.2. Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Eximbank bao gồm các lĩnh vực chủ yếu: huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư; nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; cho vay ngắn, trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, công trái và giấy tờ có giá; kinh doanh ngoại hối; thanh toán quốc tế; đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá; dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, MasterCard, Visa Debit; dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh; dịch vụ tư vấn tài chính; mua bán trái phiếu doanh nghiệp; các dịch vụ ngân hàng khác,...

I.2.3. Địa bàn hoạt động

Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của Eximbank đến cuối năm 2013 có 206 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bao gồm: Sở Giao dịch, 41 Chi nhánh, 162 Phòng giao dịch, 1 Quỹ tiết kiệm, 1 Điểm giao dịch.

Hiện mạng lưới giao dịch Eximbank có mặt tại 20 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ và Bạc Liêu.

I.2.4. Niêm yết

Eximbank được Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày

20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 1.235.522.904 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết: 12.355.229.040.000 đồng (theo mệnh giá)

I.2.5. Những sự kiện nổi bật qua các năm hoạt động

Năm 1991, 1992: Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài Chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.

Năm 1993: Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Năm 1995: Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu);

Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới – World Bank.

Năm 1997: Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.

Năm 1998: Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

Năm 2003: Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.

Năm 2005: Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

Năm 2007: Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

Năm 2008: Eximbank tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

Năm 2009: Eximbank tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

Năm 2010: Eximbank tăng vốn điều lệ lên 10.560 tỷ đồng.

Năm 2011: Eximbank tăng vốn điều lệ lên 12.355 tỷ đồng;



Eximbank được tạp chí The Banker chọn vào Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới và Top 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản nhanh nhất 2010.

Năm 2012: Được tạp chí AsiaMoney trao giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2012”;

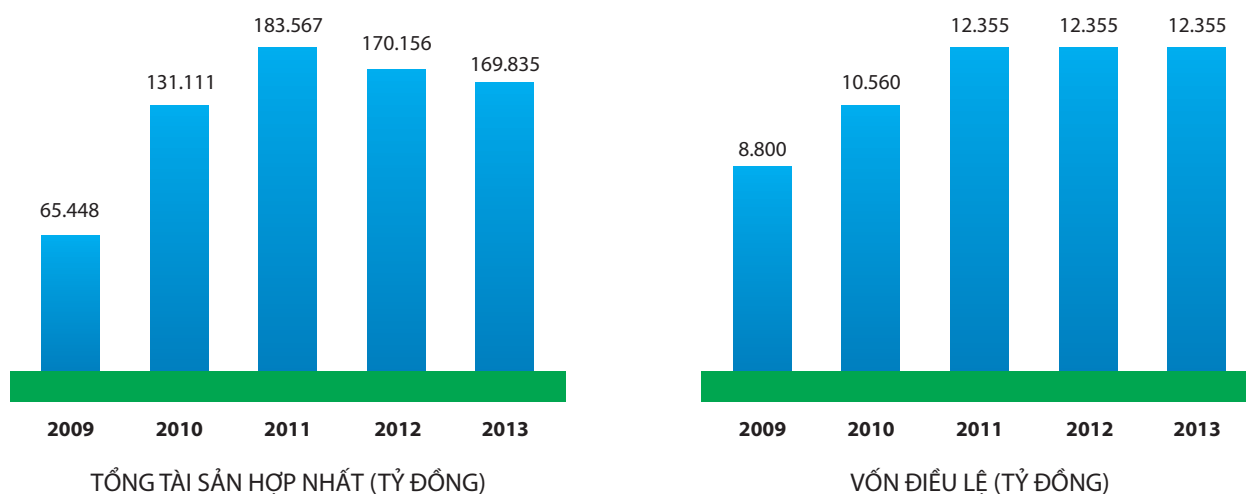
Eximbank tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2012 do tạp chí The Banker bình chọn;

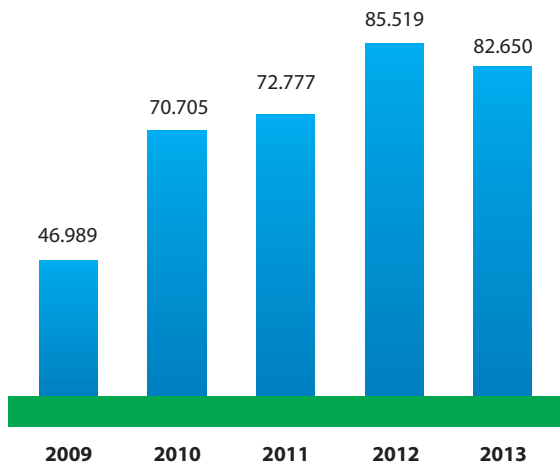
Eximbank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

Năm 2013: Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng “Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013”; Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013”; tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013 do tạp chí The Banker bình chọn.

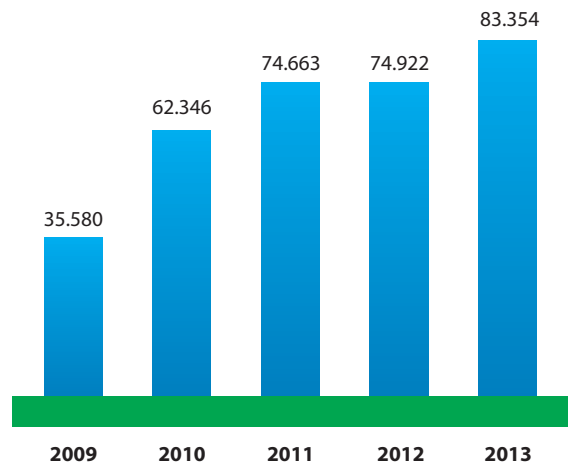
Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản qua các năm hoạt động

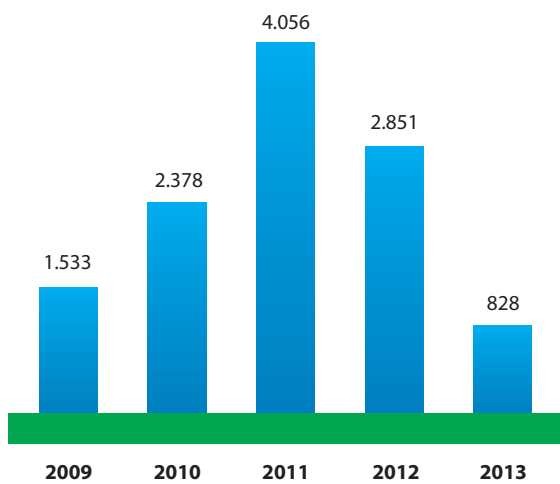




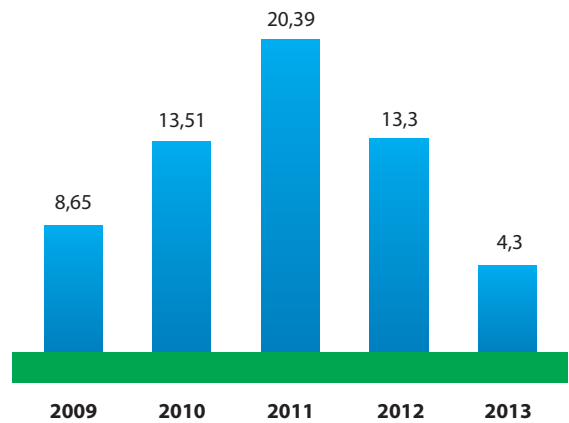
TỔNG VỐN HUY ĐỘNG HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



TỔNG DƯ NỢ CHO VAY HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

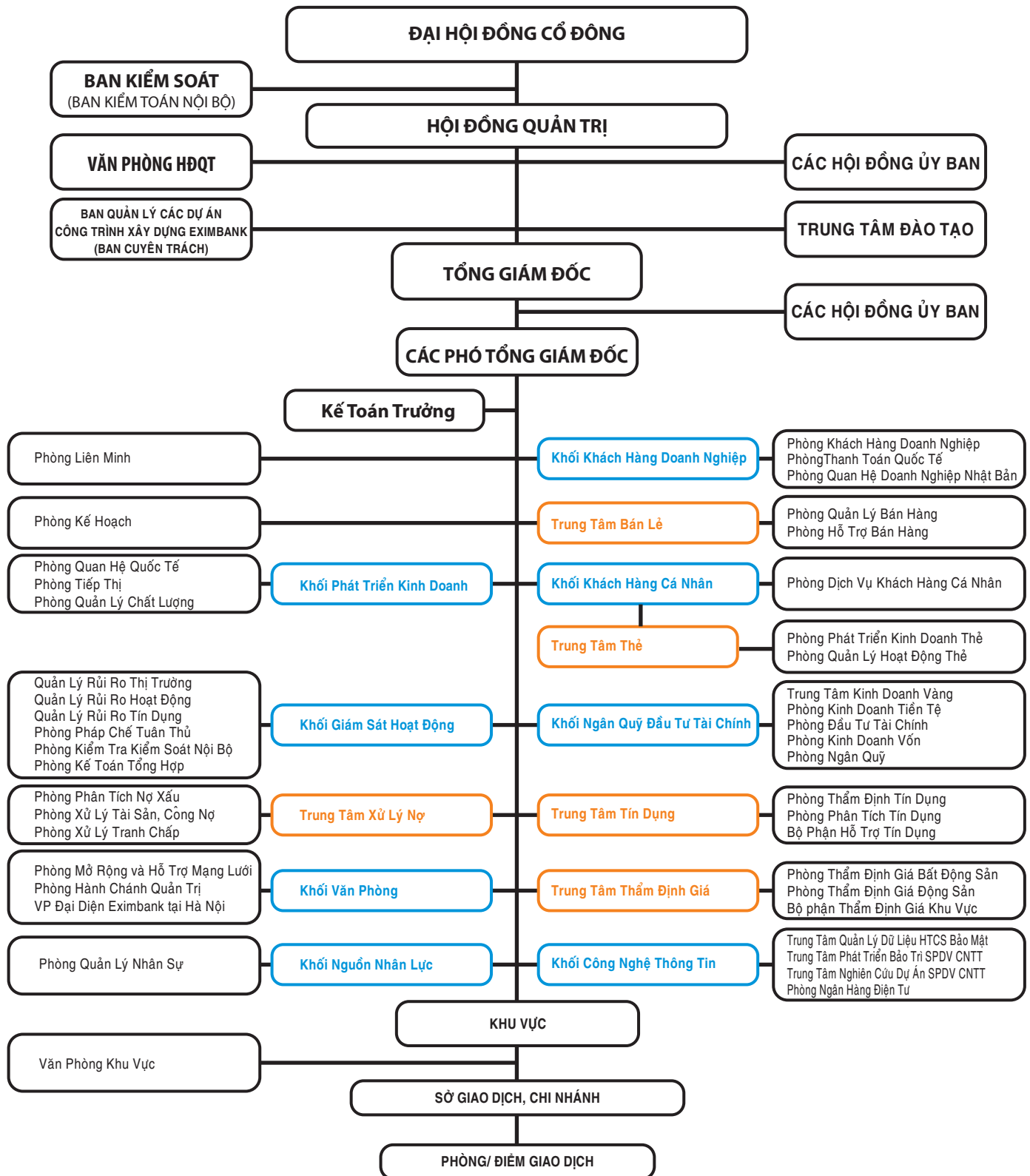


ROE (%)



I.3. Mô hình tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý

I.3.1 Mô hình tổ chức



I.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hùng Dũng	Chủ tịch
Ông Naoki Nishizawa	Phó Chủ tịch
Ông Hà Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên
Ông Lawrence Justin Wolfe	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Hữu Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Quốc Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kenji Kuroki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mitsuaki Shiogo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Xuân Lãnh	Phó Tổng Giám đốc

I.3.3. Các công ty con và công ty liên kết

Eximbank có 1 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản với số vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng, địa chỉ đặt tại tòa nhà 24B Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2013 là 955 tỷ đồng.

Đồng thời, Eximbank là cổ đông sáng lập 2 công ty liên kết là Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt và Công ty CP Bất động sản Exim. Eximbank đã cử các đại diện tham gia trong Hội đồng Quản trị và có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của các công ty này.

Danh sách công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Eximbank
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	Hoạt động chứng khoán	141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	10,86%
Công ty CP Bất động sản Exim	Hoạt động kinh doanh bất động sản	179EF Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, Quận 3, TP.HCM	10,99%

I.4. Định hướng phát triển

I.4.1. Tầm nhìn phát triển

Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, củng cố nền tảng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn đồng vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.

I.4.2. Mục tiêu phát triển

(i) Nỗ lực phấn đấu trở thành một trong 3 ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam.

(ii) Tiếp tục phát huy thế mạnh là một ngân hàng có nền tảng khách hàng là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu khắp cả nước, đồng thời đẩy mạnh phát triển hệ thống ngân hàng bán lẻ, đặc biệt là phục vụ cho khách hàng cá nhân.

(iii) Đẩy mạnh áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào trong hoạt động của ngân hàng.

I.4.3. Định hướng phát triển đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

Eximbank đã xây dựng các chương trình phát triển đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, tập trung vào các lĩnh vực:

- Tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý, phù hợp với định hướng của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.

- Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn đối với khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế nhằm tăng thị phần của Eximbank, thay đổi cơ cấu huy động vốn, trong đó tăng tỷ trọng huy động vốn từ các khách hàng doanh nghiệp, các nguồn vốn có kỳ hạn dài,...

- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào trong hoạt động của ngân hàng nhằm đảm bảo Eximbank phát triển an toàn và bền vững.

- Tiếp tục triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu, đưa thương hiệu Eximbank trở thành thương hiệu ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và phát triển mạng lưới phục vụ cho hoạt động kinh doanh, tăng cường sự hiện diện của Eximbank tại TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số tỉnh, thành có tiềm lực kinh tế, các trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu chế xuất...

- Tăng cường tập trung bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ quyền con người, tuân thủ các quy định về lao động, việc làm và các chính sách xã hội khác trong quá trình hoạt động của Eximbank.

I.5. Các rủi ro

Ngân hàng nhận thức và kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu chung của ngân hàng, bao gồm:

a) Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của ngân hàng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết;

b) Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động từ thị trường gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của ngân hàng, bao gồm:

(i) Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh do những biến động bất lợi của lãi suất gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của ngân hàng. Rủi ro lãi suất có thể phát sinh do:

- Chênh lệch thời điểm ấn định lãi suất (rủi ro định giá lại);



- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau;
- Thay đổi mối quan hệ lãi suất giữa các kỳ hạn khác nhau (rủi ro đường cong lợi tức);
- Các sản phẩm quyền chọn gắn theo lãi suất.

(ii) Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do những biến động của tỷ giá gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của ngân hàng.

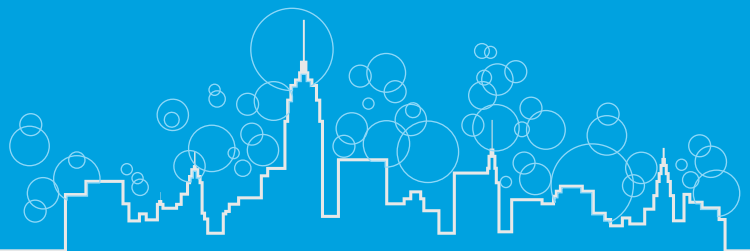
(iii) Rủi ro giá đầu tư là rủi ro phát sinh do sự biến động của giá cổ phiếu, trái phiếu và những khoản đầu tư vốn và chứng khoán khác dẫn đến việc giảm giá trị các khoản đầu tư mà ngân hàng nắm giữ.

c) Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không đủ khả năng đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ về vốn khi đến hạn; hoặc phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó.

d) Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra nguy cơ tổn thất cho ngân hàng do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc bị lỗi, do con người, do các hệ thống nội bộ bị lỗi, không phù hợp hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013



II.1. Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2013

Trong bối cảnh môi trường hoạt động còn nhiều khó khăn, Eximbank đã nỗ lực tiếp tục củng cố vị thế là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động. Quy mô tổng tài sản đạt 169.835 tỷ đồng, giảm nhẹ (0,2%) so với năm 2012, hoàn thành 85% kế hoạch. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng đạt 82.650 tỷ đồng, giảm 3,4% so với năm 2012, hoàn thành 75% kế hoạch. Tổng dư nợ cấp tín dụng cho tổ chức kinh tế và dân cư (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) đạt 88.453 tỷ đồng, tăng 13,7% so với năm 2012, hoàn thành 99% kế hoạch. Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng là 83.354 tỷ đồng, tăng 11,3% so với năm 2012, hoàn thành 97% kế hoạch. Kết quả hoạt động năm 2013, Eximbank đạt mức lợi nhuận trước thuế là 828 tỷ đồng, hoàn thành 26% kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) của Eximbank đạt 0,4%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 4,3%.

Các chỉ số an toàn hoạt động của Eximbank đều nằm trong giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến thời điểm 31/12/2013, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất đạt 14,47%, cao hơn quy định 9% của Ngân hàng Nhà nước.

Về quyền lợi dành cho cổ đông, Eximbank đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông chia làm 2 đợt: đợt 1 với tỷ lệ là 8,0%/mệnh giá vào tháng 01/2013, đợt 2 với tỷ lệ 5,5%/mệnh giá vào tháng 06/2013.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm so năm 2012
1. Quy mô vốn				
Tổng tài sản	tỷ đồng	170.156	169.835	-0,2%
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	15.812	14.680	-7,2%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	12.355	12.355	0,0%
<hr/>				
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	16,38	14,47	

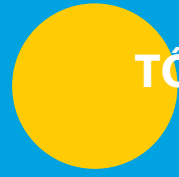
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm so năm 2012
2. Kết quả hoạt động				
Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	85.519	82.650	-3,4%
Doanh số huy động tiền gửi	tỷ đồng	2.426.067	2.006.255	-17,3%
Tổng dư nợ cấp tín dụng	tỷ đồng	77.782	88.453	13,7%
Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	74.922	83.354	11,3%
Doanh số cho vay	tỷ đồng	244.967	250.492	2,3%
Doanh số thu nợ	tỷ đồng	244.708	242.060	-1,1%
Nợ quá hạn (nhóm 2-5)	tỷ đồng	3.011	2.929	-2,7%
Nợ xấu (nhóm 3-5)	tỷ đồng	988	1.652	67,2%
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	%	4,02	3,51	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	1,32	1,98	
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn /tổng số dư bảo lãnh	%	0,06	0,06	
3. Tình hình tài chính				
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	4.901	2.736	-44,2%
Thu nhập ngoài lãi thuần	tỷ đồng	486	513	5,6%
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	5.387	3.249	-39,7%
Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	(2.297)	(2.121)	-7,7%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng	tỷ đồng	3.090	1.128	-63,5%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	(239)	(300)	25,5%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	2.851	828	-71,0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	(712)	(169)	-76,3%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	2.139	659	-69,2%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm so năm 2012
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,3	4,3	
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	1,2	0,4	
5. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (quy đổi VNĐ)	%	22,66	17,43	
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn	%	10,72	18,67	
6. Tỷ lệ chi trả cổ tức				
	%/năm	13,5	4(*)	

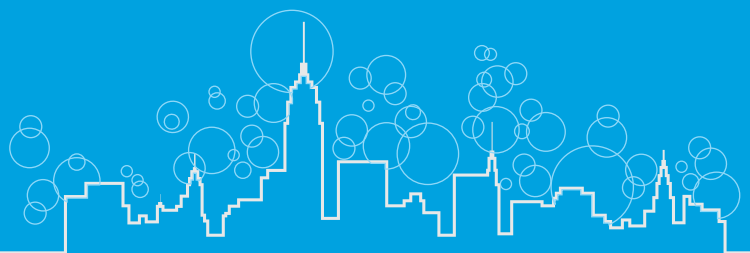
(*) dự kiến

Eximbank đã tập trung tái cấu trúc mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chồng chéo về chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, giảm nhân sự làm việc gián tiếp, cấp quản lý trung gian, tập trung nhân sự tăng cường đội ngũ bán hàng trực tiếp; cải tiến mô hình hoạt động kinh doanh vàng, kinh doanh ngoại tệ, xây dựng các mô hình quản lý tập trung mới như trung tâm kinh doanh thẻ, trung tâm bán lẻ, trung tâm xử lý nợ, trung tâm thẩm định giá... đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng có hiệu quả đi đôi với quản lý chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt công tác xử lý nợ xấu, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp; củng cố và nâng cấp chất lượng hoạt động của hệ thống phòng giao dịch nhằm tăng cường hoạt động kinh doanh, nâng cao lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị phần; thành lập Phòng Ngân hàng điện tử để đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ trên các kênh giao dịch trực tuyến; tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án trọng tâm trong Chương trình phát triển công nghệ thông tin; thành lập Phòng Quản lý Chất lượng, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng...

Vị trí thương hiệu Eximbank ngày càng được khẳng định đối với thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Eximbank tiếp tục được tạp chí The Banker xếp hạng vào Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013, được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng "Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013" và tạp chí EuroMoney bình chọn "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013".



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



II.2.1 Giới thiệu Ban Điều Hành



Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc vào tháng 09/2013 và chính thức được bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc vào tháng 12/2013. Hiện đang là Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông là Thạc sĩ kinh tế, ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1993 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 21 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng, Trưởng Phòng Tín dụng, Trưởng Phòng Tín dụng doanh nghiệp, Trưởng Phòng Quản lý tín dụng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở giao dịch 1.



Ông Trần Tấn Lộc
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Được bổ nhiệm vào tháng 03/2007 và hiện là Phó Tổng Giám đốc Thường trực của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông là Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính – Tín dụng. Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam từ năm 1994 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 20 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng Kế toán Giao dịch, Trưởng Phòng Thê Tín dụng, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Phó ban Dự án Phát triển, Thư ký Hội đồng Quản trị kiêm Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị Eximbank.



Ông Đào Hồng Châu
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 4/2004, Thạc sĩ kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1992 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 22 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng, Trưởng Phòng Kinh doanh Ngoại tệ.



Bà Đinh Thị Thu Thảo
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 12/2007, Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Bà đã gắn bó với Ngân hàng trong suốt 23 năm qua và từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng, Trưởng Phòng Kế toán Giao dịch, Trưởng Phòng Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp, Phó Giám đốc Sở Giao dịch 1, Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân.





Ông Kenji Kuroki
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 07/2008, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam kiêm đồng Trưởng Phòng Liên Minh.

Ông làm việc cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation từ năm 1989. Trước đây ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Cao cấp Văn phòng Đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh của Sumitomo Mitsui Banking Corporation từ năm 2005 đến 2006.



Ông Nguyễn Thanh Nhung
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 11/2010, Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1995 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 19 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng Quản lý và Khai thác tài sản, Phó Phòng Kế hoạch và Kinh doanh tiền tệ, Phó Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Phó Phòng Tín dụng doanh nghiệp, Phó Phòng, Trưởng Phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Giám sát hoạt động.



Bà Văn Thái Bảo Nhi
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 05/2012, Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Bà đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1994 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 20 năm qua. Bà từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Phòng Tín dụng, Trưởng Phòng Tín dụng doanh nghiệp, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp.



Ông Mitsuaki Shiogo
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 06/2012, Cử nhân Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông làm việc cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation từ năm 1986. Trước đây ông từng đảm nhiệm vị trí Phó chủ tịch công ty JRI America và Phó Chủ Tịch cấp cao nhóm hệ thống thông tin của khối SMBC Châu Mỹ từ tháng 05/2005 - 2/2012.





Ông Lê Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 08/2013, Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1995 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 19 năm qua. Ông từng đảm nhiệm các vị trí sau: Phó Trưởng Phòng Tổng hợp và Kinh doanh ngoại tệ Chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Giám đốc khu vực miền Bắc.



Bà Bùi Đỗ Bích Vân
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 08/2013, bà Bùi Đỗ Bích Vân, Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Bà đã gắn bó với Ngân hàng từ năm 1993 và đã cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 21 năm qua. Bà từng đảm nhiệm các vị trí sau: Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế Chi nhánh Eximbank Đà Nẵng, Giám đốc Chi nhánh Eximbank Đà Nẵng, Giám đốc khu vực Eximbank miền Trung, Tây Nguyên.



Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 09/2013, Thạc sĩ kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng Eximbank từ năm 1993 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 21 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng, Trưởng Phòng Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng Eximbank.



Ông Lê Hải Lâm
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 09/2013, Cử nhân kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng Eximbank từ năm 1996 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 18 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng Tín dụng cá nhân, Trưởng Phòng Tín dụng doanh nghiệp, Giám đốc Chi nhánh Eximbank Tân Sơn Nhất.





Ông Nguyễn Quang Triết
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm vào tháng 09/2013, Thạc sĩ kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Ông bắt đầu công tác tại Ngân hàng Eximbank từ năm 1992 và đã cống hiến cho sự phát triển của Ngân hàng trong suốt 22 năm qua. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Phòng, Trưởng Ngân quỹ, Giám đốc Quản lý nhân sự.



Ông Cao Xuân Lãnh
Phó Tổng Giám đốc

Được tiếp nhận và bổ nhiệm vào tháng 12/2013, Thạc sĩ kinh tế, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Ông đã từng đảm nhiệm vị trí: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Cát Hoàng Long, Phó Phòng Kế hoạch đầu tư Công ty Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn-SJC.

II.2.2. Thay đổi thành viên Ban Điều hành

1. Ông Trương Văn Phước: thôi chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc vào tháng 9/2013.
2. Ông Nguyễn Quốc Hương: bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc vào tháng 09/2013 và chính thức được bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc vào tháng 12/2013.
3. Ông Lê Anh Tú và Bà Bùi Đỗ Bích Vân được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc vào tháng 8/2013.
4. Ông Tô Nghị: thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc và được phân công giữ chức danh Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng đầu tư trung ương thuộc Hội đồng Quản trị vào tháng 09/2013.
5. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ, Ông Nguyễn Quang Triết, Ông Lê Hải Lâm được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc vào tháng 9/2013.
6. Ông Cao Xuân Lãnh: được tiếp nhận và bổ nhiệm vào tháng 12/2013.

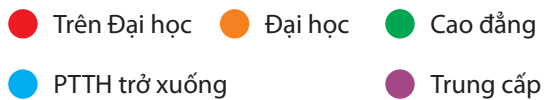
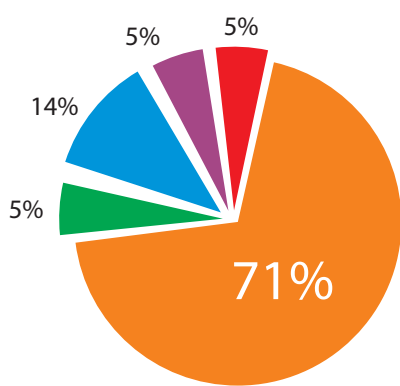
II.2.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Ban Điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Quốc Hương	Tổng Giám đốc	0,0033689	bổ nhiệm ngày 20/12/2013
02	Ông Trần Tấn Lộc	Phó TGD Thường trực	0	
03	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	0,0057685	
04	Ông Nguyễn Thanh Nhung	Phó Tổng Giám đốc	0,0053907	
05	Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	0,0016472	
06	Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc	0,0000009	
07	Ông Kenji Kuroki	Phó Tổng Giám đốc	0	
08	Ông Mitsuaki Shiogo	Phó Tổng Giám đốc	0	
09	Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc	0,0042342	bổ nhiệm ngày 06/08/2013
10	Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	0	bổ nhiệm ngày 06/08/2013
11	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	0,0023008	bổ nhiệm ngày 05/09/2013
12	Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	0	bổ nhiệm ngày 17/09/2013
13	Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc	0,0001102	bổ nhiệm ngày 25/09/2013
14	Ông Cao Xuân Lãnh	Phó Tổng Giám đốc	0	bổ nhiệm ngày 02/12/2013

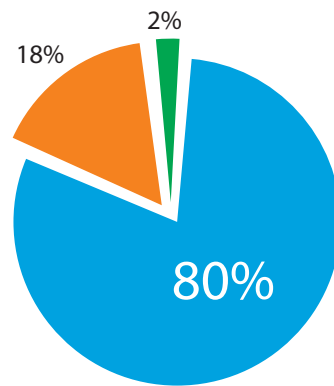
II.2.4. Nhân sự và chính sách nhân sự

1. Nhân sự

Thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức, tổng số nhân sự của Eximbank (bao gồm công ty con) tính đến ngày 31/12/2013 là 5.362 người, giảm 438 người (tương đương 7,5%) so với cùng kỳ năm 2012. Qua đó, Eximbank đã duy trì được một cơ cấu nhân sự trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, với 80% có độ tuổi từ 18 đến 35 và trên 76% có trình độ đại học và trên đại học.



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

2. Chính sách nhân sự

Eximbank áp dụng các chế độ đãi ngộ cạnh tranh theo hướng gắn kết quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả làm việc với các chế độ đãi ngộ về lương, thưởng, xe...

Trong năm 2013, Eximbank tiếp tục triển khai mở rộng chính sách thưởng hoàn thành vượt chỉ tiêu kinh doanh đối với lực lượng cán bộ bán hàng. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán quỹ lương cho từng đơn vị, tạo động lực cho cán bộ nhân viên phấn đấu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có đủ năng lực đáp ứng mục tiêu phát triển, Eximbank liên tục điều chỉnh, hoàn thiện và mở rộng các chương trình đào tạo. Tính riêng trong năm 2013, Eximbank đã tổ chức được 104 lớp đào tạo, với 6.496 lượt người học viên.

Các hoạt động đoàn thể, công tác xã hội

Trong năm 2013, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Eximbank đã tích cực thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên như: các chương trình văn nghệ, hội thao, các cuộc thi nghiệp vụ, thi nấu ăn, thi ảnh đẹp, ... qua đó đã tạo được không khí sôi nổi, hưởng ứng nhiệt tình của đồng đảo cán bộ nhân viên Eximbank.

Tiếp nối truyền thống từ ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2013, Eximbank đã tiếp tục tham gia, đóng góp các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội như: chương trình mua thẻ bảo hiểm y tế cho bệnh nhân nghèo; chương trình “vượt lên số phận”; chương trình “chấp cánh ước mơ, vượt sông hồ tìm chữ”; chương trình “ánh sáng niềm tin”; chương trình “vì học sinh Trường Sa thân yêu”; đóng góp xây dựng cầu, đường, trạm y tế, nhà tình nghĩa; ủng hộ các quỹ học bổng, quỹ xã hội từ thiện...

II.3. Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)

II.3.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

III.3.1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản (gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp với vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 300 tỷ đồng, thay đổi lần thứ hai ngày 08/09/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 30/03/2012, thay đổi lần thứ tám ngày 12/11/2013 với vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2013, vốn điều lệ được cấp là 955 tỷ đồng.

III.3.1.2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất;

Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay, tài sản xiết nợ, căn nợ thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo giá thị trường sau khi Thường trực Hội đồng Quản trị chấp nhận;

Cơ cấu lại nợ tồn đọng; xử lý tài sản nợ vay; thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật;

Mua, bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài



sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

II.3.2. Tóm tắt tình hình hoạt động, tài chính và kết quả kinh doanh của AMC

Trong năm 2013, Eximbank AMC thực hiện 3 chức năng chính: quản lý, khai thác tài sản; làm chủ đầu tư một số công trình của Eximbank và Eximbank AMC theo ủy quyền của ngân hàng; thực hiện kho hàng để quản lý hàng hóa thế chấp/cầm cố của các đơn vị trong hệ thống Eximbank.

Một số chỉ tiêu tài chính của Eximbank AMC đến ngày 31/12/2013:

- Tổng tài sản:	968.146 triệu đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	955.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế:	1.528 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế:	1.209 triệu đồng.

II.4. Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank

II.4.1. Số lượng cổ phần

Tại thời điểm 31/12/2013, số lượng cổ phần: 1.235.522.904 cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.008.878.326 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 – Luật các Tổ chức tín dụng 2010: 226.644.578 cổ phần

II.4.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	- Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ)	348.636.855	28,218
	- Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	886.886.049	71,782
2	Cổ đông tổ chức	769.145.420	62,253
	- Trong nước	435.777.768	35,271
	- Ngoài nước	333.367.652	26,982
	Cổ đông cá nhân	466.377.484	37,747
	- Trong nước	464.155.938	37,568
	- Ngoài nước	2.221.546	0,180
3	- Cổ đông nước ngoài	335.589.198	27,162
	- Cổ đông trong nước	899.933.706	72,838
4	- Cổ đông nhà nước	169.680.492	13,733
	- Cổ đông khác	1.065.842.412	86,267
	- Cổ đông sáng lập	0	0

Thông tin chi tiết cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Ngành nghề hoạt động	Địa chỉ liên hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Ngân hàng	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	101.245.131	8,195
2	VOF Investment Ltd	Đầu tư tài chính	P.O Box 2208, Road Town, Tortola, B.V.I	62.062.517	5,023
3	SUMITOMO MITSUI BANKING CORP.	Ngân hàng	1-2 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0005 Japan	185.329.207	15,000
Cộng				348.636.855	28,218

II.4.3. Tình hình thay đổi vốn cổ đông

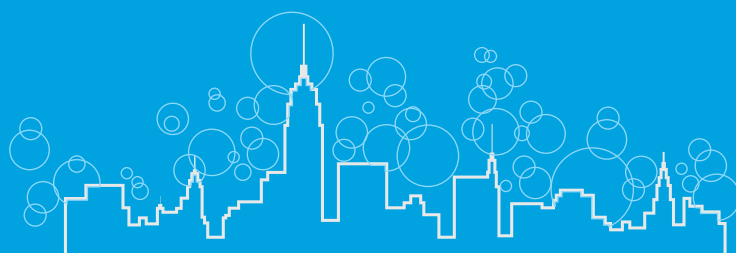
Eximbank không tăng vốn điều lệ trong năm 2013

II.4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Ngày 06/12/2013, Eximbank đã có thông báo số 489A/2013/EIB/TGD về việc dự kiến mua lại 11.000.000 cổ phiếu EIB làm cổ phiếu quỹ và ngày 17/01/2014 Eximbank đã báo cáo công văn số 156/2014/EIB/TGD về việc đã mua 6.090.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 12.853 đồng/cổ phiếu bằng phương thức khớp lệnh và công văn số 157/2014/EIB/TGD về việc số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 1.229.432.904 cổ phiếu.

II.4.5. Các chứng khoán khác: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





III.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2013, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, Eximbank vẫn tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng các chỉ tiêu trọng yếu như: dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng 11,3%; huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư mặc dù giảm 3,4% nhưng nếu loại trừ vốn huy động vàng giảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 17,4% so với năm 2012; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức khá thấp so với toàn ngành. Đối với chỉ tiêu lợi nhuận, với chủ trương chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua giảm lãi suất cho vay, đưa ra nhiều gói sản phẩm tín dụng với lãi suất ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn hiệu quả với chi phí thấp, dẫn đến giảm thu nhập lãi thuần, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 26% kế hoạch. Về công tác quản trị điều hành, Eximbank tiếp tục thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ và toàn diện từ Hội sở đến chi nhánh, tăng cường lực lượng bán hàng, củng cố và gia tăng nền tảng khách hàng, xây dựng các mô hình quản lý tập trung, chú trọng phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ, ngân hàng điện tử, nâng cấp chất lượng hoạt động của các phòng giao dịch, không ngừng cải tiến sản phẩm dịch vụ và xây dựng các sản phẩm phù hợp nhu cầu khách hàng, nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu... từng bước khắc phục những hạn chế, tồn tại để ngày càng nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống, tạo nền tảng phát triển an toàn và bền vững cho những năm tiếp theo.

III.1.1. Dịch vụ ngân hàng cá nhân

Huy động vốn cá nhân

Đến 31/12/2013, vốn huy động từ khách hàng cá nhân đạt 54.865 tỷ đồng, giảm 15,3% so với đầu năm. Nếu loại trừ vốn huy động vàng giảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, vốn huy động từ khách hàng cá nhân vẫn tăng trưởng tốt, tăng 10% so với đầu năm, với quy mô khách hàng cá nhân chiếm đến 96% tổng lượng khách hàng (tương đương trên 760.000 khách hàng cá nhân), tăng 16% so với đầu năm. Kết quả này cho thấy Eximbank nhận được sự tín nhiệm lớn của khách hàng trong bối cảnh ngành ngân hàng Việt Nam năm 2013 đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn.

Eximbank đã luôn chủ động, kịp thời, linh hoạt trong các chính sách huy động vốn, chủ động theo sát, bắt kịp thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp chăm sóc khách hàng tốt hơn, đa dạng hoá kết hợp công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu của từng phân khúc khách hàng cá nhân.

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu cung cấp đến các khách hàng cá nhân của Eximbank như: Tiết



kiệm Online, Tiết kiệm gửi góp, Tiết kiệm Phúc Bảo An, Tiết kiệm cho con yêu, Tiết kiệm Trường Phát Lộc, Tiết kiệm tích lũy tiền lương... cùng với nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn với danh mục quà tặng đa dạng, thiết thực, giá trị cao, kết hợp với nhiều tiện ích như: gửi tiền một nơi, rút tiền nhiều nơi, đăng ký trích chuyển lãi tự động, hoặc trích chuyển tiền tự động... và dịch vụ Eximbank VIP với ưu đãi vượt trội, ưu tiên phục vụ, tận hưởng dịch vụ đẳng cấp.

Tín dụng cá nhân

Tăng trưởng tín dụng năm 2013 gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chung của nền kinh tế, tồn kho và sức mua chưa được cải thiện nhiều khiến nhu cầu vay vốn khách hàng giảm. Bên cạnh nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp còn hạn chế, giải pháp đẩy mạnh tín dụng cá nhân được nhiều ngân hàng tập trung khai thác nhằm đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng.

Eximbank đã phấn đấu nỗ lực vượt qua khó khăn, chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh phù hợp với điều kiện của nền kinh tế, chính thức thành lập Trung tâm bán lẻ nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ. Đồng thời, Eximbank triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi, kết hợp giảm lãi suất cho vay góp phần chia sẻ khó khăn với khách hàng. Kết quả là dư nợ tín dụng cá nhân năm 2013 đạt 29.018 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 35% tổng dư nợ toàn hệ thống), tăng 10% so với đầu năm (tương đương 2.550 tỷ đồng).

Năm 2014, Eximbank định hướng sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng đội ngũ bán lẻ nhằm thực hiện mục tiêu gia tăng thị phần đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng phục vụ khách hàng.


Hoạt động phát hành và thanh toán thẻ

Trong năm 2013, tổng số lượng thẻ phát hành đạt 132.972 thẻ, nâng tổng số lượng thẻ đã phát hành lên 1.286.855 thẻ. Doanh số sử dụng thẻ đạt 10.822 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2012.

Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ của Eximbank đạt 2.672 đơn vị với 4.928 máy POS và 260 máy ATM phân bố tại các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc. Tổng doanh số thanh toán trong năm 2013 qua các kênh đạt kết quả khá khả quan với 10.925 tỷ đồng, tăng 21% so cùng kỳ năm trước.

Hiện tại, Eximbank đã kết nối liên thông hệ thống ATM, POS với 46 ngân hàng trong 2 liên minh thẻ lớn tại Việt Nam (Smartlink, Banknet), mở rộng hệ thống thanh toán POS và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh chấp nhận thanh toán thẻ, đáp ứng nhu cầu sử dụng thẻ của khách hàng.

Bên cạnh việc mở rộng, đầu tư mạng lưới điểm chấp nhận thẻ và kết nối liên thông các ngân hàng, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ, trong năm 2013, Eximbank đã triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ,



gia tăng tiện ích và các chương trình chăm sóc khách hàng, nổi bật như sản phẩm Thẻ tín dụng JCB, thẻ MasterCard Debit, Teacher Card Paypass; dịch vụ xác thực giao dịch trực tuyến thẻ quốc tế; dịch vụ nhận diện và xác thực giao dịch bằng vân tay, gia tăng tiện ích trên Internet Banking và Mobile Banking (đăng ký phát hành thẻ, mở/khóa thẻ quốc tế và nội địa, truy vấn hạn mức thẻ, thanh toán dư nợ sao kê thẻ tín dụng, đăng ký các dịch vụ thẻ...),...các chương trình ưu đãi, khuyến mãi với nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng.

Dịch vụ

Về dịch vụ chi trả kiều hối: trong năm 2013 tổng doanh số kiều hối cá nhân chuyển về qua Eximbank đạt gần 293 triệu đô la Mỹ, tăng 22% (tương đương 54 triệu đô la Mỹ) so với năm 2012, số lượng giao dịch cũng tăng 34%. Trong năm, Eximbank thu hút được hơn 11.000 khách hàng giao dịch nhận kiều hối chuyển về chủ yếu từ Mỹ, Singapore, Đức và Úc. Về dịch vụ nhận tiền nhanh MoneyGram đạt mức tăng trưởng mạnh với doanh số tăng 74% so với năm 2012 thu hút được hơn 17.000 giao dịch.

Về dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài: tổng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài của khách hàng cá nhân năm 2013 đạt hơn 202 triệu đô la Mỹ, tăng 30% so với năm 2012. Trong đó, doanh số chuyển tiền du học tiếp tục đà tăng trưởng đạt hơn 165 triệu đô la Mỹ, chiếm 82% tổng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài, tăng 30% so với năm 2012. Với tiêu chí Nhanh chóng – An toàn – Tiện lợi, chính sách phí cạnh tranh, quan hệ đại lý rộng khắp thế giới, cùng với nhiều năm kinh nghiệm về dịch vụ chuyển tiền du học, Eximbank luôn mang đến cho khách hàng tâm lý hoàn toàn yên tâm và hài lòng về tính chuyên nghiệp cũng như thái độ phục vụ khách hàng của cán bộ nhân viên khi sử dụng dịch vụ tại Eximbank.

III.1.2. Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp

Huy động vốn khách hàng doanh nghiệp

Năm 2013 kinh tế trong nước tiếp tục tình trạng trì trệ, số lượng doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động nhiều hơn cả hai năm trước, làm cho không chỉ hoạt động tín dụng mà huy động vốn từ khách hàng doanh nghiệp (KHDN) của Eximbank cũng gặp không ít khó khăn.

Trong tình hình tăng trưởng tín dụng vẫn còn hạn chế, Eximbank đã nỗ lực giảm lãi suất cho vay nhằm thu hút khách hàng doanh nghiệp, nhờ đó huy động vốn KHDN năm 2013 vẫn đạt được kết quả khả quan. Công tác phát triển khách hàng mới cũng được đẩy mạnh đã góp phần tăng trưởng vốn huy động tích cực. Tính đến hết năm 2013, tổng huy động từ KHDN đạt được 27.785 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2012.

Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp

Theo định hướng xây dựng Eximbank trở thành một ngân hàng hiện đại, cung cấp đa dạng các



sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đồng thời để nâng cao khả năng cạnh tranh, năm 2013 Eximbank tiếp tục hoàn thiện, phát triển và triển khai mới nhiều sản phẩm dịch vụ, cung cấp thêm nhiều tiện ích cho khách hàng.

Các dịch vụ truyền thống như thu, chi hộ, chi lương theo danh sách, chuyển tiền thanh toán trong và ngoài nước... luôn được chú trọng cải tiến quy trình cũng như công nghệ để dịch vụ được thực hiện nhanh chóng, chính xác.

Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, Eximbank đã không ngừng đầu tư về mặt công nghệ kỹ thuật và nhân lực để cải tiến, hoàn thiện dịch vụ Internet Banking. Đến nay, dịch vụ Internet Banking của Eximbank đã đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch của khách hàng.

Bên cạnh đó, Eximbank cũng mở rộng liên kết, hợp tác để triển khai nhiều dịch vụ tiện ích khác, hợp tác với các cơ quan Nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công và nhiều đơn vị khác để cung cấp dịch vụ thu hộ đa dạng.

Hoạt động tín dụng doanh nghiệp

Trong giai đoạn nền kinh tế còn nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chưa khởi sắc, Eximbank đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như: giảm lãi suất cho vay, triển khai nhiều gói sản phẩm ưu đãi nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng... Bên cạnh đó, trong năm 2013 Eximbank đã xây dựng đội ngũ cán bộ bán hàng (RM) nhằm tìm kiếm thêm khách hàng mới, bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Nhờ vậy, dư nợ trong năm 2013 có mức tăng trưởng khá. Đến 31/12/2013, dư nợ khách hàng doanh nghiệp đạt 54.336 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm.

Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2013 vẫn là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam nói chung và hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, rất nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam chỉ hoạt động cầm chừng hoặc bị phá sản, dẫn đến sự sụt giảm về số lượng lẫn giá trị trong các giao dịch, hoạt động thanh toán quốc tế tại các ngân hàng.

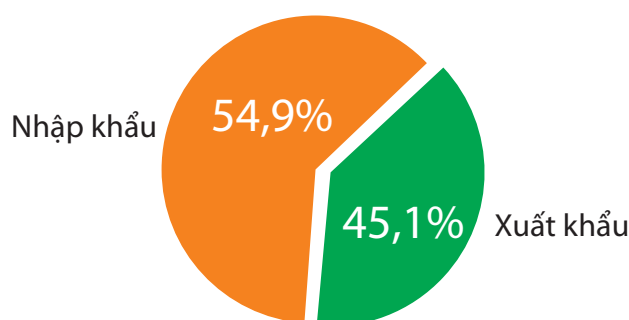
Tuy nhiên, với những lợi thế về thương hiệu, nguồn nhân lực chất lượng cao, chính sách linh hoạt và các gói sản phẩm phù hợp, mạng lưới ngân hàng đại lý gồm 871 ngân hàng trải rộng khắp các thị trường Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Trung Quốc và khu vực EU..., hoạt động thanh toán quốc tế tại Eximbank chỉ giảm nhẹ so với năm 2012 do mức tăng về doanh số thanh toán nhập khẩu không đủ để bù đắp cho mức giảm về doanh số thanh toán xuất khẩu.

Kết quả trong năm 2013, tổng doanh số thanh toán quốc tế của Eximbank đạt 4.944,94 triệu USD (giảm 44,36 triệu USD, tương đương giảm 0,89% so với năm 2012), trong đó:

- Doanh số thanh toán xuất khẩu đạt 2.229,76 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,69% kim ngạch xuất khẩu cả nước, giảm 13,67% so với năm 2012.

- Doanh số thanh toán nhập khẩu đạt 2.715,18 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,07% kim ngạch nhập khẩu cả nước, tăng 12,83% so với năm 2012.

Tỷ trọng xuất nhập khẩu năm 2013



III.1.3. Kinh doanh vốn

Năm 2013, với sự kiên quyết trong tái cơ cấu toàn ngành của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thận trọng hơn trong hoạt động tín dụng song song với xử lý nợ xấu, tín dụng cả năm tăng trưởng 12,51% so với mức 15,61% tăng huy động. Đây là nguyên nhân chính tạo ra sự dư thừa thanh khoản, thể hiện qua lãi suất giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm mạnh so với năm 2012. Eximbank, với chính sách hoạt động thận trọng theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước, tiếp tục đóng vai trò là thành viên chủ chốt của thị trường trong năm 2013, hoạt động kinh doanh vốn của Eximbank vẫn đạt được hiệu quả cao khi kịp thời nắm bắt và khai thác tốt các cơ hội của thị trường.

Với giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2013” do tạp chí EuroMoney bình chọn, uy tín của Eximbank tiếp tục nâng cao trên thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Bên cạnh các mối quan hệ quốc tế hiện hữu, Eximbank không ngừng củng cố và mở rộng quan hệ với các đối tác, đặc biệt trong các dự án lớn về huy động vốn với mục tiêu không chỉ đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh mà còn tạo động lực phát triển lớn mạnh trong tương lai.

Số liệu giao dịch trong năm 2013

Chỉ tiêu			2012	2013	Tăng giảm so với 2012
Doanh số	VNĐ (tỷ đồng)	Nhận/Vay	202.549	287.054	+41,72%
		Gửi/Cho vay	367.988	270.120	-26,59%
	USD (triệu đô la Mỹ)	Nhận/Vay	6.733	9.511	+42,26%
		Gửi/Cho vay	5.618	4.944	-12,00%

III.1.4. Kinh doanh ngoại tệ

Sự ổn định của thị trường ngoại hối trong năm 2013 đã mang đến những điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp và cũng là thế mạnh truyền thống của Eximbank. Để nâng cao chất lượng dịch vụ ngoại hối, Eximbank đã không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ khách hàng xuất nhập khẩu nhằm tăng các tiện ích cho khách hàng, đồng thời tăng tính cạnh tranh và doanh số giao dịch.

Về công tác quản trị hệ thống đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Eximbank đã xây dựng và cải tiến hệ thống giao dịch nội bộ theo hướng hiện đại, tiết kiệm thời gian giao dịch và giảm thiểu chi phí. Eximbank cũng tăng cường công tác quản trị đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, đồng thời không ngừng bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kinh doanh của toàn hệ thống.


Theo đó, hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank trong năm 2013 vẫn duy trì được sự tăng trưởng và đạt được kết quả khả quan. Doanh số mua bán ngoại tệ năm 2013 đạt mức 41,093 tỷ USD, tăng 44% so với năm 2012.

III.1.5. Kinh doanh vàng

Năm 2013, thị trường vàng trải qua những biến động khó lường với sự sụt giảm mạnh của giá vàng thế giới cũng như giá vàng trong nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục siết chặt quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Từ tháng 03/2013, NHNN lần đầu tiên tổ chức đấu thầu bán vàng miếng ra thị trường, đánh dấu sự thay đổi lớn trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh vàng của NHNN. Với 76 phiên đấu thầu trong năm 2013, NHNN đã cung ứng ra thị trường gần 70 tấn vàng để bình ổn giá.

Việc điều chỉnh và thay đổi chính sách của NHNN đã tác động tới kết quả kinh doanh vàng của Eximbank – là 1 trong 6 thành viên tham gia chương trình bình ổn giá vàng của NHNN từ đầu năm 2012.

Trong năm 2013, Eximbank tiếp tục phát triển thị trường bán lẻ đến từng khách hàng, xem đây là



chiến lược kinh doanh chính trong hoạt động kinh doanh vàng. Eximbank đã tổ chức lực lượng cán bộ kinh doanh vàng chuyên sâu để tăng cường hoạt động tiếp thị và chăm sóc khách hàng. Bên cạnh đó, với lợi thế được NHNN cấp phép kinh doanh mua, bán vàng miếng tại hơn 200 điểm giao dịch trên cả nước, năm 2013, Eximbank tiếp tục là một trong những ngân hàng dẫn đầu về hoạt động kinh doanh vàng miếng tại Việt Nam.

Doanh số mua bán vàng năm 2013 của Eximbank đạt 4,5 triệu lượng, giảm 50% so với năm 2012.

III.1.6. Đầu tư tài chính

Năm 2013, kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, lãi suất huy động và cho vay có xu hướng giảm; thị trường bất động sản vẫn đóng băng; thị trường chứng khoán hồi phục nhẹ và biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản thị trường còn thấp.

Đối mặt với các khó khăn trên, Eximbank thực hiện tái cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm đảm bảo an toàn và mang lại hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn, tuân thủ các quy định của pháp luật. Đối với các khoản góp vốn mua cổ phần, Eximbank không thực hiện giải ngân mới, chỉ tập trung thoái vốn tại các doanh nghiệp không có tiềm năng. Đối với việc đầu tư vào trái phiếu, Eximbank tập trung đầu tư vào các trái phiếu có hoạt động kinh doanh ổn định, tỷ suất sinh lợi cao và có tài sản đảm bảo. Trong năm 2013 thực hiện giải ngân đáng kể vào các trái phiếu này đã mang lại khoản đóng góp không nhỏ vào tổng thu nhập của ngân hàng.

Đến cuối năm 2013, giá trị các khoản góp vốn và đầu tư chứng khoán là 16.791 tỷ đồng (tăng 18% so với đầu năm). Trong đó, đầu tư vào trái phiếu và giấy tờ có giá là 14.653 tỷ đồng (tăng 25% so với đầu năm), chiếm tỷ lệ 87,3% và đầu tư vào cổ phiếu (bao gồm các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần, công ty liên kết) là 2.138 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 12,7%.

III.1.7. Phát triển nền tảng khách hàng

Nền tảng khách hàng của Eximbank tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá nhờ những nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ, cải tiến sản phẩm dịch vụ. Tổng số lượng khách hàng của Eximbank đến cuối năm 2013 đạt gần 796 nghìn khách hàng, tăng 16,3% so với năm 2012. Trong đó:

Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng 96%, tăng 16,5% so với đầu năm (tương đương 108 nghìn khách hàng).

Khách hàng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 4%, tăng 13,3% so với đầu năm (tương đương 4 nghìn khách hàng).



III.2. Tình hình tài chính

III.2.1. Tình hình tài sản

Trong năm 2013, Eximbank đã giảm toàn bộ nguồn vốn huy động vàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và tập trung phát triển nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư nên quy mô tổng tài sản của Eximbank vẫn giữ ở mức gần tương đương so với năm 2012. Về sử dụng vốn, Eximbank chú trọng nâng cao hiệu quả các kênh sử dụng vốn, tập trung đẩy mạnh tăng dư nợ tín dụng thông qua duy trì và phát huy thế mạnh truyền thống cho vay các doanh nghiệp, tiếp cận dự án lớn, từng bước phát triển dư nợ cho vay bán lẻ trên cơ sở xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tăng cường công tác tổ chức tiếp thị, mở rộng nền tảng khách hàng, cải tiến quy trình xử lý nghiệp vụ, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm tín dụng hiện hữu kết hợp với nghiên cứu sản phẩm tín dụng mới đáp ứng nhu cầu vay vốn đa dạng của khách hàng. Bên cạnh đó, Eximbank tiếp tục hiệu chỉnh, hoàn thiện cơ chế mua bán vốn nội bộ (FTP) cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, góp phần quản lý hiệu quả nguồn vốn của toàn hệ thống và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Về cơ cấu thu nhập, thu từ hoạt động tín dụng vẫn là nguồn thu chủ yếu của ngân hàng. Trong năm qua, hưởng ứng chủ trương của Ngân hàng Nhà nước, Eximbank giảm lãi suất cho vay nhằm chia sẻ phần nào khó khăn với khách hàng vay vốn dẫn đến thu nhập lãi thuần của ngân hàng giảm, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của Eximbank.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 0,4%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 4,3%

III.2.2. Chất lượng tín dụng

Thực hiện định hướng của Ngân hàng Nhà nước trong công tác xử lý nợ xấu, quản lý chất lượng tín dụng, Eximbank đã áp dụng các giải pháp cần thiết để thu hồi, xử lý nợ xấu. Đến cuối năm 2013, Eximbank kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp (1,98% tổng dư nợ).

III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

III.3.1. Phát triển mạng lưới

Trong năm 2013, Eximbank đưa vào hoạt động thêm 2 Phòng giao dịch (PGD Hội An và PGD Biên Hòa), đồng thời chấm dứt hoạt động 2 Điểm giao dịch tại Công ty CP Chứng Khoán Phú Hưng – Chi nhánh TP.Cần Thơ và Công ty CP Chứng khoán KimEng – Chi nhánh TP.Cần Thơ. Tính đến ngày 31/12/2013, mạng lưới hoạt động của Eximbank là 206 điểm giao dịch (gồm có: Sở Giao dịch, 41 Chi nhánh, 162 Phòng giao dịch, 01 Quỹ tiết kiệm và 01 Điểm giao dịch).

Tình hình phát triển mạng lưới Eximbank giai đoạn 2009 - 2013:

Thời điểm Mạng lưới	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
SGD/Chi nhánh	38	40	41	42	42
Phòng giao dịch/QTK/ Điểm giao dịch	102	143	161	164	164
Tổng cộng	140	183	202	206	206

III.3.2. Quản trị rủi ro

Năm 2013, ngân hàng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mô hình về quản trị rủi ro ở tất cả các cấp độ quản lý từ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đến Ban Điều hành và các Khối phù hợp với quy mô và định hướng hoạt động kinh doanh.

Ở cấp độ Ban Điều hành, ngân hàng tiếp tục xây dựng và củng cố hoạt động của các bộ phận quản lý rủi ro theo mô hình đã được SMBC tư vấn, bao gồm các phòng: Quản lý rủi ro tín dụng, Quản lý rủi ro thị trường, Quản lý rủi ro hoạt động.

Việc triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tại ngân hàng được thực hiện như sau:

III.3.2.1 Quản lý rủi ro tín dụng

(i) Chính sách tín dụng nội bộ của Eximbank được kiểm soát theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy định nội bộ của Eximbank;
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa danh mục đầu tư trong hoạt động tín dụng;
- Kiểm tra, kiểm soát chéo trong hoạt động tín dụng của Eximbank;
- Công khai, minh bạch, nhất quán trong tất cả các quy định cấp tín dụng;
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình cấp tín dụng và được duy trì thường xuyên, liên tục;
- Phân định trách nhiệm giữa thẩm định và quyết định cấp tín dụng.

(ii) Việc đo lường, đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện thông qua:

- Quản lý danh mục tín dụng trên cơ sở phân tích rủi ro tín dụng theo ngành, vùng kinh tế, xác lập các giới hạn tín dụng theo ngành kinh tế, nhóm khách hàng; Chấm điểm tín dụng nội bộ nhằm



theo dõi đánh giá thường xuyên mức độ tín nhiệm của khách hàng;

- Xây dựng danh mục tài sản bảo đảm, quy định tỷ lệ cấp tín dụng theo giá trị tài sản bảo đảm định kỳ làm cơ sở xác định mức độ tổn thất dự kiến khi rủi ro xảy ra;
- Thực hiện chấm điểm, xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng định kỳ, đánh giá năng lực tài chính, điều kiện kinh doanh, khả năng thu hồi nợ vay thường xuyên;
- Thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và chuẩn mực quốc tế nhằm đánh giá đầy đủ chất lượng tín dụng của Eximbank.

(iii) Trong năm 2013 điều kiện kinh tế khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro tín dụng, Eximbank tiếp tục thực hiện tập trung hóa công tác tín dụng về Hội sở để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ công tác cấp tín dụng. Việc tập trung hóa hoạt động tín dụng về Hội sở được thực hiện thông qua:

- Công tác thẩm định, phê duyệt tập trung tại Hội sở đối với các khoản vay có mức độ rủi ro cao, các khoản vay không tài sản, các khoản vay thuộc ngành nghề Eximbank hạn chế cấp tín dụng;
- Hầu hết công tác thẩm định tài sản bảo đảm được tập trung tại Hội sở;
- Cán bộ kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc Hội sở được phân công công tác tại từng Chi nhánh để giám sát từng hồ sơ tín dụng trước khi giải ngân.

III.3.2.2 Quản lý rủi ro hoạt động

- (i) Bảo đảm kiểm tra, kiểm soát chéo trong các nghiệp vụ;
- (ii) Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện trước, trong, sau khi thực hiện các nghiệp vụ quan trọng như: tín dụng, thanh toán, ngân quỹ bởi Phòng Kiểm tra, kiểm soát nội bộ Hội sở;
- (iii) Xây dựng và quản lý các hạn mức phê duyệt trên các hệ thống giao dịch phù hợp với mô hình mới của hoạt động kinh doanh và giới hạn rủi ro;
- (iv) Thực hiện xây dựng và vận hành “Nhật ký tác nghiệp” để ghi nhận và cảnh báo các lỗi tác nghiệp trong toàn hệ thống;
- (v) Triển khai hệ thống phòng, chống rửa tiền để giám sát, phòng ngừa các giao dịch gian lận, giao dịch đáng ngờ;
- (vi) Phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng các quy định về bảo đảm kinh doanh liên tục như: ứng phó về thanh khoản; ứng phó sự cố CNTT; xử lý khủng hoảng thông tin.

III.3.2.3 Quản lý rủi ro thị trường

- *Quản lý rủi ro lãi suất:* Eximbank điều hành lãi suất theo hướng chủ động và linh hoạt đối với từng

loại hình sản phẩm, dịch vụ trong từng thời kỳ; theo dõi chặt chẽ diễn biến lãi suất trên thị trường, dự báo về xu hướng biến động của lãi suất; phân tích chênh lệch lãi suất và mô phỏng các khả năng tác động đến lợi nhuận của lãi suất; tính toán mức biến động của giá trị tài sản ròng của ngân hàng theo sự biến động của lãi suất thông qua mô hình NPV; giám sát, báo cáo chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào đầu ra nhằm đảm bảo mức an toàn lãi suất kỳ vọng.

- *Quản lý rủi ro tỷ giá:* Eximbank thực hiện quản lý rủi ro tỷ giá thông qua: phân tích, theo dõi những biến động tỷ giá trên thị trường hàng ngày; theo dõi diễn biến tình hình kinh tế trong và ngoài nước, các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có thể tác động lên tỷ giá để đưa ra các dự báo về tỷ giá; kiểm soát trạng thái vàng, ngoại tệ theo quy định; đánh giá và phân tích thường xuyên trạng thái ngoại tệ và vàng trên toàn hệ thống để bảo đảm sự thay đổi của tỷ giá không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận của Eximbank;

Ngoài ra, Eximbank sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua các nghiệp phái sinh bao gồm: các giao dịch quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ để phòng ngừa rủi ro cho các giao dịch ngoại hối.

- *Quản lý rủi ro thanh khoản:* Eximbank thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước; phân tích và báo cáo rủi ro thanh khoản thông qua bảng phân tích tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn thực tế, các tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản. Eximbank cũng đã hoàn thiện các quy định về quản lý khả năng chi trả, quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

III.3.3. Hệ thống công nghệ thông tin

Với mục tiêu xây dựng một ngân hàng hiện đại đa năng trên nền tảng công nghệ tiến tiến, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) Eximbank trong năm 2013 được tiếp tục hoàn thiện và phát triển với những thành quả đã đạt được như sau:

(1) Eximbank tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án trọng tâm trong Chương trình phát triển CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn đến 2020, cụ thể như sau:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác tổ chức đấu thầu dự án thay thế Korebank để đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2016;
- Eximbank và Công ty Schneider Electric IT Việt Nam đã tiến hành ký biên bản ghi nhớ (MoU) triển khai xây dựng một Trung tâm dữ liệu hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước.



(2) Với chiến lược kinh doanh tập trung đẩy mạnh vào bán lẻ, Eximbank đã thành lập Phòng Ngân hàng điện tử để đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ trên các kênh giao dịch trực tuyến, từng bước đưa các dịch vụ này trở thành dịch vụ thế mạnh hàng đầu của Eximbank;

(3) Ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại và luôn đặt mục tiêu an toàn, bảo mật của khách hàng lên hàng đầu, Eximbank đã chính thức triển khai đến khách hàng công nghệ “Xác thực giao dịch ngân hàng bằng vân tay”. Công nghệ mới này tại Eximbank sẽ đảm bảo an toàn và khách hàng có thể an tâm khi giao dịch với ngân hàng;

(4) Tiếp tục rà soát và thiết lập chính sách bảo mật đối với các hệ thống giao dịch như: tiếp tục triển khai giai đoạn 2 dự án tuân thủ bảo mật thẻ thanh toán theo chuẩn PCI DSS; đưa vào vận hành hệ thống quản lý truy cập Internet tập trung giúp ngăn ngừa và hạn chế rủi ro an toàn thông tin khi người dùng truy cập Internet, trang bị hệ thống phòng chống tấn công; hoàn thiện hệ thống mạng, bảo mật tại Trung tâm dự phòng.

Những thành tựu đạt được của hệ thống CNTT trong năm 2013 là tiền đề tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển CNTT đến năm 2015 và góp phần vào hoạt động kinh doanh theo chiến lược chung của toàn ngân hàng.

III.3.4. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực


Trong năm 2013, thực hiện chủ trương của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về điều chỉnh mô hình kinh doanh, phát triển theo hướng bán hàng, hoạt động đào tạo của Eximbank cũng phát triển theo hướng đào tạo về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm bán hàng cho CNBV của Eximbank. Trong năm, Trung tâm đào tạo Ngân hàng Eximbank đã tổ chức được 104 lớp đào tạo với 6.496 lượt người tham gia, vượt 30% kế hoạch đề ra. Trong đó, Eximbank tổ chức được 40 lớp đào tạo cán bộ bán hàng với 3.081 lượt người tham dự, chiếm tỷ trọng gần 39%.

Bên cạnh đó, các lớp đào tạo đội ngũ Giám đốc Chi nhánh, lãnh đạo Phòng Giao dịch cũng được đánh giá cao, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý điều hành, kinh doanh của học viên.

Định hướng hoạt động đào tạo trong thời gian tới, Eximbank sẽ tiếp tục tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ bán hàng, tổ chức các lớp đào tạo đội ngũ Giám đốc Chi nhánh dự bị, Giám đốc Phòng Giao dịch dự bị nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa, đào tạo cập nhật kiến thức, cập nhật quy định, chính sách mới cho cán bộ nhân viên nghiệp vụ.

III.3.5. Hợp tác với cổ đông chiến lược nước ngoài

Năm 2013, năm kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhật Bản, Việt Nam đã đón nhận



một làn sóng đầu tư mới của các nhà đầu tư Nhật Bản từ cơ khí chính xác, công nghiệp phụ trợ đến lai tạo giống và sản xuất nông nghiệp. Eximbank đã phối hợp với Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) - cổ đông chiến lược, triển khai dịch vụ kết nối doanh nghiệp (Business Matching), qua đó giới thiệu và hỗ trợ các khách hàng tìm đối tác và thị trường mới cho sản phẩm dịch vụ của họ. Với mạng lưới chi nhánh rộng và cơ sở dữ liệu lớn của hai ngân hàng, dịch vụ Kết nối doanh nghiệp sẽ mang lại nhiều tiện ích, giải quyết vấn đề đầu ra cho doanh nghiệp, gia tăng nền tảng khách hàng, tạo tiền đề phát triển bền vững cho các bên.

Bên cạnh dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp, SMBC tiếp tục hỗ trợ Eximbank kiên định đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, thông qua việc xây dựng đội ngũ tư vấn và bán hàng chuyên nghiệp, bán chéo các gói sản phẩm dịch vụ cho cán bộ công nhân viên các doanh nghiệp. Thông qua mối quan hệ với các hãng sản xuất ô tô Nhật Bản, công ty tài chính Cedyna và công ty thẻ SMCC (các công ty con của tập đoàn tài chính SMFG) đã cùng với Eximbank tăng cường hoạt động kinh doanh thẻ, cho vay mua xe ô tô, dịch vụ ngân hàng điện tử, Mobile Banking, cũng như gia tăng các điểm chấp nhận thẻ với các ưu đãi dành riêng cho khách hàng của Eximbank.

Để gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng và cải thiện chất lượng hoạt động, Eximbank đã thành lập mới Phòng Quản Lý Chất Lượng với sứ mệnh thiết lập các chính sách, quy định và hướng dẫn về chất lượng, kết hợp với Trung tâm Đào tạo triển khai thống nhất trong toàn hệ thống. Ngoài ra, Trung tâm Đào tạo Châu Á Thái Bình Dương của SMBC cũng đã hỗ trợ tổ chức buổi hội thảo và khóa đào tạo để chia sẻ kinh nghiệm quản lý và nâng cao kiến thức tài chính chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ của Eximbank.

Trong năm 2013, SMBC tiếp tục hỗ trợ Eximbank tiếp cận các nguồn vốn quốc tế với chi phí hợp lý và tăng cường thanh khoản cho Eximbank bằng hạn mức cho vay liên ngân hàng, tài trợ thương mại và bảo lãnh. Ngoài ra, SMBC đang cùng với các đơn vị tư vấn quốc tế, hỗ trợ Eximbank xem xét lựa chọn các công nghệ kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành và gia tăng sự thân thiện và tiện ích cho khách hàng.

III.3.6. Quan hệ quốc tế

Trong năm 2013, hoạt động quan hệ quốc tế của Eximbank được triển khai theo hướng chủ động rà soát và tăng cường hợp tác với các đối tác lâu năm, đồng thời không ngừng tìm kiếm, đề xuất và xúc tiến hợp tác với các đối tác mới tại nhiều thị trường khác nhau, đặc biệt là những thị trường mới nổi. Tính đến cuối năm 2013, Eximbank đã có quan hệ với 874 mã Swift của các ngân hàng/chi nhánh ngân hàng tại 84 quốc gia trên toàn thế giới. Với mạng lưới quan hệ đại lý rộng lớn và nhờ vào chính sách đúng đắn và hợp lý như trên, năm 2013 Eximbank đã nhận được sự hỗ trợ đáng kể về nhiều mặt từ các đối tác thông



qua việc cấp các hạn mức tín dụng, hỗ trợ về mặt nghiệp vụ, đào tạo..., góp phần tăng năng lực tài chính cũng như khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ của Eximbank nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

Bên cạnh đó, công tác quảng bá thương hiệu trên thị trường quốc tế cũng hết sức được Eximbank chú trọng nhằm giúp thương hiệu Eximbank ngày càng vươn xa hơn thông qua việc tích cực tìm kiếm và tham dự các giải thưởng do các tạp chí, tổ chức uy tín trên thế giới tổ chức. Nhờ vậy, năm 2013, Eximbank rất vinh dự có được sự ghi nhận hết sức khích lệ từ cộng đồng tài chính quốc tế, cụ thể: vào tháng 4/2013, trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh Asian Banker, hội nghị thường niên lớn nhất quy tụ các chuyên gia trong ngành dịch vụ tài chính tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Ông Trương Văn Phước – nguyên Tổng Giám Đốc của Eximbank thời điểm đó đã nhận Giải thưởng Thành tựu lãnh đạo năm 2013 dành cho Việt Nam của Tạp chí Asian Banker, và Eximbank khi đó cũng được Asian Banker vinh danh là Ngân hàng được quản trị tốt nhất tại Việt Nam năm 2013; tháng 7/2013, Euromoney, tạp chí hàng đầu của công ty truyền thông tài chính Euromoney Institutional Investor PLC có trụ sở chính đặt tại London, đã trao tặng Eximbank giải thưởng Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam.

III.4. Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Tình hình kinh tế thế giới năm 2014 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực nhưng tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Năm 2014, Chính phủ đặt ra mục tiêu điều hành nền kinh tế theo hướng tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Theo đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 5,8%, kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu, tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP.

Ngân hàng Nhà nước xác định mục tiêu và các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ năm 2014 theo hướng điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khoá nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 12-14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, hoạt động ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất để góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của Eximbank năm 2013, căn cứ tình hình dự báo các tác động của môi trường kinh doanh đối với hoạt động ngân hàng năm 2014, căn cứ định hướng phát triển kinh doanh năm 2014 và chiến lược kinh doanh của Eximbank đến năm 2015, kế hoạch kinh doanh năm 2014 của hệ thống Eximbank như sau:

*** Kế hoạch nguồn vốn – sử dụng vốn**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Tăng so với năm 2013
Huy động vốn	100.000	21%
Dư nợ cấp tín dụng	97.300	10%

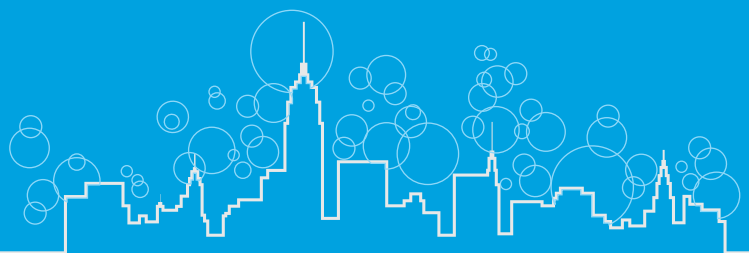
*** Kế hoạch phát triển dịch vụ** (doanh số thanh toán quốc tế, doanh số kiều hối, doanh số mua bán ngoại tệ, số lượng thẻ, doanh số thanh toán thẻ, doanh số sử dụng thẻ) tăng từ 12% - 62% so với năm 2013.

*** Kế hoạch lợi nhuận**

- Lợi nhuận trước thuế: đạt 1.800 tỷ đồng.
- Cổ tức dự kiến: 8,5%



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG



IV.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng

Trong năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo đúng chỉ đạo của Chính phủ. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm, tín dụng toàn hệ thống tăng 12,51%, cơ cấu tín dụng được tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, tăng trưởng huy động đạt trên 15,6%. Lãi suất huy động giảm khoảng 2-4%, lãi suất cho vay giảm khoảng 3-5% so với cuối năm 2012 và đã trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục siết chặt quản lý thị trường vàng thông qua chỉ đạo các TCTD tắt toán toàn bộ số dư huy động vàng và giảm dần số dư cho vay vốn bằng vàng của TCTD, thị trường ngoại hối về cơ bản ổn định, tình trạng đô la hóa giảm... Những kết quả nêu trên đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tình hình tiền tệ ngân hàng cũng còn một số diễn biến chưa thuận lợi. Tín dụng chưa tăng cao chủ yếu do nguyên nhân tổng cầu và sức mua của nền kinh tế còn yếu đã làm giảm khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng kéo dài, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tiếp tục tăng, tỷ lệ nợ xấu vẫn còn cao. Việc tích cực giảm lãi suất cho vay của các TCTD nhanh và mạnh hơn so với mặt bằng lãi suất huy động khiến cho chênh lệch lãi suất cho vay và huy động ngày càng thu hẹp.

Eximbank đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, tích cực chia sẻ khó khăn với khách hàng vay vốn thông qua việc hạ lãi suất cho vay, đưa ra nhiều gói sản phẩm tín dụng với lãi suất ưu đãi, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn hiệu quả với chi phí thấp, tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên... Bên cạnh đó, Eximbank tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, kiện toàn mô hình tổ chức, tiết giảm chi phí hoạt động, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, quyết liệt thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy trình quy chế các lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động.

Tổng tài sản đạt 169.835 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch.

Tổng vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 82.650 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch.

Dư nợ cấp tín dụng đạt 88.453 tỷ đồng, tăng 13,7% so với đầu năm, hoàn thành 99% kế hoạch.

Trong đó: dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư đạt 83.354 tỷ đồng, tăng 11,3% so với đầu năm, hoàn thành 97% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 828 tỷ đồng, hoàn thành 26% kế hoạch.



ROE đạt 4,3%

ROA đạt 0,4%

Cổ tức dự kiến: 4%

IV.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Kết quả hoạt động năm 2013 là một cố gắng đáng ghi nhận của Ban Điều hành trong việc thực thi những chỉ đạo chiến lược từ Hội đồng Quản trị. Eximbank đã hoàn thành một số mục tiêu cơ bản, trong đó quan trọng nhất là giữ được nền tảng khách hàng ổn định và hoạt động kinh doanh tương đối tốt giúp tạo nền cho năm 2014 và các năm tiếp theo.


Trong năm qua, Ban Điều hành đã có những bước tiến mạnh mẽ trong việc tái cấu trúc mô hình tổ chức từ Hội sở đến chi nhánh, tinh gọn bộ máy hoạt động, tập trung nguồn lực cho đội ngũ bán hàng, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; xây dựng các mô hình quản lý tập trung mới như Trung tâm thẩm định giá, Trung tâm kinh doanh thẻ, Trung tâm bán lẻ, Trung tâm kinh doanh vàng; củng cố và gia tăng nền tảng khách hàng trên cơ sở đi sâu vào hoạt động bán lẻ, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng lớn; đẩy mạnh công tác xử lý nợ, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2%; đẩy mạnh tăng dư nợ tín dụng có hiệu quả thông qua tiếp cận các dự án lớn, duy trì và phát huy thế mạnh truyền thống cho vay các doanh nghiệp, từng bước phát triển dư nợ cho vay bán lẻ thông qua việc xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp; từng bước nâng cấp chất lượng hoạt động của các phòng giao dịch nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần; tiết giảm chi phí hợp lý... dần xoá bỏ những rào cản, khắc phục những yếu kém còn tồn tại để có những bước đi ngày càng vững chắc.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị đã thống nhất với Ban Điều hành về chủ trương kế hoạch kinh doanh năm 2014 với một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính: huy động vốn đạt 100.000 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2013; dư nợ cấp tín dụng đạt 97.300 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2013; tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 3%; lợi nhuận trước thuế đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 117% so với năm 2013.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch trên, Eximbank xác định năm 2014 là năm tập trung “nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng” thông qua việc cải thiện chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ và chính sách chăm sóc khách hàng. Eximbank cần thực hiện một số giải pháp như sau:

- Xây dựng chính sách khách hàng thông qua việc phân cấp phục vụ khách hàng; củng cố và gia tăng nền tảng khách hàng trên cơ sở duy trì nền tảng khách hàng hiện hữu, gia tăng tìm kiếm thêm khách hàng lớn, đặc biệt là các khách hàng Nhật.



- Xây dựng những giải pháp đột phá trong công tác bán lẻ nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động bán lẻ; nâng cao hiệu quả của đội ngũ bán hàng RBO, RM thông qua đào tạo, xử lý trực tiếp các thông tin yêu cầu của khách hàng được phản ánh qua đội ngũ RBO, RM để đẩy mạnh doanh số bán hàng.

- Từng bước nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại như Internet Banking và Mobile Banking để tăng thêm tiện ích trong giao dịch trực tuyến, mở rộng thị phần và nền tảng khách hàng.

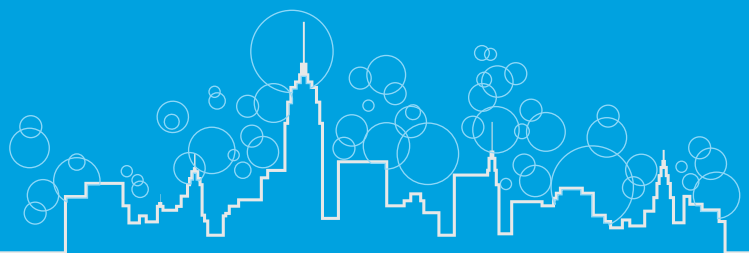
- Tái cấu trúc mô hình tổ chức từ Hội sở đến chi nhánh để xây dựng các phương án tinh gọn bộ máy hoạt động, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, điều chuyển nhân sự tăng cường cho đội ngũ bán hàng; tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung mới như Trung tâm thẩm định giá, Trung tâm kinh doanh thẻ, Trung tâm bán lẻ, Trung tâm kinh doanh vàng; hoàn thiện mô hình quản lý trực tiếp các Phòng giao dịch loại 1, đưa các Phòng giao dịch loại 1 trở thành mũi nhọn và lực lượng thủ công trong lĩnh vực thị trường bán lẻ.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin thông qua triển khai các dự án trọng tâm nhằm đảm bảo hệ thống luôn được vận hành xuyên suốt, tạo nền tảng phát triển những sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, tạo sự khác biệt hóa trong cạnh tranh với các ngân hàng khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tín dụng theo định hướng hiệu quả, an toàn, luôn đảm bảo chất lượng tín dụng; đồng thời Eximbank kiên trì xây dựng quan hệ lâu dài, chiến lược với các tổng công ty, tập đoàn lớn để đầu tư những dự án lớn, an toàn, có nguồn thu tốt, ổn định về trung dài hạn bên cạnh trọng tâm phát triển nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ. Song song đó, Eximbank vẫn tiếp tục triển khai các giải pháp xử lý nợ quá hạn, nợ xấu tồn tại phát sinh do tình hình kinh tế khó khăn chung trong năm 2014.



V. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG



V.1. Hội đồng Quản trị

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 7 thành viên: 1 Chủ tịch, 3 Phó chủ tịch và 3 thành viên.



Ông Lê Hùng Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hùng Dũng sinh năm 1954 tại Tấn Mỹ, Chợ Mới, An Giang. Ông từng học tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ Praha Tiệp Khắc và tốt nghiệp Cao cấp chính trị tại Trường Cán bộ TP.HCM (Học viện Hành chính – Chính trị phía Nam), trung cấp chính trị ngành Lý luận chính trị và công tác thành viên tại Trường Đoàn Trung ương Hà Nội.

Từ năm 1986 đến 2003 ông đã từng đảm nhiệm các vị trí: Phó Giám đốc Nhà hàng Festival (Trung tâm Du lịch TNVN); Giám đốc Trung tâm Du lịch TNVN, Chủ tịch Công ty TNHH 1 thành viên Du lịch TNVN. Từ tháng 08/2003 đến nay, ông là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn – SJC. Tháng 04/2010, ông được bổ nhiệm và giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị Eximbank đến nay.



Ông Hà Thanh Hùng
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hà Thanh Hùng sinh năm 1955 tại Tiền Giang, là Kỹ sư Điện tử, Cử nhân Kinh tế. Ông từng là Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư Đài tiếng nói nhân dân TP.HCM, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Imex Co., Phó Tổng giám đốc kinh doanh công ty Tenimex, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc công ty cổ phần TIE, Phó chủ tịch HĐQT công ty điện tử Samsung Vina, thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp TP.HCM.

Hiện nay, ông là Phó chủ tịch HĐQT Eximbank, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sóng Việt.



Ông Naoki Nishizawa
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Naoki Nishizawa sinh năm 1957, quốc tịch Nhật Bản, là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard, Cử nhân Luật Đại học Kyoto. Ông là đại diện đối tác chiến lược Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) tại Eximbank.

Ông từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Khối ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, SMBC, Tokyo, Nhật Bản; Phó Chủ tịch cấp cao và Phó Chủ tịch Điều hành Khối ngân hàng Nhật bản - Châu Á, Phó Chủ tịch Điều hành Khối Kế hoạch Ngân hàng Manufacturers Bank, Los Angeles, Hoa Kỳ; Phó Chủ tịch Điều hành SMBC, Tokyo, Nhật Bản. Hiện nay ông đang là Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank.



Ông Nguyễn Quang Thông Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thông sinh năm 1963 tại Kiên Giang, là Cử nhân Kinh tế. Ông từng giữ các chức vụ: thành viên Ban Kiểm soát Eximbank, thành viên HĐQT Eximbank.

Hiện ông đang là Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty bảo hiểm Bảo Long, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần bất động sản Eximland (công ty liên kết của Eximbank), Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Vinatex ITC, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long.



Ông Hoàng Tuấn Khải Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuấn Khải sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Đại học Ngoại thương chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương và học quản lý Kinh tế tại Hà Lan. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I, Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I.

Hiện ông đang là thành viên HĐQT Eximbank, đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất, thành viên HĐQT Công ty CP khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi; đồng thời là đại diện phần vốn góp của Eximbank và là thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex.





Ông Đặng Anh Mai
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Anh Mai sinh năm 1966, ông đã tốt nghiệp thạc sĩ tại đại học Duke – Hoa Kỳ. Ông từng giữ các chức vụ: Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó trưởng Phòng Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Chuyên gia World Bank tại Hoa Kỳ; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Ngân hàng Nhà nước. Hiện nay ông đang là thành viên HĐQT Eximbank.



Ông Lawrence Justin Wolfe
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lawrence Justin Wolfe sinh năm 1946, quốc tịch Mỹ. Ông là người có hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, từng giữ các chức vụ quan trọng như: Giám đốc chi nhánh Military Banking Facilities, Chase Manhattan Bank, Thái Lan; Giám đốc ngân hàng bán lẻ quốc tế Chase Manhattan Bank, New York; Giám đốc tín dụng và tiếp thị Chase Manhattan Bank, chi nhánh Osaka; Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng Deutsche Bank chi nhánh Taipei; Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Deutsche Bank, chi nhánh Singapore; Tổng Giám đốc Deutsche Bank, chi nhánh Jakarta, Indonesia; Tổng Giám đốc Deutsche Bank, Chi nhánh TP.HCM; Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty Chứng khoán Đông Á; Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch Techcombank. Hiện nay ông đang là thành viên HĐQT độc lập Eximbank.

V.1.2. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank đối với ông Phạm Trung Cang – Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank và ông Philip Simon Rupert Skevington – Thành viên HĐQT độc lập; bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT mới là: ông Đặng Anh Mai và ông Lawrence Justin Wolfe.

2. Ngày 05/9/2013, Eximbank đã công bố thông tin về việc ông Trương Văn Phước không còn là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Eximbank.

Căn cứ Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm ông Trương Văn Phước – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Eximbank giữ chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia,

Tham chiếu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 35 Luật Các TCTD; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 53 và điểm a khoản 2 Điều 63 Điều lệ Eximbank, Ông Trương Văn Phước không còn là thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank nhiệm kỳ V (2010 – 2015) kiêm Tổng giám đốc Eximbank.

3. Ngày 03/12/2013, Eximbank nhận được văn bản số 2980/NNNT-ĐT của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) v/v cử Bà Nguyễn Bích Thủy – Phó Trưởng phòng Đầu tư VCB là đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của VCB tại Eximbank thay Ông Nguyễn Ngọc Ban. Ông Nguyễn Ngọc Ban đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank theo điểm d khoản 1 Điều 35 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngày 04/12/2013 Eximbank đã thực hiện công bố thông tin Ông Nguyễn Ngọc Ban không còn là thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.



V.1.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Đại diện của cổ đông tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
1	Ông Lê Hùng Dũng	Chủ tịch HĐQT	0	Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC)	2,0736227
2	Ông Hà Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	0,1895237	-	0
3	Ông Naoki Nishizawa	Phó Chủ tịch HĐQT	0	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	15,0000624
4	Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch HĐQT	0,0123603	-	0
5	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	0,0054545	Công ty cổ phần XNK Tổng hợp 1 Việt Nam	1,0416642
6	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT	0	-	0
7	Ông Lawrence Justin Wolfe	Thành viên HĐQT độc lập	0	-	0

V.1.4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm thảo luận và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của Eximbank. Nội dung cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Tại phiên họp lần thứ 30 nhiệm kỳ V	17/01/2013	Thông nhất các nội dung sau: -Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012; đơn giá tiền lương năm 2013; -Các nội dung quản trị điều hành như mô hình quản lý các chi nhánh theo từng khu vực; bổ nhiệm các giám đốc khu vực phụ trách; phân nhóm chi nhánh và giao thẩm quyền phê duyệt tín dụng; -Thỏa thuận hợp tác với Sacombank; -Báo cáo tiền khả thi tháp Eximbank; -Báo cáo các nội dung Thường trực HĐQT đã phê duyệt giữa hai kỳ họp HĐQT.
2	Tại phiên họp lần thứ 31 nhiệm kỳ V	25/02/2013	Thông nhất chốt danh sách để gửi văn bản cho cổ đông xin ý kiến để cử, ứng cử 01 thành viên để bầu bổ sung vào HĐQT và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
3	Tại phiên họp lần thứ 32 nhiệm kỳ V	21/03/2013	Thông nhất các nội dung sau: -Thay đổi nội dung chốt danh sách để xin ý kiến cổ đông về việc đề cử, ứng cử 02 thành viên HĐQT trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập thay vì chỉ 01 thành viên HĐQT độc lập như nghị quyết ngày 25/2/2013. -Thay đổi thời gian gửi thư, nhận và tổng hợp ý kiến cổ đông.
4	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	01/04/2013	Thông nhất bổ nhiệm lại chức danh Tổng giám đốc Eximbank đối với Ông Trương Văn Phước

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	Tại phiên họp lần thứ 33 nhiệm kỳ V	08/04/2013	<p>Thông nhất các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2013 -Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT độc lập của Ông Philip Simon Rupert Skevington (đơn từ nhiệm của Ông Philip để nghị ngày có hiệu lực 31/3/2013) -Dự thảo các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và đăng trên website theo quy định. -Danh sách các ứng cử viên dự kiến để bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị Eximbank nhiệm kỳ V (2010 – 2015) trình Ngân hàng Nhà nước.
6	Tại phiên họp lần thứ 34 nhiệm kỳ V	25/04/2013	<p>Thông nhất các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kết quả hoạt động kinh doanh đến 24/4/2013. -Nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. -Bổ sung vào chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Trình xin ý kiến về chủ trương nghiên cứu sáp nhập với tổ chức tín dụng khác. -Cấp tín dụng cho Tổng công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines). -Các nội dung Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Quản trị. -Phân công Ông Hà Thanh Hùng – Thành viên Thường trực HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT. -Báo cáo HĐQT các nội dung Thường trực đã phê duyệt giữa 02 kỳ họp HĐQT.
7	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	31/05/2013	<p>Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức đợt 2 năm 2012 và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung nội dung thực hiện dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản (bao gồm giữ hộ vàng) vào Giấy phép hoạt động của Eximbank.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
8	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	19/07/2013	<p>Thống nhất bổ sung Ông Lawrence Justin Wolfe – Thành viên HĐQT độc lập vào Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban chiến lược phát triển trực thuộc HĐQT.</p>
9	Tại phiên họp lần thứ 35 nhiệm kỳ V	06/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> -Thống nhất ước tính kết quả hoạt động kinh doanh đến hết ngày 31/07/2013. -Thống nhất chủ trương giao Ban Điều hành thực hiện chuẩn mực đánh giá, thẩm định để đảm bảo chất lượng tín dụng và các biện pháp, vai trò quản lý rủi ro. -Thống nhất có chính sách lương, chi phí phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh trong hệ thống. -Thống nhất thành lập Trung tâm bán lẻ, đây là đơn vị chuyên trách, chuyên nghiệp trong đẩy mạnh hoạt động bán lẻ bên cạnh duy trì thế mạnh truyền thống là cho vay các doanh nghiệp. -Thống nhất bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Phó Tổng giám đốc là Ông Lê Anh Tú và Bà Bùi Đỗ Bích Vân.
10	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	12/08/2013	<ul style="list-style-type: none"> -Thống nhất thôi chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Đức Thanh và bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Thanh giữ chức danh Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Eximbank (Eximbank AMC). -Thống nhất bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc Đệ giữ chức danh Tổng giám đốc Eximbank AMC.
11	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	30/08/2013	Thống nhất chủ trương phát hành Giấy tờ có giá dài hạn bằng VNĐ năm 2013.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	Tại phiên họp lần thứ 36 nhiệm kỳ V	05/09/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Hương – Phó Tổng giám đốc Eximbank điều hành hoạt động của Eximbank với chức danh Quyền Tổng giám đốc Eximbank. - Thông qua danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Eximbank để nộp Ngân hàng Nhà nước.
13	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	05/09/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phân công công tác đối với Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thôi chức danh Kế toán trưởng Eximbank; + Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ giữ chức danh Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Eximbank. - Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Hà giữ chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán tổng hợp thuộc Khối Giám sát hoạt động.
14	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	17/09/2013	<p>Thống nhất các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân công công tác đối với Ông Tô Nghị như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thôi chức danh Phó tổng giám đốc đối với Ông Tô Nghị; - Bổ nhiệm Ông Tô Nghị giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng đầu tư trung ương trực thuộc HĐQT. 2. Phân công công tác đối với Ông Lê Hải Lâm như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thôi chức danh Giám đốc Eximbank chi nhánh Tân Sơn Nhất; - Bổ nhiệm Ông Lê Hải Lâm giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Eximbank. 3. Thành lập Ủy ban đối ngoại trực thuộc Hội đồng quản trị Eximbank. 4. Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tín dụng trung ương và Ủy ban về vấn đề nhân sự. 5. Bổ nhiệm Ông Hồ Thanh Mẫn giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Eximbank.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	25/09/2013	<p>Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Triết giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Eximbank</p>
16	Tại phiên họp lần thứ 37 nhiệm kỳ V	04/10/2013	<p>Hội đồng Quản trị thống nhất các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm và động viên hệ thống cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông giao. - Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản nâng cao vai trò hỗ trợ tốt hơn cho Eximbank trong công tác khai thác tài sản, cần trừ nợ và báo cáo hàng tuần cho Thường trực HĐQT. - Tiết giảm chi phí vốn, chi phí quản lý, hoạt động sao cho thật hiệu quả, không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tinh gọn nhân sự trong đó tăng lực lượng bán hàng trực tiếp và giảm tối đa nhân sự gián tiếp. - Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của Ủy ban ALCO tham gia vào công tác tăng cường hiệu quả sử dụng tài sản nợ - có của ngân hàng. - Xây dựng quy chế truyền thông đối với cơ quan thông tấn báo chí và cộng đồng bên ngoài để các cổ đông, đối tác, khách hàng có sự hiểu biết đúng và rõ ràng về hoạt động kinh doanh của Eximbank và quy chế truyền thông nội bộ để cán bộ nhân viên nắm bắt tình hình hoạt động của ngân hàng. - Bổ sung Ông Naoki Nishizawa – Phó Chủ tịch HĐQT làm thành viên Thường trực HĐQT. - Các nội dung Thường trực đã phê duyệt giữa 02 kỳ họp HĐQT.
17	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	05/11/2013	<p>1. Thống nhất việc mua lại cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam làm cổ phiếu quỹ với số lượng dự kiến là 61.776.145 cổ phiếu, tương ứng 5% tổng số cổ phần phổ thông.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>2. Thống nhất chốt danh sách ngày 20/11/2013 để xin ý cổ đông bằng văn bản về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2013 để mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam làm cổ phiếu quỹ. -Giao Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành thực hiện các thủ tục liên quan để thực hiện việc mua lại cổ phiếu, bao gồm cả xin phép các cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
18	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	07/11/2013	<p>Thống nhất thông qua kế hoạch mua lại 61.776.145 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam làm cổ phiếu quỹ chia làm 02 đợt, trong đó đợt 1 mua lại 11.000.000 cổ phiếu (tương đương 0,89% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) và đợt 2 mua lại 50.776.145 cổ phiếu EIB làm cổ phiếu quỹ (tương đương 4,11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).</p>
19	Lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản	29/11/2013	<p>Hội đồng Quản trị thống nhất bổ nhiệm Ông Cao Xuân Lãnh giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Eximbank (Nghị quyết ngày 29/11/2013, Quyết định ngày 02/12/2013 và hiệu lực từ ngày 02/12/2013)</p>
20	Tại phiên họp lần thứ 38 nhiệm kỳ V	16/12/2013	<p>Thống nhất các ý kiến đề xuất của Quản lý dự án – Công ty Turner Việt Nam và Nikkei Sekkei về việc chọn nhà thầu cho gói thầu BP02 – Cọc và Tường vây của dự án tháp Eximbank.</p>
21	Tại phiên họp lần thứ 39 nhiệm kỳ V	20/12/2013	<ul style="list-style-type: none"> -Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Hương – Q.Tổng giám đốc giữ chức danh Tổng giám đốc Eximbank. -Thống nhất phân công Ông Nguyễn Quang Thông – Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT.

V.1.5. Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hội đồng Tín dụng Trung ương: nhằm phát triển tín dụng an toàn, hiệu quả, Hội đồng thường xuyên họp để giải quyết kịp thời những hồ sơ tín dụng vượt hạn mức của Hội đồng tín dụng Hội sở cũng như thảo luận các chính sách, chiến lược theo từng thời kỳ.

Hội đồng Xử lý rủi ro tín dụng: trong năm qua, Hội đồng luôn tích cực theo dõi, rà soát tình hình nợ quá hạn, nợ xấu của ngân hàng, kịp thời xử lý các hồ sơ theo quy định nội bộ của Eximbank và của pháp luật.

Hội đồng Đầu tư Trung ương: thường xuyên rà soát danh mục đầu tư trái phiếu, chứng khoán của Eximbank để đảm bảo hiệu quả cho danh mục đầu tư trong tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, biến động. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng nghiên cứu, hoạch định những chiến lược đầu tư hiệu quả nhằm tạo nền thu nhập ổn định về dài hạn.

Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật: thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động, chất lượng cán bộ, kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị, xử lý các vấn đề về khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

Ủy ban về Vấn đề Quản lý Rủi ro: đã thường xuyên họp thảo luận các nội dung sau:

- a) Phát triển tín dụng gắn chặt với quản trị rủi ro;
- b) Thảo luận những thay đổi trong mô hình tín dụng tại Hội sở và Chi nhánh;
- c) Đánh giá các rủi ro hoạt động;
- d) Kiểm soát chất lượng tín dụng: nợ xấu và các khó khăn trong xử lý nợ xấu.

Ủy ban về Vấn đề Nhân sự: tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề nhân sự trong hệ thống trong năm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (2010 – 2015).

Ủy Ban Liên Minh: được thành lập theo Thỏa Thuận Liên Minh Chiến Lược do Eximbank và SMBC ký kết ngày 27/11/2007. Ủy Ban Liên Minh họp 6 tháng một lần để đánh giá kết quả liên minh chiến lược trong từng lĩnh vực cụ thể như ngân hàng bán sỉ, ngân hàng bán lẻ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin, giúp Eximbank nâng cao chất lượng hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị thanh khoản, mở rộng cơ sở khách hàng và nâng cao uy tín, vị thế và thương hiệu của Eximbank.

Ủy ban Chiến lược Phát triển Ngân hàng: các thành viên thường xuyên nghiên cứu, nắm bắt thông tin thị trường, thông tin ngành để có những thảo luận, dự báo và tư vấn chiến lược cho Hội đồng Quản trị trong chỉ đạo.

Ủy ban Đối ngoại: có nhiệm vụ tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách và các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động đối ngoại của Eximbank.

V.2. Ban Kiểm soát

V.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010 – 2015 có 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Eximbank và doanh nghiệp khác. Các thành viên Ban Kiểm soát gồm có:



Ông Đặng Hữu Tiến
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Đặng Hữu Tiến sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Đại học Columbia, Cao học kinh tế Đại học Thương mại, Cử nhân kinh tế Kế hoạch, Cử nhân kinh tế Ngoại thương.

Từ năm 1998 đến 2010, ông là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách của Eximbank. Ông là người có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, kế toán kiểm toán, kiểm tra kiểm soát. Chức vụ hiện nay của ông ở Eximbank là Trưởng Ban Kiểm soát.



Ông Nguyễn Hồng Long
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hồng Long sinh năm 1964 tại Hòa Bình (Hà Nội), ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Đại học Nam Columbia Hoa Kỳ, Cao học kinh tế Đại học Thương mại, Cử nhân kinh tế Kế hoạch, hiện đang là Nghiên cứu sinh tiến sĩ (DBA) của ĐH Nam Columbia. Ông là chuyên gia tài chính có nhiều kinh nghiệm về tài chính ngân hàng và quản trị doanh nghiệp, đã từng là giảng viên chính các Chương trình Đào tạo Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính - CFO, Giám đốc điều hành - CEO; Trưởng Phòng Nghiên cứu Kinh tế Viện Nghiên cứu tin học

và Kinh tế ứng dụng TP.HCM; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Standard. Trước khi trúng cử vào Ban Kiểm soát của Ngân hàng Eximbank (04/2010), ông là Thành viên Thường trực của Ủy Ban Chiến lược phát triển Eximbank, đồng thời là thành viên Ban tư vấn của Ngân hàng Eximbank. Chức vụ hiện nay của ông ở Eximbank là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát.



Bà Nguyễn Thị Phụng Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phụng sinh năm 1954 tại Tiền Giang, là cử nhân Tài chính Ngân hàng. Tháng 07/2010 bà trúng cử thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ 2010 – 2015. Bà là người có rất nhiều kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, đặc biệt ở lĩnh vực tiền tệ tín dụng, kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị ngân hàng. Bà đã từng giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Eximbank suốt giai đoạn 2000 – 2010; thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Việt Á (2003 – 2011).

Chức vụ hiện nay của bà ở Eximbank là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc là Ban Kiểm toán nội bộ (năm 2013 bộ phận này có 65 người).

V.2.2. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát

Trong năm 2013 không có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm soát

V.2.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Đặng Hữu Tiến	Trưởng ban	0,0068182
1	Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên	0,0000013
1	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	0,0111444

V.2.4. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban giữa Thường trực HĐQT – Ban Kiểm soát – Ban Điều hành, giao ban hàng tháng, hội nghị sơ kết/tổng kết.



Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã họp riêng 16 phiên để thảo luận và triển khai các công việc, đồng thời tổ chức 13 phiên họp mở rộng với Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ để thảo luận, triển khai và thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó, các thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách đã trực tiếp tham gia và chủ trì 42 phiên họp với các đoàn kiểm toán và các đơn vị được kiểm toán để thảo luận, xem xét, kết luận và chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ ở từng đơn vị theo kế hoạch một cách độc lập – khách quan (đảm bảo phản ánh đúng/trung thực thực trạng về tình hình hoạt động của các đơn vị được kiểm toán), cũng như các vấn đề cần giải quyết với các đoàn kiểm toán nội bộ.

Ban Kiểm soát sử dụng bộ máy Kiểm toán nội bộ để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ định kỳ và đột xuất theo định hướng rủi ro, kết hợp kiểm toán trực tiếp và từ xa qua hệ thống thông tin nội bộ (thông qua hệ thống thông tin nội bộ, Ban Kiểm soát thực hiện công tác giám sát từ xa các hoạt động kinh doanh trọng yếu tại các bộ phận trong hệ thống Eximbank). Đối tượng kiểm toán là Sở giao dịch, các chi nhánh, phòng giao dịch, các khối phòng ban Hội sở. Chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ ngày càng được củng cố và nâng cao, nội dung kiểm toán nội bộ chủ yếu tập trung vào quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước và của Eximbank.

Trong năm tài chính 2013, Ban Kiểm soát đã cử các đoàn công tác (do các thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp chỉ đạo và chủ trì các cuộc họp làm việc với đoàn kiểm toán và đơn vị được kiểm toán) đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch và đột xuất tại Sở Giao dịch 1/Chi nhánh và 163 Phòng giao dịch trực thuộc; thực hiện rà soát, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2012 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 của ngân hàng. Thông qua công tác kiểm tra, kiểm toán các đoàn công tác đã đưa ra các khuyến nghị đối với các Chi nhánh và Phòng/Ban Hội sở để khắc phục sai sót, hạn chế rủi ro trong hoạt động.

V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

V.3.1. Thu nhập, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua tổng mức thù lao, lương, phụ cấp trách nhiệm chuyên trách của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013 là 1,5% lợi nhuận sau thuế.

V.3.2. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Eximbank và các giao dịch khác của những người liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ (%)	
1	Công ty cổ phần Sóng Việt	Ông Hà Thanh Hùng là Chủ tịch HĐQT công ty CP Sóng Việt	2.482.529	0,2009	2.341.929	0,1895	đã bán: 140.600 cổ phiếu ngày 31/01/2013
2	Bà Hà Thị Mỹ Trang	em ông Hà Thanh Hùng	20.025	0,0016	20.025	0,0016	đăng ký mua 200.000 cổ phiếu từ ngày 04/12/2012 đến ngày 02/01/2013 nhưng không thực hiện được vì giá cổ phiếu không đạt kỳ vọng (đã báo cáo năm 2012)
3	Bà Hà Thị Mỹ Trang	em ông Hà Thanh Hùng	20.025	0,0016	5	0,0000004	bán 20.020 cổ phiếu ngày 12/3/2013
4	Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng giám đốc	140.044	0,0113	0	0	bán từ ngày 20/8/2013 đến ngày 05/9/2013
5	Bà Hồ Thiên Nga	vợ của ông Trần Tấn Lộc	41.738	0,0034	0	0	bán từ ngày 20/8/2013 đến ngày 05/9/2013


STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ (%)	
6	Ban chấp hành công đoàn Eximbank	Bà Đinh Thị Thu Thảo Phó Tổng giám đốc là Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn	3.485.675	0,2821	3.975.675	0,3218	mua 490.000 cổ phiếu từ ngày 28/8/2013 đến ngày 26/9/2013
7	Công ty cổ phần Sóng Việt	Ông Hà Thanh Hùng là Chủ tịch HĐQT công ty CP Sóng Việt	2.341.929	0,1895	2.231.929	0,1442	đã bán 110.000 cổ phiếu (Công ty cổ phần Sóng Việt đăng ký bán 560.000 cổ phiếu từ ngày 25/12/2013 đến ngày 24/01/2014)

V.3.3. Các hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả trong quản trị ngân hàng

Bên cạnh các cuộc họp thường xuyên với Ban Điều hành và các bộ phận chức năng, hàng tuần Thường trực Hội đồng Quản trị có cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc và các chi nhánh để kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống, đồng thời có những chỉ đạo liên quan đến việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Thông qua hệ thống CNTT kiểm soát tức thời và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến toàn hệ thống, Hội đồng Quản trị có thể theo dõi và nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của các chi nhánh một cách kịp thời, nhanh chóng.

Các chi nhánh trên toàn quốc được tổ chức thành 5 Khu vực địa lý: miền Bắc, miền Trung – Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nam Bộ, Hội đồng Quản trị đã phân công các Thành viên phụ trách từng Khu vực để kịp thời nắm bắt tình hình và hỗ trợ kinh doanh cho các Khu vực. Mô hình mới này khi áp dụng đã có một số kết quả khả quan bước đầu, tạo động lực thúc đẩy cho các chi nhánh, khu vực tự tin trong kinh doanh.

Eximbank đã chủ động đa dạng hoá hoạt động kinh doanh, phát triển mạnh hoạt động bán lẻ bằng nhiều mô hình mới trong bán hàng năng động, linh hoạt hơn nhằm tăng sức cạnh tranh với các



ngân hàng bạn, góp phần cung cấp thêm nhiều lựa chọn sản phẩm, dịch vụ tối ưu cho phân khúc khách hàng bán lẻ. Các quy trình thủ tục bán lẻ được cải tiến, điều chỉnh theo định hướng thật gọn nhẹ, thuận tiện hơn cho khách hàng. Nhờ vào đó, thương hiệu Eximbank đã được cộng đồng khách hàng biết đến nhiều hơn trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng đã thống nhất chủ trương, giao Ban Điều hành tăng số lượng lớn cán bộ bán hàng hướng thù lao tính trên doanh thu mang lại nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh.

Song song phát triển mạnh mô hình ngân hàng bán lẻ, Eximbank vẫn luôn chú trọng và tập trung củng cố, phát triển thế mạnh truyền thống là tài trợ doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị trong những năm qua rất tích cực đi tiên phong cùng Ban Điều hành trong công tác tiếp thị, bán hàng thông qua việc kiên trì xây dựng quan hệ với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn kinh tế lớn để khai thác cơ hội đồng hành tài trợ các dự án lớn, dài hạn cũng như chào mời các gói sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bán lẻ và ngân hàng doanh nghiệp trọn gói cho khách hàng.

Một lĩnh vực tạo thu nhập không kém quan trọng hơn 2 nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ và ngân hàng doanh nghiệp là hoạt động đầu tư tài chính. Ngân hàng tiếp tục củng cố hoạt động đầu tư tài chính trong năm 2013, những danh mục đầu tư kém hiệu quả đã từng bước được xử lý. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị, Thường trực Hội đồng Quản trị đã điều nghiên, khảo sát và đầu tư vào những dự án có lớn tiềm năng tạo thu nhập khả quan trong trung và dài hạn. Đây chính là những nhân tố đột phá cho lợi nhuận Eximbank.

Công tác giám sát hoạt động và xử lý nợ luôn được Hội đồng Quản trị đề cao và chỉ đạo triển khai chặt chẽ. Phát triển kinh doanh là mục tiêu hàng đầu nhưng Hội đồng Quản trị kiên định nguyên tắc luôn đảm bảo chất lượng tín dụng, không vì thành tích dư nợ tín dụng và mục tiêu lợi nhuận mà nới lỏng các điều kiện trong phê duyệt tín dụng. Hội đồng Quản trị kiên định lập trường phát triển ổn định - bền vững, không chạy theo thành tích nên kết quả kinh doanh báo cáo luôn phản ánh đúng thực chất hoạt động của Eximbank. Trong năm 2013, tình hình kinh tế rất khó khăn, thách thức, Eximbank đã chấp nhận tiến hành khắc phục những tồn tại từ trước nhằm tạo nền tảng trong sạch, lành mạnh, làm tiền đề tăng trưởng về sau.

Công tác nhân sự và đào tạo cũng đã được Hội đồng Quản trị quan tâm sâu sắc và có những chỉ đạo cho Ban Điều hành trong việc tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy toàn hệ thống nhằm tăng năng suất lao động và phát huy tối đa nguồn nhân lực. Mô hình các đơn vị, phòng, ban cũng được tổ chức lại theo hướng hỗ trợ tối đa cho công tác bán hàng, tăng lực lượng phục vụ khách hàng trực tiếp, giảm thiểu các vị trí trung gian, gián tiếp không cần thiết để nâng cao chất lượng và tốc độ phục vụ khách hàng. Hội đồng



Quản trị Eximbank đã tin tưởng phân công Ông Naoki Nishizawa – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, cán bộ biệt phái cao cấp của SMBC làm giám đốc Trung tâm Đào tạo nhằm phát huy tối đa hỗ trợ trong công tác đào tạo - nhân sự từ cổ đông chiến lược nước ngoài SMBC.

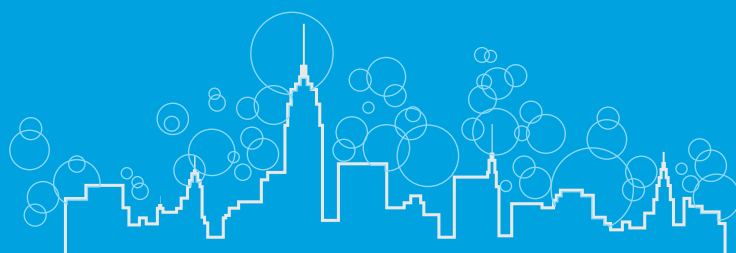
Về lĩnh vực Công nghệ thông tin, hệ thống ngân hàng lõi (core banking) của Eximbank thời gian qua đã góp phần quyết định vào việc xử lý xuyên suốt, tức thời các giao dịch nghiệp vụ của khách hàng. Trong tương lai, để đảm bảo an toàn và tính ổn định hệ thống, Eximbank đang tiến hành dự án nâng cấp, thay thế hệ thống ngân hàng lõi (core banking) theo quy định. Đây là nền tảng công nghệ để Eximbank có thể phát triển thêm nhiều cấu phần (module) dịch vụ mang hàm lượng công nghệ cao phục vụ khách hàng.


Thương hiệu Eximbank trong thời gian qua đã có bước nhảy vọt về nhận dạng thương hiệu đối với khách hàng nhờ vào những khoản mục tài trợ lớn, hiệu quả. Công tác tài trợ cho các hoạt động từ thiện, xã hội luôn được Hội đồng Quản trị Eximbank chú trọng quan tâm chỉ đạo vì đây là nghĩa vụ xã hội của doanh nghiệp, góp phần tạo nên hình ảnh một Eximbank ngày càng thân thiện vì cộng đồng.

Một trong những thế mạnh của Eximbank là có cơ cấu cổ đông vững chắc, trong đó có sự hỗ trợ tích cực của các cổ đông lớn, đặc biệt là Ngân hàng hàng đầu Nhật Bản SMBC... Ngân hàng SMBC đã có quá trình hợp tác toàn diện, chặt chẽ với Eximbank từ 2008 thông qua Thỏa thuận Liên minh Chiến lược đã có quá trình gắn bó lâu dài với Ngân hàng hơn 6 năm qua bằng những công việc hợp tác cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh ngân hàng bán lẻ, ngân hàng doanh nghiệp và đầu tư...

Bên cạnh những cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban Hội đồng Quản trị diễn ra thường xuyên và luôn được nâng cao, củng cố. Các Hội đồng, Ủy ban, thông qua các phiên họp đã tư vấn hiệu quả cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành những định hướng, chủ trương phù hợp, đúng đắn, tạo hiệu quả hoạt động an toàn, minh bạch, lành mạnh theo các chuẩn mực quốc tế.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán
và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và
cho năm tài chính kết thúc



THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập vào ngày 24 tháng 5 năm 1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Ngày 6 tháng 4 năm 1992, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp giấy phép số 11/NH-GP cho phép Ngân hàng hoạt động trong thời hạn 50 năm.

Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) Sở giao dịch, bốn mươi một (41) chi nhánh tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Lê Hùng Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Naoki Nishizawa	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 1 năm 2011
Ông Hà Thanh Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 12 năm 2013
Ông Trương Văn Phước	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm vào ngày 5 tháng 9 năm 2013
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lawrence Justin Wolfe	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Philip Simon Rupert Skevington	Thành viên	Từ nhiệm vào ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Ngọc Ban	Thành viên	Từ nhiệm vào ngày 3 tháng 12 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Đặng Hữu Tiên	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Long	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 7 năm 2010

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 12 năm 2013
Ông Trương Văn Phước	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm vào ngày 5 tháng 9 năm 2013
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 3 năm 2007
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 4 năm 2004
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 19 tháng 12 năm 2007
Ông Kenji Kuroki	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Thanh Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 22 tháng 11 năm 2010
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 9 tháng 5 năm 2012
Ông Mitsuaki Shiogo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 6 tháng 6 năm 2012
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 6 tháng 8 năm 2013
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 6 tháng 8 năm 2013
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Tài Chính	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 9 năm 2013
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 9 năm 2013
Ông Cao Xuân Lãnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 2 tháng 12 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 1 năm 2014
Ông Tô Nghị	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm vào ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 5 tháng 9 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng đến ngày 5 tháng 9 năm 2013 là ông Trương Văn Phước, chức danh Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ ngày 5 tháng 9 năm 2013 đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Quốc Hương, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 60859558/16472453

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1103-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02/TCTD-HN

	Thuyết Minh	31/12/2013 Triệu đồng	31/12/2012 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.480.223	13.209.831
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	2.258.816	2.269.024
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	57.874.498	57.515.031
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	30.316.278	36.342.449
Cho vay các TCTD khác	7.2	27.558.220	21.172.582
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	7.190	-
Cho vay khách hàng		82.643.274	74.315.952
Cho vay khách hàng	9	83.354.232	74.922.289
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(710.958)	(606.337)
Chứng khoán đầu tư	11	14.655.017	11.752.036
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.002.068	1.002.192
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		13.652.949	10.749.844
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	2.012.877	2.388.856
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	99.912	97.351
Đầu tư dài hạn khác	12.2	2.036.030	2.356.030
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.2	(123.065)	(64.525)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02/TCTD-HN

	Thuyết Minh	31/12/2013 Triệu đồng	31/12/2012 Triệu đồng
Tài sản cố định		4.320.661	3.314.727
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	13.1	848.718	858.307
Nguyên giá tài sản cố định		1.453.325	1.391.628
Hao mòn tài sản cố định		(604.607)	(533.321)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	13.2	3.471.943	2.456.420
Nguyên giá tài sản cố định		3.542.628	2.513.680
Hao mòn tài sản cố định		(70.685)	(57.260)
Tài sản có khác	14	4.582.904	5.390.553
Các khoản phải thu	14.1	2.458.418	2.600.359
Các khoản lãi, phí phải thu		1.911.743	2.650.444
Tài sản có khác	14.2	212.743	139.750
TỔNG TÀI SẢN		169.835.460	170.156.010
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	426.801	15.025
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	65.766.554	58.046.426
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	35.557.264	32.553.784
Vay các TCTD khác	16.2	30.209.290	25.492.642
Tiền gửi của khách hàng	17	79.472.411	70.458.310
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	8	-	87.679

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết Minh</i>	<i>31/12/2013 Triệu đồng</i>	<i>31/12/2012 Triệu đồng</i>
Phát hành giấy tờ có giá	18	7.677.744	11.880.355
Các khoản nợ khác		1.811.633	13.856.010
Các khoản lãi, phí phải trả		1.467.689	2.149.878
Các khoản phải trả và công nợ khác	19	287.500	11.663.112
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10.2	56.444	43.020
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		155.155.143	154.343.805
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		12.526.947	12.526.947
Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
Các quỹ dự trữ		1.525.254	1.391.274
Lợi nhuận chưa phân phối		628.116	1.893.984
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	21.1	14.680.317	15.812.205
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.835.460	170.156.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết Minh</i>	<i>31/12/2013 Triệu đồng</i>	<i>31/12/2012 Triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		6.534.056	4.890.211
Bảo lãnh tài chính		1.581.845	1.855.770
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		3.633.646	2.247.816
Bảo lãnh khác		1.318.565	786.625
Các cam kết đưa ra		153.780	151.739
Cam kết khác		153.780	151.739
	34	6.687.836	5.041.950

Người lập:



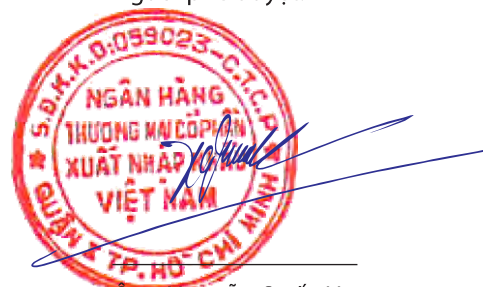
Ông Nguyễn Minh Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

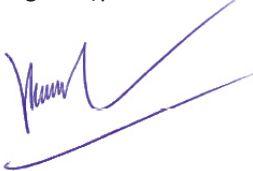
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B03/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Thuyết Minh	Năm 2013 Triệu đồng	Năm 2012 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	10.902.228	16.931.873
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(8.165.884)	(12.030.414)
Thu nhập lãi thuần		2.736.344	4.901.459
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		459.345	410.766
Chi phí hoạt động dịch vụ		(184.158)	(167.991)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	275.187	242.775
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	(113.577)	(297.374)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(3.189)	(2.659)
Thu nhập từ hoạt động khác		319.900	855.589
Chi phí hoạt động khác		(115.974)	(297.013)
Lãi thuần từ hoạt động khác	28	203.926	558.576
Lãi/(lỗ) từ góp vốn, mua cổ phần	29	150.171	(15.516)
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		3.248.862	5.387.261
Chi phí cho nhân viên		(944.166)	(1.119.370)
Chi phí khấu hao		(183.951)	(191.188)
Chi phí hoạt động khác		(992.608)	(986.399)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	30	(2.120.725)	(2.296.957)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.128.137	3.090.304
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(286.845)	(249.727)
Chi phí hoàn nhập dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10.2	(13.424)	10.420
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(300.269)	(239.307)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		827.868	2.850.997
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	(169.162)	(712.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(169.162)	(712.342)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		658.706	2.138.655
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng)	22	533	1.731

Người lập:


Ông Nguyễn Minh Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:


Ông Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:


Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

	<i>Thuyết Minh</i>	<i>Năm 2013 Triệu đồng</i>	<i>Năm 2012 Triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		11.625.641	16.787.249
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.478.782)	(11.816.913)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	25	275.187	242.775
Chênh lệch số tiền thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ (Chi phí)/Thu nhập khác		(116.766) (8.241)	(300.033) 50.767
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	28	90.367	57.858
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.936.948)	(2.235.957)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	20	(248.888)	(956.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		2.201.570	1.829.608
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		13.895.817	(11.818.275)
(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.978.671)	14.924.758
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(7.190)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(9.344.891)	(258.959)
Giảm nguồn dự phòng tín dụng để bù đắp tổn thất	10.1	(173.195)	(262.552)
Giảm khác về tài sản hoạt động		448.217	1.409.775
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng nhà nước Việt Nam		411.776	(1.297.332)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		7.720.128	(13.813.015)
Tăng tiền gửi của khách hàng		9.014.101	16.805.671
Giảm phát hành giấy tờ có giá		(4.202.611)	(7.330.632)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		(87.679)	(69.461)
Giảm khác về công nợ hoạt động		(12.514.953)	(7.008.283)
Chi từ các quỹ của Ngân hàng	21.1	(142.638)	(244.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(Sử dụng) hoạt động kinh doanh		5.239.781	(7.133.107)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B04/TCTD-HN

	Thuyết Minh	Năm 2013 Triệu đồng	Năm 2012 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(1.535.071)	(2.061.262)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	28	212.033	543.027
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(1.665.441)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		110.599	180.893
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		157.620	2.219
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.054.819)	(3.000.564)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông	21.3	(1.669.418)	(2.381.248)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.669.418)	(2.381.248)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.515.544	(12.514.919)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	31	37.930.569	50.445.488
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	31	40.446.113	37.930.569

Người lập:



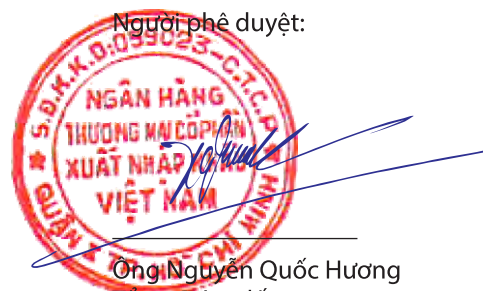
Ông Nguyễn Minh Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập vào ngày 24 tháng 5 năm 1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Ngày 6 tháng 4 năm 1992, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp giấy phép số 11/NH-GP cho phép Ngân hàng hoạt động trong thời hạn 50 năm.

Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 12.355.229 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 12.355.229 triệu đồng) đã được góp đầy đủ bởi các cổ đông.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, bốn mươi một (41) chi nhánh tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Công ty con và công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng sở hữu 100% vốn của một công ty con là Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với vốn điều lệ là 1.700.000 triệu đồng theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310280974 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2012. Vốn thực góp của công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 955.000 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 870.000 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng đã có các công ty liên kết sau:

	<i>Giấy phép hoạt động</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu bởi Ngân hàng</i>
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	4103008092	Hoạt động chứng khoán	10,86%
Công ty CP Bất động sản Exim	4103005723	Hoạt động kinh doanh bất động sản	10,99%

Ngân hàng là cổ đông sáng lập và có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty trên thông qua việc cử các đại diện tham gia trong Hội đồng Quản trị và có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của các công ty này.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.362 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.800 người).

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng và công ty con là đồng Việt Nam (VNĐ). Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng và công ty con lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“Triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến sự nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng (“TCTD”) Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức Tín dụng và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam, và ngoài ra báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 Hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và công ty con và nhận thấy Ngân hàng và công ty con có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng và công ty con. Do vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng và công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.6 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được liệt kê dưới đây. Ngân hàng dự kiến sẽ áp dụng khi những chuẩn mực và quy định này có hiệu lực.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN - Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02")

Ngày 21 tháng 1 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định việc phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TCTD"). Ngày 27 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 12/2013/TT-NHNN sửa đổi thời gian hiệu lực thi hành quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư 02 từ ngày 1 tháng 6 năm 2013 sang ngày 1 tháng 6 năm 2014.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02.

Thông tư 02 sẽ thay thế các quy định hiện hành về phân loại nợ và trích lập dự phòng các khoản cho vay khách hàng được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 và Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012.

So với các quy định trước đây, Thông tư 02 có một số thay đổi quan trọng như sau:

- ▶ Mở rộng phạm vi phân loại nợ: cụ thể quy định về việc phân loại và trích lập dự phòng rủi ro cho các hoạt động ủy thác đầu tư, ủy thác cấp tín dụng, thẻ tín dụng, mua bán nợ, tiền gửi tại các TCTD khác; tổ chức tín dụng không bắt buộc phải trích lập dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng.
- ▶ Sử dụng thông tin tín dụng: tổ chức tín dụng cần phải thực hiện điều chỉnh phân loại nợ, cam kết ngoại bảng đối của khách hàng vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo thông tin phân loại nhóm nợ từ Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("CIC"). Đồng thời, mỗi quý một lần, tổ chức tín dụng phải gửi kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng cho CIC. Yêu cầu này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015



3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

- ▶ Định giá tài sản đảm bảo: tài sản đảm bảo trị giá trên 200 tỷ đồng hoặc trên 50 tỷ đồng của các khoản cho vay các bên liên quan, đối tượng hạn chế cấp tín dụng phải được định giá độc lập.
- ▶ Tái cấu trúc các khoản vay: tổ chức tín dụng được phép cơ cấu lại các khoản vay và giữ nhóm nợ không thay đổi trước khi tái cơ cấu với điều kiện là tất cả các yêu cầu quy định tại Thông tư 09 được thỏa mãn. Yêu cầu này sẽ hết hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính Phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Ngân hàng đã áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2012 về việc Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của các khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.4 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Chứng khoán đầu tư

4.5.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

(i) Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*". Trái phiếu đặc biệt này không phải thực hiện trích lập dự phòng chung.

(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

4.5.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và/hoặc công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập, hoặc không là đối tác chiến lược, hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

4.5.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán (Tiếp theo)

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được hạch toán giống như chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác (*Thuyết minh 4.5.1*).

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

4.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ngược lại, những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.7 Góp vốn, đầu tư dài hạn

4.7.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Ngân hàng. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp này, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và giá trị sổ sách của khoản đầu tư có thể tăng hoặc giảm phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty liên kết. Các khoản lỗ vượt quá giá gốc của một khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ với khoản lỗ này. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong kết quả hoạt động của công ty liên kết. Khi có thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Ngân hàng sẽ ghi nhận phần chia sẻ của khoản thay đổi này trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết sử dụng cho mục đích hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu có cùng niên độ lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán áp dụng thống nhất với các chính sách của Ngân hàng đối với các giao dịch hoặc các sự kiện có tính chất giống nhau trong các điều kiện tương đương.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Góp vốn, đầu tư dài hạn (Tiếp theo)

4.7.2 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng không xác lập khả năng ảnh hưởng đáng kể của Ngân hàng và công ty con đến hoạt động của các đơn vị này.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

4.7.3 Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá cho các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Thuê tài sản

4.10.1 Ngân hàng hoặc công ty con đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuê tài sản (Tiếp theo)

4.10.2 Ngân hàng hoặc công ty con cho thuê

Ngân hàng và công ty con ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

4.11 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng là tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán khi các dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm tài chính (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 tại *Thuyết minh số 43*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và công ty con được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ tại ngày lập báo cáo tài chính hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vào cuối năm.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

4.16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo) **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)**

4.16.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

4.18 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là "Các khoản cam kết ngoại bảng") vào các nhóm quy định tại Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại *Thuyết minh số 4.3*. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.19 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - khoản mục "*Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác*" nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "*Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác*" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối*" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức của Ngân hàng. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ được theo dõi ở ngoại bảng. Chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá dự kiến của hợp đồng được ghi nhận tại mỗi thời điểm đánh giá lại như một khoản mục tài sản - khoản mục "*Lãi phải thu từ giao dịch quyền chọn*" hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "*Lãi phải trả từ giao dịch quyền chọn*".

4.20 Cấn trừ

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu do hết tuổi lao động được trợ cấp ba tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

4.22.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: Theo Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc, mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.23 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD do NHNN ban hành ngày 18 tháng 4 năm 2007 là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC VÀ ĐÁ QUÝ

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	579.541	558.690
Tiền mặt bằng ngoại tệ	826.942	787.028
Vàng	73.740	11.864.113
	1.480.223	13.209.831

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bằng VNĐ	1.082.989	1.493.971
Bằng Ngoại tệ	1.175.827	775.053
	2.258.816	2.269.024

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm 2013, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm.

Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

- Đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng của khách hàng bằng VNĐ và bằng ngoại tệ có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 8,00%.
- Đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên của khách hàng bằng VNĐ và bằng ngoại tệ có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 1,00% và 6,00%.

Trong năm 2013, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	30.316.278	36.342.449
Cho vay các TCTD khác	27.558.220	21.172.582
	57.874.498	57.515.031

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	40.623	144.467
Bằng Ngoại tệ	1.715.295	2.168.343
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	22.061.560	27.780.100
Bằng Ngoại tệ	6.498.800	6.249.539
	30.316.278	36.342.449

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay các TCTD khác bằng VNĐ	19.645.720	16.234.078
Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	7.912.500	4.938.504
	27.558.220	21.172.582

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá cuối năm)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	11.847.527	11.427	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	4.697.206	-	(4.237)
Tổng cộng	16.544.733	11.427	(4.237)
Số thuần		7.190	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	7.066.341	-	(95.353)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.556.631	7.674	-
Tổng cộng	9.622.972	7.674	(95.353)
Số thuần			(87.679)

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	82.826.530	74.602.898
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	352.441	319.391
Các khoản trả thay khách hàng	261	-
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	175.000	-
	83.354.232	74.922.289

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	80.425.622	71.911.475
Nợ cần chú ý	1.276.404	2.023.190
Nợ dưới tiêu chuẩn	269.456	49.932
Nợ nghi ngờ	308.948	144.889
Nợ có khả năng mất vốn	1.073.802	792.803
	83.354.232	74.922.289

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	55.202.822	51.036.141
Nợ trung hạn	9.644.806	7.873.283
Nợ dài hạn	18.506.604	16.012.865
	83.354.232	74.922.289

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty TNHH tư nhân	23.389.078	28,07	20.510.200	27,38
Công ty cổ phần khác	16.123.202	19,34	13.406.186	17,89
Doanh nghiệp nhà nước	7.749.131	9,30	5.018.702	6,70
Công ty TNHH Nhà nước	2.800.042	3,36	3.056.257	4,08
Doanh nghiệp tư nhân	1.983.981	2,38	2.564.504	3,42
Công ty cổ phần Nhà nước	1.694.755	2,03	2.606.104	3,48
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	460.586	0,55	1.131.818	1,51
Kinh tế tập thể	127.886	0,15	140.254	0,19
Công ty hợp danh	-	-	564	0,00
Khác	7.419	0,01	19.543	0,03
	54.336.080	65,19	48.454.132	64,68
Cho vay cá nhân	29.018.152	34,81	26.468.157	35,32
	83.354.232	100,00	74.922.289	100,00

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng	24.197.467	29,03	22.192.649	29,63
Thương nghiệp	19.721.610	23,66	16.934.518	22,60
Công nghiệp chế biến	9.791.279	11,75	8.007.819	10,69
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7.451.411	8,94	7.262.774	9,69
Xây dựng	6.750.335	8,10	5.812.424	7,76
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	6.472.345	7,76	6.594.633	8,80
Tài chính tín dụng	3.582.877	4,30	2.456.374	3,28
Khách sạn và nhà hàng	1.562.319	1,87	1.636.181	2,18
Công nghiệp khai thác mỏ	766.405	0,92	923.970	1,23
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	745.079	0,89	814.585	1,09
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	739.903	0,89	900.395	1,20
Giáo dục đào tạo	610.236	0,73	632.591	0,84
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể quốc tế	474.310	0,57	254.408	0,34
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	385.694	0,46	404.184	0,54
Hoạt động khoa học và công nghệ	59.838	0,08	41.420	0,06
Hoạt động văn hóa, thể thao	43.124	0,05	53.364	0,07
	83.354.232	100,00	74.922.289	100,00

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 780/QĐ-NHNN. Theo đó, hàng năm dự phòng tại thời điểm cuối năm được trích lập dựa trên kết quả phân loại nợ cho vay và các khoản mục ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	710.958	606.337
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	56.444	43.020
	767.402	649.357

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

10.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2013 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	125.682	480.655	606.337
Số dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	111.266	115.522	226.788
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý các khoản nợ bán cho VAMC trong kỳ	(7.483)	-	(7.483)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong kỳ	(49.512)	-	(49.512)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2013	179.953	596.177	776.130
Dự phòng trích lập trong tháng 12	60.057	-	60.057
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý các khoản nợ bán cho VAMC trong tháng 12	(1.231)	-	(1.231)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(123.683)	-	(123.683)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(315)	-	(315)
Số dư cuối năm	114.781	596.177	710.958

Trong năm, Ngân hàng đã bán các khoản nợ xấu cho VAMC với tổng giá trị là 932.948 triệu đồng, thực hiện xử lý dự phòng rủi ro tương ứng là 8.714 triệu đồng và nhận được trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành với giá trị là 924.234 triệu đồng (*Thuyết minh số 11*).

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2012 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	128.380	490.432	618.812
Số dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	259.504	-	259.504
Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(9.777)	(9.777)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong kỳ	(153.277)	-	(153.277)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11	234.607	480.655	715.262
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(109.275)	-	(109.275)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	350	-	350
Số dư cuối năm	125.682	480.655	606.337

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

10.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết phân loại và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 như sau:

	<i>Dự nợ cho vay</i>	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng dự phòng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	77.613.219	-	582.099	582.099
Nợ cần chú ý	1.226.034	20.410	9.195	29.605
Nợ dưới tiêu chuẩn	326.447	27.923	2.449	30.372
Nợ nghi ngờ	324.564	33.909	2.434	36.343
Nợ có khả năng mất vốn	981.905	97.711	-	97.711
	80.472.169	179.953	596.177	776.130

10.2 Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng trong năm 2013 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	130	42.890	43.020
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	2.407	27.589	29.996
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(5)	(16.567)	(16.572)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.532	53.912	56.444

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng trong năm 2012 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>Dự phòng chung</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	140	53.300	53.440
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(10)	(10.410)	(10.420)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012	130	42.890	43.020

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

10.2 Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 như sau:

	Số dư ngoại bảng	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng dự phòng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	7.187.542	-	53.907	53.907
Nợ cần chú ý	625	25	5	30
Nợ có khả năng mất vốn	2.668	2.507	-	2.507
	7.190.835	2.532	53.912	56.444

Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng chung đầy đủ theo quy định của NHNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.002.068	1.002.192
Chứng khoán Nợ		
Tín phiếu NHNN	1.000.076	1.000.000
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	722	722
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.270	1.470
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.652.949	10.749.844
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ (a)	1.953.715	1.289.675
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	6.600.000	6.600.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành (c)	4.175.000	2.860.169
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành(d)	924.234	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	14.655.017	11.752.036

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(a) Chứng khoán Chính phủ bao gồm:

- Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 2 đến 3 năm và lãi suất từ 7,30% đến 11,59%/năm. Tiền lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu Đô thị có thời hạn 10 năm và lãi suất 7,90%. Tiền lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu chính quyền địa phương có thời hạn 3 năm và lãi suất 10,70%. Tiền lãi trả hàng năm.

(b) Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành bao gồm:

- Trái phiếu TCTD có thời hạn từ 2 đến 10 năm và lãi suất từ 9,88% đến 12,50%/năm. Tiền lãi trả hàng năm.
- Kỳ phiếu và chứng chỉ tiền gửi TCTD có thời hạn từ 10 đến 12 tháng và lãi suất từ 7,50% đến 8,00%/năm. Tiền lãi trả cuối kỳ.

(c) Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành bao gồm trái phiếu của các tổ chức kinh tế khác có thời hạn từ 2 đến 10 năm và lãi suất từ 8,90% đến 14,00%/năm. Tiền lãi trả hàng kỳ 3 tháng, 6 tháng, hàng năm hoặc vào ngày đáo hạn

(d) Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành dùng để mua các khoản nợ xấu của Ngân hàng bán trong năm (Thuyết minh số 10.1). Trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm với lãi suất là 0%.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ		
- Đã niêm yết	1.000.076	1.000.000
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành		
- Chưa niêm yết	722	722
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành		
- Chưa niêm yết	1.270	1.470
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ		
- Đã niêm yết	1.953.715	1.289.675
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành		
- Chưa niêm yết	6.600.000	6.600.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành		
- Chưa niêm yết	5.099.234	2.860.169
	14.655.017	11.752.036

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Đầu tư vào công ty liên kết	Các khoản đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	97.351	2.356.030	2.453.381
Phần sở hữu thuần trong lợi nhuận của các công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	2.561	-	2.561
Vốn góp giảm trong năm	-	(320.000)	(320.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	99.912	2.036.030	2.135.942
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(123.065)	(123.065)
Tổng cộng	99.912	1.912.965	2.012.877

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2013			31/12/2012		
	Giá gốc	Giá trị ròng (*)	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ròng (*)	Tỷ lệ sở hữu
	Triệu đồng	Triệu đồng	%	Triệu đồng	Triệu đồng	%
Công ty CP Bất động sản Exim	45.900	49.616	10,99	45.900	47.222	10,99
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	66.474	50.296	10,86	66.474	50.129	10,86
	112.374	99.912		112.374	97.351	

Giá trị ròng của các khoản đầu tư vào công ty liên kết hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

12.2 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác từ ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng
Đầu tư vào các TCTD	1.672.663	1.672.663
- Đã niêm yết	1.672.663	1.672.663
- Chưa niêm yết	-	-
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế		
- Đã niêm yết	363.367	683.367
- Chưa niêm yết	52.483	52.483
	310.884	630.884
	2.036.030	2.356.030
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(123.065)	(64.525)
	1.912.965	2.291.505

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng giảm giá đầu năm	64.525	83.642
Tăng/(giảm) trong năm		
- Số trích thêm trong năm	62.170	36.384
- Số hoàn nhập dự phòng	(3.630)	(55.501)
Dự phòng giảm giá cuối năm	123.065	64.525

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình trong năm hiện hành như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	128.868	596.273	211.788	52.974	401.725	1.391.628
Tăng từ đầu tư XD/CB hoàn thành và mua sắm TSCĐ	143.682	9.370	3.131	1.395	81.411	238.989
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(81)	(122.295)	(589)	(12.054)	(1.619)	(136.638)
Thanh lý, nhượng bán	(28.968)	(4.306)	(7.207)	(163)	(10)	(40.654)
Số dư cuối năm	243.501	479.042	207.123	42.152	481.507	1.453.325
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.995	247.889	70.760	28.297	169.380	533.321
Khấu hao trong năm	2.174	54.644	38.819	10.790	64.099	170.526
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(4)	(63.509)	(2.545)	(13.366)	(8.022)	(87.446)
Thanh lý, nhượng bán	(7.014)	(4.227)	(516)	(37)	-	(11.794)
Số dư cuối năm	12.151	234.797	106.518	25.684	225.457	604.607
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	111.873	348.384	141.028	24.677	232.345	858.307
Số dư cuối năm	231.350	244.245	100.605	16.468	256.050	848.718

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

13.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Theo Quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng và công ty con kết chuyển toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (dưới 30 triệu đồng) sang chi phí chờ phân bổ và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa 3 năm.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 80.675 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 56.804 triệu đồng).

13.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm hiện hành như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.392.809	120.871	2.513.680
Mua trong năm	1.083.092	7.229	1.090.321
Thanh lý, nhượng bán	(61.373)	-	(61.373)
Số dư cuối năm	3.414.528	128.100	3.542.628
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	57.260	57.260
Khấu hao trong năm	-	13.425	13.425
Số dư cuối năm	-	70.685	70.685
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.392.809	63.611	2.456.420
Số dư cuối năm	3.414.528	57.415	3.471.943

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 33.712 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11.695 triệu đồng).

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Các khoản phải thu (Thuyết minh số 14.1)	2.458.418	2.600.359
Các khoản lãi, phí phải thu	1.911.743	2.650.444
Tài sản Có khác (Thuyết minh số 14.2)	212.743	139.750
	4.582.904	5.390.553

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

14.1 Các khoản phải thu

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định (a)	1.341.720	1.367.673
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (b)	261.320	353.434
Chi phí công trình xây dựng cơ bản dở dang	246.169	58.850
Ứng trước cho NHNN để mua vàng	52.035	-
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	51.806	60.008
Các khoản phải thu trong cho vay hỗ trợ lãi suất	38.451	40.113
Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20)	35.317	-
Các khoản phải thu trong hoạt động thanh toán thẻ	23.208	23.096
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	16.850	40.700
Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	15.524	15.394
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.084	15.667
Phải thu cổ tức bằng tiền mặt	5.865	5.865
Ký quỹ giao dịch vàng	5.308	79.127
Các khoản phải thu khác	356.761	540.432
	2.458.418	2.600.359

(a) Bao gồm trong số dư tạm ứng mua sắm tài sản cố định là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Ngân hàng đã mua trong năm nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cho Ngân hàng.

(b) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh số dư phải thu còn lại sẽ được thanh toán trong vòng 5 năm liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư của Ngân hàng.

14.2 Tài sản Có khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí chờ phân bổ	195.140	124.872
Vật liệu, công cụ lao động	17.603	14.878
	212.743	139.750

Chi phí chờ phân bổ chủ yếu là chi phí thuê địa điểm văn phòng kinh doanh, chi phí lãi trả trước và chi phí trả trước của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo Quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC có thời gian phân bổ từ 1 tháng đến 60 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Nợ vay trong hạn	10.877	15.025
Vay cầm cố các giấy tờ có giá	415.924	-
	426.801	15.025

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi của các TCTD khác	35.557.264	32.553.784
Vay các TCTD khác	30.209.290	25.492.642
	65.766.554	58.046.426

16.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	52.133	200.527
Bằng ngoại tệ	520.371	7.257
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	25.245.000	26.100.000
Bằng ngoại tệ	9.739.760	6.246.000
	35.557.264	32.553.784

16.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay các TCTD khác bằng VNĐ	18.100.000	10.445.000
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	12.109.290	15.047.642
	30.209.290	25.492.642

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

17.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	7.013.466	5.441.874
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.397.772	1.885.418
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	76.612	53.410
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	21.128	17.057
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	20.090.732	14.603.058
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.310.214	1.226.556
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	36.356.165	38.484.227
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.926.834	8.181.882
Tiền ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	305.286	326.310
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	915.920	208.727
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ	13.445	7.639
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	44.837	22.152
	79.472.411	70.458.310

17.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Doanh nghiệp quốc doanh	5.328.282	5.026.704
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	17.965.754	12.710.907
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.820.072	2.439.367
	27.114.108	20.176.978
Tiền gửi của cá nhân	51.686.938	49.726.747
Tiền gửi của các đối tượng khác	671.365	554.585
	79.472.411	70.458.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	3.177.605	5.870.236
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	139	8.583
Từ 5 năm trở lên	3.000.000	3.001.536
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	1.500.000	3.000.000
	7.677.744	11.880.355

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ		
Các khoản phải trả công nhân viên	3.077	2.624
Các khoản phải trả nội bộ khác	3.956	4.583
	7.033	7.207
Các khoản phải trả bên ngoài		
Các khoản thu từ xử lý nợ chờ quyết toán	120.991	116.932
Các khoản phải trả NHNN trong cho vay hỗ trợ lãi suất	29.608	29.608
Chuyển tiền phải trả	23.494	47.183
Các khoản thuế phải nộp (Thuyết minh số 20)	18.004	130.951
Các khoản phải trả trong thanh toán thẻ	17.830	27.049
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 21.4)	1.850	3.312
Doanh thu chờ phân bổ	1.093	12.992
Tài sản đảm bảo bằng vàng của TCTD khác	-	1.805.304
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	-	9.313.183
Tiền đặt cọc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần	-	147.093
Phải trả khác	67.597	22.298
	280.467	11.655.905
	287.500	11.663.112

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm				
	Số dư đầu năm Triệu đồng	Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	Số phải trả cuối năm Triệu đồng	Số phải thu cuối năm Triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	57.503	56.917	109.046	5.374	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.547	169.162	248.888	138	(35.317)
Thuế thu nhập cá nhân	28.901	139.930	156.339	12.492	-
Thuế nhà thầu	-	13.152	13.152	-	-
Các loại thuế khác	-	4.327	4.327	-	-
	130.951	383.488	531.752	18.004	(35.317)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế và được kê khai và quyết toán thuế riêng biệt. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	827.868	2.850.997
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập của Ngân hàng	820.461	2.828.257
- Thu nhập của công ty con	1.528	5.500
<i>Điều chỉnh:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(159.322)	(7.922)
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(3.319)	(20.100)
- Phần chia (lãi)/lỗ của các công ty liên kết áp dụng phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu	(2.561)	565
- Thu nhập từ hoàn nhập chi phí thuế giá trị gia tăng bị truy thu các năm trước	-	(5.311)
- Chi phí không liên quan đến thu nhập chịu thuế	14.232	21.214
Tổng thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	676.898	2.839.443
- Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng	168.843	708.486
- Chi phí thuế TNDN của công ty con	319	1.375
- Nộp thuế bổ sung cho năm trước	-	2.481
Tổng chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	169.162	712.342
Thuế TNDN phải trả đầu năm	44.547	344.060
Thuế TNDN đã trả trong năm	(248.888)	(956.138)
Cấn trừ khoản tạm ứng nộp NSNN trong các năm trước	-	(55.717)
Thuế TNDN (phải thu)/phải trả cuối năm	(35.179)	44.547
<i>Trong đó:</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (phải thu)/phải trả của Ngân hàng	(35.317)	43.621
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của công ty con	138	926

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Các quỹ dự trữ Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	12.355.229	15.396	156.322	1.391.274	1.893.984	15.812.205
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	658.706	658.706
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	-	-	158.694	(158.694)	-
Trích lập các quỹ cho năm nay	-	-	-	97.924	(97.924)	-
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	20.000	-	20.000
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(142.638)	-	(142.638)
Chia cổ tức năm trước (Thuyết minh số 21.3)	-	-	-	-	(1.667.956)	(1.667.956)
Số dư cuối năm	12.355.229	15.396	156.322	1.525.254	628.116	14.680.317

Chi tiết thành phần cổ đông của Ngân hàng như sau:

	31/12/2013			31/12/2012		
	Số cổ phần	Giá trị Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu %	Số cổ phần	Giá trị Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu %
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation	185.329.207	1.853.292	15,00	185.329.207	1.853.292	15,00
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101.245.131	1.012.451	8,20	101.245.131	1.012.451	8,20
VOF Investment Limited	62.062.517	620.625	5,02	62.062.517	620.625	5,02
Các cổ đông khác	886.886.049	8.868.861	71,78	886.886.049	8.868.861	71,78
	1.235.522.904	12.355.229	100,00	1.235.522.904	12.355.229	100,00

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.235.522.904	1.235.522.904
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.235.522.904	1.235.522.904
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.235.522.904	1.235.522.904
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.235.522.904	1.235.522.904
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.235.522.904	1.235.522.904
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

21.2 Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012 và theo Điều lệ của Ngân hàng, Ngân hàng trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ
Các quỹ khác	Theo quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm	Không qui định

Trong năm 2013, Ngân hàng đã tạm trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính theo quy định. Số liệu chính thức về việc trích lập các quỹ sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng.

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

21.2 Các quỹ dự trữ (tiếp theo)

Tình hình thay đổi các quỹ dự trữ của Ngân hàng và công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

	<i>Quỹ đầu tư, phát triển</i> Triệu đồng	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i> Triệu đồng	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i> Triệu đồng	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i> Triệu đồng	<i>Tổng cộng</i> Triệu đồng
Số dư đầu năm	326	908.345	478.933	3.670	1.391.274
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	10.694	-	148.000	158.694
Trích lập các quỹ cho năm nay	-	65.283	32.641	-	97.924
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	20.000	20.000
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(142.638)	(142.638)
Số dư cuối năm	326	984.322	511.574	29.032	1.525.254

21.3 Cổ tức

	<i>Năm 2013</i> Triệu đồng	<i>Năm 2012</i> Triệu đồng
Cổ tức phải trả đầu năm	3.312	-
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2012:</i> 800 đồng/cổ phiếu (năm 2011: 1.400 đồng/cổ phiếu)	988.418	1.729.733
- <i>Chia cổ tức đợt 2 cho năm 2012: 550 đồng/cổ phiếu</i> (năm 2011: 530 đồng/cổ phiếu)	679.538	654.827
	1.667.956	2.384.560
Cổ tức đã trả trong năm	(1.669.418)	(2.381.248)
Cổ tức phải trả cuối năm	1.850	3.312

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (Triệu đồng)	658.706	2.138.655
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (Cổ phiếu)	1.235.522.904	1.235.522.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	533	1.731

23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.298.092	4.900.006
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	8.364.659	9.296.902
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	1.230.423	2.597.626
Thu khác từ hoạt động tín dụng	9.054	137.339
	10.902.228	16.931.873

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.279.735	9.693.607
Trả lãi tiền vay	1.321.946	335.179
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	547.852	1.987.273
Chi phí hoạt động tín dụng khác	16.351	14.355
	8.165.884	12.030.414

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	301.761	257.089
Nghiệp vụ bảo lãnh	106.692	114.361
Dịch vụ ngân quỹ	27.637	21.811
Dịch vụ tư vấn	27	9
Thu khác	23.228	17.496
	459.345	410.766
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	(125.966)	(105.483)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(32.172)	(31.187)
Vận chuyển, bốc xếp tiền	(8.539)	(8.659)
Hoa hồng môi giới	(3.668)	(228)
Chi khác	(13.813)	(22.434)
	(184.158)	(167.991)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	275.187	242.775

26. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.189.227	1.052.301
Thu từ kinh doanh vàng	478.618	833.945
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	203.434	787.994
	<u>1.871.279</u>	<u>2.674.240</u>
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(945.323)	(644.803)
Chi về kinh doanh vàng	(635.890)	(1.622.999)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(403.643)	(703.812)
	<u>(1.984.856)</u>	<u>(2.971.614)</u>
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u>(113.577)</u>	<u>(297.347)</u>

27. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(3.189)	(2.659)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	<u>(3.189)</u>	<u>(2.659)</u>

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu các khoản nợ vay đã được xử lý trước đây	90.367	57.858
Thu thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác	212.033	543.027
Thu thanh lý tài sản gán nợ	-	229.282
Thu từ hoàn nhập chi phí thuế giá trị gia tăng bị truy thu của các năm trước	-	5.311
Thu từ hoàn nhập chi phí thuế giá trị gia tăng ghi nhận thừa trong năm trước	-	4.107
Thu nhập khác	17.500	16.004
	319.900	855.589
Chi phí hoạt động khác		
Chi thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác	(90.233)	(93.076)
Chi thanh lý tài sản xiết nợ	-	(203.517)
Chi phí khác	(25.741)	(420)
	(115.974)	(297.013)
Lãi thuần từ hoạt động khác	203.926	558.576

29. LÃI/(LỖ) TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	159.600	8.084
- Từ chứng khoán Vốn đầu tư	62	151
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	159.538	7.933
Lãi/(lỗ) từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	46.550	(42.152)
Phân chia lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.561	(565)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	3.630	55.501
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(62.170)	(36.384)
	150.171	(15.516)

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2013	Năm 2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí cho nhân viên		
Chi lương và phụ cấp	811.596	997.617
Chi ăn ca	66.216	64.580
Các khoản chi đóng góp theo lương	60.590	55.982
Chi trợ cấp	4.315	322
Chi trang phục và phương tiện bảo hộ lao động	1.435	852
Chi công tác xã hội	14	17
	<u>944.166</u>	<u>1.119.370</u>
Chi về tài sản		
Chi thuê tài sản	225.848	217.384
Khấu hao tài sản cố định	183.951	191.188
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	62.341	52.877
Mua sắm công cụ lao động	23.076	14.012
Chi bảo hiểm tài sản	1.957	2.136
	<u>497.173</u>	<u>477.597</u>
Chi phí hoạt động khác		
Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	231.354	241.293
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	100.808	94.239
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	63.199	45.301
Chi phí thuê chuyên gia	48.520	42.497
Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	40.589	36.819
Chi vật liệu, giấy tờ in	37.015	37.138
Công tác phí	25.609	27.040
Chi bưu phí và điện thoại	10.672	10.552
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5.947	9.949
Chi đào tạo, huấn luyện	4.633	10.836
Chi về các hoạt động đoàn thể	207	261
Các khoản chi khác	110.833	144.065
	<u>679.386</u>	<u>699.990</u>
	<u>2.120.725</u>	<u>2.296.957</u>

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Ngày 31/12/2013	Ngày 31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.480.223	13.209.831
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.258.816	2.269.024
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.755.918	2.312.810
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	33.951.080	19.138.904
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng kể từ ngày mua	1.000.076	1.000.000
	40.446.113	37.930.569

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2013	Năm 2012
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	5.689	5.614
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	811.596	997.617
2. Tiền thưởng	71.963	108.572
3. Thu nhập khác	66.216	64.580
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	949.775	1.170.769
5. Tiền lương bình quân tháng (Đồng/người)	11.888.381	14.808.470
6. Thu nhập bình quân tháng (Đồng/người)	13.912.448	17.378.771

33. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁC HÀNG

Bảng dưới đây trình bày loại hình và giá trị tài sản thể chấp của các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng theo giá trị sổ sách:

	31/12/2013 (Triệu đồng)	31/12/2012 (Triệu đồng)
Bất động sản	74.825.759	70.815.240
Chứng từ có giá	33.360.859	26.435.124
Động sản	8.233.043	8.553.195
Tài sản khác	3.962.143	5.779.895
	120.381.804	111.583.454

34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày 31 tháng 12 như sau:



34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thư tín dụng trả ngay	2.372.776	1.289.551
Thư tín dụng trả chậm	1.652.623	1.135.069
Bảo lãnh tài chính		
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	777.108	856.058
- Bảo lãnh thanh toán	739.968	1.020.554
- Bảo lãnh dự thầu	203.822	160.773
Cam kết bảo lãnh khác	1.318.565	786.625
	7.064.862	5.248.630
Cam kết khác	153.780	151.739
	7.218.642	5.400.369
Trừ: Tiền ký quỹ	(530.806)	(358.419)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	6.687.836	5.041.950

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị Triệu đồng
Cổ đông lớn	Thu nhập lãi cho vay/tiền gửi	115
	Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi	(45.576)
Các bên liên quan khác	Thu nhập lãi cho vay/ tiền gửi	114.240
	Chi phí trả lãi tiền vay/ tiền gửi	(24.097)
	Thu nhập từ bán bất động sản	150.000

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/ (Phải trả) Triệu đồng
Cổ đông lớn	Nhận tiền gửi	(433.394)
	Gửi tiền	69.756
	Nhận tiền vay	(1.793.500)
Các bên liên quan khác	Nhận tiền gửi	(316.018)
	Phải trả lãi tiền gửi	(1.681)
	Cho vay	839.942
	Phải thu lãi tiền vay	104.168
	Đầu tư góp vốn	112.374
	Phải thu từ bán bất động sản	17.137

Các bên liên quan khác bao gồm các công ty liên kết và các cổ đông có liên quan khác của Ngân hàng.

36. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (*)			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	56.887.877	986.621	57.874.498
Cho vay khách hàng	83.354.232	-	83.354.232
Chứng khoán đầu tư	14.655.017	-	14.655.017
Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.135.942	-	2.135.942
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	64.373.954	1.392.600	65.766.554
Tiền gửi của khách hàng	78.142.547	1.329.864	79.472.411
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	16.058.133	486.600	16.544.733
Phát hành giấy tờ có giá	7.677.744	-	7.677.744
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31/12/2013	7.051.893	12.969	7.064.862

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

37.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	Miền Trung Triệu đồng	Miền Nam Triệu đồng	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng	Loại trừ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.324.744	1.045.957	20.501.138	23.871.839	(12.969.611)	10.902.228
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.135.832)	(840.479)	(18.159.184)	(21.135.495)	12.969.611	(8.165.884)
Thu nhập lãi thuần	188.912	205.478	2.341.954	2.736.344	-	2.736.344
Các khoản thu nhập ngoài lãi	77.076	28.567	406.875	512.518	-	512.518
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	265.988	234.045	2.748.829	3.248.862	-	3.248.862
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(258.169)	(129.137)	(1.733.419)	(2.120.725)	-	(2.120.725)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7.819	104.908	1.015.410	1.128.137	-	1.128.137
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(56.683)	(21.583)	(222.003)	(300.269)	-	(300.269)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(48.864)	83.325	793.407	827.868	-	827.868
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(169.162)	-	(169.162)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-	-	-	658.706	-	658.706
TÀI SẢN						
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	1.513	3.069	57.869.916	57.874.498	-	57.874.498
Cho vay khách hàng	15.759.259	6.280.768	60.603.247	82.643.274	-	82.643.274
Đầu tư	-	-	16.667.894	16.667.894	-	16.667.894
Tài sản khác	784.715	293.606	11.571.473	12.649.794	-	12.649.794
TỔNG TÀI SẢN	16.545.487	6.577.443	146.712.530	169.835.460	-	169.835.460
NỢ PHẢI TRẢ						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26	7.372	65.759.156	65.766.554	-	65.766.554
Tiền gửi của khách hàng	14.578.608	3.737.605	61.156.198	79.472.411	-	79.472.411
Nợ phải trả khác	2.015.281	2.748.610	5.152.287	9.916.178	-	9.916.178
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	16.593.915	6.493.587	132.067.641	155.155.143	-	155.155.143

Hội sở chính thuộc khu vực miền Nam thực hiện chi một số chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phân bổ tới các đơn vị trong Ngân hàng

B05/TCTD-HN

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau:

Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp:	Các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- tiền gửi khách hàng;- tín dụng;- dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền.
Đầu tư:	Đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác
Hoạt động liên Ngân hàng:	Các hoạt động nhận tiền gửi, đi vay, cho vay và các hoạt động liên ngân hàng khác.



37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**37.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Thông tin về các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	KHCN & Doanh nghiệp Triệu đồng	Đầu tư Triệu đồng	Hoạt động liên Ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động chung Không phân bổ Triệu đồng	Tổng công Triệu đồng
TÀI SẢN					
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	-	1.480.223	1.480.223
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	2.258.816	-	2.258.816
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	57.874.498	-	57.874.498
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	7.190	-	7.190
Cho vay khách hàng	82.643.274	-	-	-	82.643.274
Chứng khoán đầu tư	-	14.655.017	-	-	14.655.017
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	2.012.877	-	-	2.012.877
Tài sản cố định	-	-	-	4.320.661	4.320.661
Tài sản có khác	1.688.754	632.646	57.343	2.204.161	4.582.904
TỔNG TÀI SẢN	84.332.028	17.300.540	60.197.847	8.005.045	169.835.460
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	-	-	426.801	-	426.801
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	65.766.554	-	65.766.554
Tiền gửi của khách hàng	79.472.411	-	-	-	79.472.411
Phát hành giấy tờ có giá	3.177.744	-	4.500.000	-	7.677.744
Các khoản nợ khác	1.059.686	1.850	656.883	93.214	1.811.633
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	83.709.841	1.850	71.350.238	93.214	155.155.143

Thông tin bộ phận về thu nhập và chi phí của Ngân hàng không được trình bày bởi vì Ngân hàng chưa thiết lập hệ thống thông tin quản lý để thu thập các thông tin này.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

(i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

(ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

(iii) Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

(iv) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

(v) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vi) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(vii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

38.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

(a) Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và Quyết định 780/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Ngân hàng và công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(b) Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay khách hàng	117.324	51.810	80.410	584.564	834.108
	<u>117.324</u>	<u>51.810</u>	<u>80.410</u>	<u>584.564</u>	<u>834.108</u>

Đây là các tài sản tài chính bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đã nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

38.2 Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và công ty con:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn, các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được phân loại là những khoản mục không chịu lãi.
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính của từng loại chứng khoán.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế (tiếp theo)

- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các khoản mục tiền gửi của khách hàng và khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Thời hạn định lại lãi suất							Tổng cộng Triệu đồng
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	1.480.223	-	-	-	-	-	1.480.223
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.258.816	-	-	-	-	2.258.816
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	22.128.248	22.321.750	12.664.500	760.000	-	57.874.498
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	7.190	-	-	-	-	-	7.190
Cho vay khách hàng (*)	2.928.610	-	45.956.980	28.559.990	3.040.757	2.181.381	677.960	83.354.232
Chứng khoán đầu tư (*)	-	1.926.302	600.000	1.273.203	2.600.000	3.869.005	1.311.507	14.655.017
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	2.135.942	-	-	-	-	-	2.135.942
Tài sản cố định	-	4.320.661	-	-	-	-	-	4.320.661
Tài sản có khác (*)	-	4.582.904	-	-	-	-	-	4.582.904
Tổng tài sản	2.928.610	14.453.222	70.944.044	52.154.943	18.305.257	6.810.386	1.989.467	170.669.483
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	415.924	-	10.877	-	-	426.801
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	150.214	28.412.740	25.155.600	12.048.000	-	-	65.766.554
Tiền gửi của khách hàng	-	1.169.586	43.465.801	17.213.706	5.501.805	9.523.801	2.594.831	79.472.411
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.259.385	1.642.383	417.592	358.384	-	7.677.744
Các khoản nợ khác (*)	-	1.755.189	-	-	-	-	-	1.755.189
Tổng nợ phải trả	-	3.074.989	74.553.850	44.011.689	17.978.274	9.882.185	2.594.831	155.098.699
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất	2.928.610	11.378.233	(3.609.806)	8.143.254	326.983	(3.071.799)	(605.364)	80.673

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro
Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng và công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VNĐ, một phần là vàng, Đô la Mỹ, Đồng Euro và các ngoại tệ khác. Ngân hàng và công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác quy đổi sang VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Vàng được quy đổi Triệu đồng	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	73.740	96.179	393.669	337.094	900.682
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.175.827	-	1.175.827
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	51.624	15.887.400	187.571	16.126.595
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	2.011.113	-	553.368	2.564.481
Cho vay khách hàng (*)	817.986	221.785	15.849.630	20.887	16.910.288
Tài sản có khác (*)	7	-	1.847	-	1.854
Tổng tài sản	891.733	2.380.701	33.308.373	1.098.920	37.679.727
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	10.877	-	10.877
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	38.304	22.219.007	112.110	22.369.421
Tiền gửi của khách hàng	-	2.340.268	12.354.696	921.741	15.616.705
Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	-	655.017	-	655.017
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	732.197	-	732.197
Các khoản nợ khác (*)	1	966	127.791	10.624	139.382
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1	2.379.538	36.099.585	1.044.475	39.523.599
Trạng thái tiền tệ nội bảng	891.732	1.163	(2.791.212)	54.445	(1.843.872)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	45.145	867	360.630	(45.264)	361.378
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	936.877	2.030	(2.430.582)	9.181	(1.482.494)

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Ngân hàng và công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, đồng thời Ngân hàng và công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và công ty con:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.



38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	1.480.223	-	-	-	1.480.223
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.258.816	-	-	-	2.258.816
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	22.128.248	22.321.750	13.424.500	-	57.874.498
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	7.190	-	-	7.190
Cho vay khách hàng (*)	1.652.206	1.276.404	11.088.445	21.884.948	21.556.143	9.437.357	83.354.232
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.602.068	1.273.203	1.419.005	6.466.761	14.655.017
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	6.930	2.129.012	2.135.942
Tài sản cố định	-	-	1.034	528	17.033	259.906	4.320.661
Tài sản có khác (*)	-	-	2.011.489	24.799	1.851.380	695.236	4.582.904
Tổng tài sản	1.652.206	1.276.404	40.570.323	45.512.418	38.271.991	18.988.272	170.669.483
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	415.924	-	4.351	6.526	426.801
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	28.562.954	25.155.600	12.048.000	-	65.766.554
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.632.987	17.213.706	15.028.007	2.594.831	79.472.411
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.259.386	1.642.383	775.975	-	7.677.477
Các khoản nợ khác (*)	-	-	1.593.334	7.786	31.583	122.486	1.755.189
Tổng nợ phải trả	-	-	77.464.585	44.019.475	27.887.916	2.773.843	155.098.699
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.652.206	1.276.404	(36.894.262)	1.492.943	1.387.075	16.264.429	15.570.784

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

39. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

39.1 Cam kết vốn

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	45.822	42.829

39.2 Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	769.128	736.544
<i>Trong đó:</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	193.381	178.896
- Đến hạn từ 2 đến 5 năm	486.260	434.768
- Đến hạn sau 5 năm	89.487	122.880

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng và công ty con đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nên Ngân hàng và công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

► *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng và công ty con xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Ngân hàng và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

► *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là các khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.



40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

40.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Kinh doanh Triệu đồng	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Chứng khoán sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	1.480.223	1.480.223	1.480.223
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.258.816	-	-	2.258.816	2.258.816
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	57.874.498	-	-	57.874.498	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.190	-	-	-	-	7.190	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	82.643.274	-	-	82.643.274	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	1.002.068	-	1.002.068	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	13.652.949	-	-	-	13.652.949	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	1.912.965	-	1.912.965	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	4.344.363	4.344.363	(*)
	7.190	13.652.949	142.776.588	2.915.033	5.824.586	165.176.346	
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	426.801	426.801	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	65.766.554	65.766.554	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	79.472.411	79.472.411	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	7.677.744	7.677.744	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	1.729.059	1.729.059	(*)
	-	-	-	-	155.072.569	155.072.569	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

40.2 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp

Trong năm, Ngân hàng và công ty con không có các tài sản tài chính được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các TCTD khác.

41. NGHIỆP VỤ PHÒNG NGỪA RỦI RO

Trong quá trình quản lý tài sản và các khoản nợ, Ngân hàng và công ty con có sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro để giảm rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro được thực hiện cho các công cụ tài chính cụ thể, tổng thể danh mục các công cụ tài chính có lãi suất cố định cũng như tổng thể trạng thái tài chính.

Phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý

Ngân hàng và công ty con thực hiện phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý để giảm rủi ro phát sinh từ sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính do các biến động trong lãi suất và tỷ giá. Các công cụ tài chính được phòng ngừa rủi ro lãi suất bao gồm các khoản cho vay, chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và giấy tờ có giá phát hành. Cho mục đích phòng ngừa rủi ro tiền tệ, Ngân hàng sử dụng các hợp đồng hoán đổi tiền tệ.

42. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

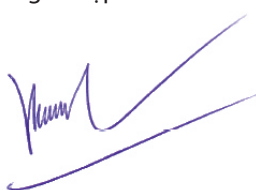
Ngân hàng đã thực hiện mua 6.090.000 cổ phiếu quỹ với tổng giá trị là 78.273 triệu đồng từ ngày 2 tháng 1 năm 2014 đến ngày 16 tháng 1 năm 2014.

Ngoài sự kiện trên và các sự kiện đã nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

43. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Vàng SJC (chì)	3.470.000	4.440.000
GBP	34.748	33.530
EUR	28.910	27.377
USD	21.100	20.820
CAD	19.734	20.869
CHF	23.593	22.686
AUD	18.738	21.559
SGD	16.606	16.985

Người lập:



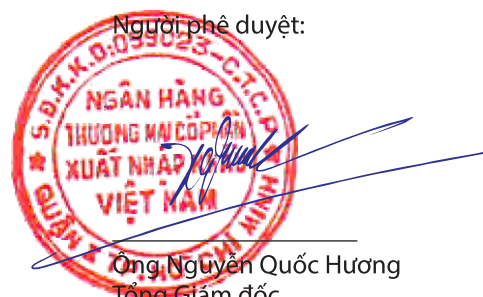
Ông Nguyễn Minh Thanh
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Quốc Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Báo cáo thường niên 2013

VI.2. Ý kiến đánh giá của kiểm toán nội bộ

Năm 2013, căn cứ kế hoạch kiểm toán nội bộ được duyệt, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiến hành kiểm toán các khối phòng ban Hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch trong hệ thống Eximbank theo phương pháp chọn mẫu và định hướng rủi ro, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị được đánh giá có mức độ rủi ro cao hơn các đơn vị khác.

Trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ là đưa ra ý kiến về:

- Báo cáo tài chính của Eximbank
- Tính hoàn thiện của hệ thống kiểm soát nội bộ
- Tính tuân thủ của các đơn vị

Phạm vi kiểm toán trong năm 2013:

- Các khối phòng ban Hội sở
- Sở Giao dịch, các chi nhánh
- Các phòng giao dịch

Căn cứ Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 của Ngân hàng Nhà nước, Ban Kiểm toán nội bộ Eximbank được thành lập theo Quyết định số 99/EIB/HĐQT-07 ngày 03/05/2007 và hoạt động theo Quy chế Kiểm toán nội bộ được ban hành theo Quyết định số 35/EIB/HĐQT-07 ngày 07/03/2007 của Hội đồng Quản trị Eximbank.

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngày 06/08/2012, Hội đồng Quản trị Eximbank đã ban hành Quyết định số 285/2012/EIB/QĐ-HĐQT Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ thay thế Quy chế Kiểm toán nội bộ cũ (ban hành theo Quyết định số 35/EIB/HĐQT-07).

Do đó, tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ Eximbank được thực hiện theo Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ, có hiệu lực từ ngày 06/08/2012.

Ngoài ra, Ban Kiểm toán nội bộ còn phải tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp. Mục đích của việc đưa ra ý kiến của Ban Kiểm toán nội bộ là cung cấp sự đảm bảo cần thiết cho người đọc báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời, các khuyến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ được nêu ra để các đơn vị hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, khắc phục chỉnh sửa các sai sót.

Ý kiến của Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2013, đã theo dõi các chỉ số rủi ro theo quy định, xác nhận rằng: các báo cáo tài chính năm 2013 của Eximbank được lập theo đúng quy định hiện hành, lập đúng biểu mẫu kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Xét trên mọi phương diện trọng yếu, số liệu phản ánh trên các báo cáo tài chính năm 2013 của Eximbank đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, hợp lý và đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young.

Các chỉ số tài chính của Eximbank đang trong giới hạn cho phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kiểm toán nội bộ nhận thấy hệ thống kiểm soát nội bộ của Eximbank được thiết lập đầy đủ các nghiệp vụ, ở tất cả các Sở Giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch, đảm bảo tính tuân thủ và kiểm soát được rủi ro trong quá trình hoạt động. Các rủi ro trong hoạt động đều được nhận dạng và đánh giá đầy đủ, từ đó kịp thời đưa ra các chính sách quản trị rủi ro phù hợp với tình hình thực tế.

Đặc biệt, trong năm 2013 các diễn biến khó khăn chung của kinh tế Việt Nam và môi trường kinh doanh không thuận lợi ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực tài chính ngân hàng trong nước. Trên cơ sở quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Eximbank đã chú trọng đến việc phân tích và đánh giá các loại rủi ro trọng yếu như: rủi ro tín dụng (chú trọng thực trạng chất lượng tín dụng), rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường (chú trọng rủi ro thanh khoản), rủi ro pháp lý, rủi ro do các chính sách quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng. Qua đó, lãnh đạo Eximbank đã đưa ra nhiều quyết sách phù hợp, chuyển biến từng bước thận trọng trong chính sách kinh doanh để ngân hàng duy trì, giữ vững sự ổn định và có điều kiện phát triển nhịp nhàng cùng với đà phát triển chung của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

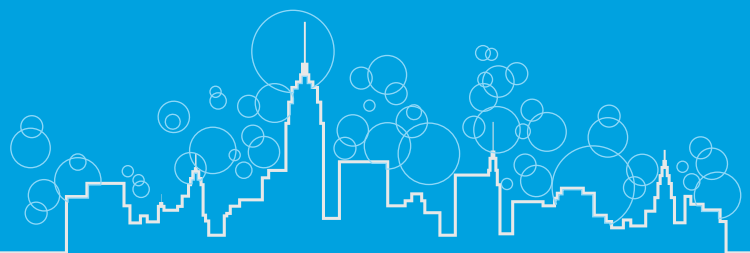
Bên cạnh đó, các hoạt động giám sát thường xuyên được chú trọng ở tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ, một mặt đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhưng một mặt vẫn đảm bảo an toàn trong hoạt động. Các thủ tục kiểm soát bao gồm công tác quản trị rủi ro thể hiện đầy đủ ở các quy trình tác nghiệp và không ngừng được cải tiến phù hợp với mục tiêu quản trị rủi ro và tiến trình phát triển của Eximbank.


Tổng hợp ý kiến từ các cuộc kiểm toán trong năm 2013 vừa qua, Ban Kiểm toán nội bộ đánh giá: hệ thống kiểm soát nội bộ của Eximbank là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đạt được hiệu quả kinh doanh nhất định, đảm bảo an toàn trong hoạt động của Eximbank.





NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2013





1. Tháng 4/2013, Tạp chí Asian Banker đã trao giải thưởng “Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013” cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank). Sự kiện này khẳng định vị thế của Eximbank trên thị trường tài chính trong và ngoài nước. Giải thưởng dựa trên nghiên cứu chuyên sâu với các chuyên gia thị trường như các nhà phân tích, các nhà quản lý quỹ theo các tiêu chí như: tốc độ tăng trưởng, các sáng kiến kinh doanh mới, tỷ lệ sinh lợi cũng như việc phát triển mạng lưới giao dịch.

2. Tháng 7/2013, Tạp chí EuroMoney, tạp chí tiếng Anh có uy tín trong lĩnh vực tài chính quốc tế (trực thuộc tổ chức Euromoney Institutional Investor PLC – nguyệt san uy tín hàng đầu có trụ sở chính đặt tại Anh) đã trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013” cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

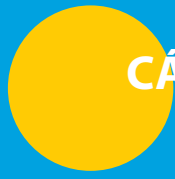
3. Tháng 7/2013, Eximbank đạt giải “Báo cáo thường niên Tốt nhất năm 2013” do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM phối hợp với báo Đầu tư chứng khoán bình chọn. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Báo cáo thường niên của Eximbank đạt giải cao trong các kỳ bình chọn.

4. Tháng 8/2013, Eximbank được tạp chí The Banker – một tạp chí hàng đầu trong lĩnh vực tài chính tiếp tục xếp hạng vào Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013, Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng những ngân hàng hàng đầu thế giới. Việc được xếp hạng nêu trên đã minh chứng cho sự lớn mạnh vượt bậc của Eximbank trong giai đoạn hội nhập phát triển kinh tế thế giới.

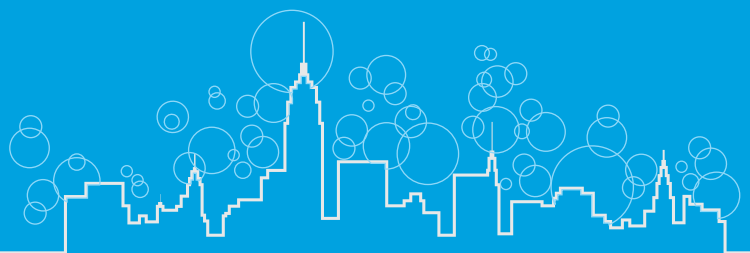
5. Tháng 11/2013, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) và Tổng Công ty Khoáng sản - Vinacomin ký kết hợp đồng tài trợ tín dụng dự án “Đầu tư xây dựng công trình điều chỉnh khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển Đồng Sin Quyền, Lào Cai” Theo cam kết của 2 bên, Eximbank sẽ tài trợ cho dự án với số tiền 1.500 tỷ đồng trong thời gian 10 năm.

6. Tháng 12/2013, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) và JCB International Co., Ltd. (JCBI) chính thức ra mắt Thẻ tín dụng Eximbank - JCB nhằm đa dạng hóa các sản phẩm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.





CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC



Tháng 03/2013, Eximbank vinh dự nhận giải thưởng “Thanh toán quốc tế xuất sắc” do ngân hàng Bank of New York Mellon trao tặng. Giải thưởng này chính là sự ghi nhận của một định chế tài chính nước ngoài lâu đời và uy tín về chất lượng điện thanh toán tự động của Eximbank.

Tháng 4/2013, Eximbank nhận giải thưởng “Ngân hàng quản trị tốt nhất 2013” do tạp chí Asian Banker trao tặng.

Tháng 5/2013, Eximbank nhận giải thưởng “Sản phẩm Thương hiệu Việt hội nhập WTO năm 2013” do tạp chí Thương hiệu Việt trao tặng.

Tháng 7/2013, Eximbank nhận giải thưởng Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt nam 2013 do tạp chí EuroMoney trao tặng và giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM phối hợp với báo Đầu tư chứng khoán tổ chức.

Tháng 8/2013, Eximbank là thương hiệu trong Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới do Tạp chí The Banker bình chọn.

Tháng 10/2013, Eximbank vinh dự là thương hiệu trong Top 100 thương hiệu Việt bền vững do Trung tâm nghiên cứu ứng dụng phát triển Thương hiệu Việt bình chọn.

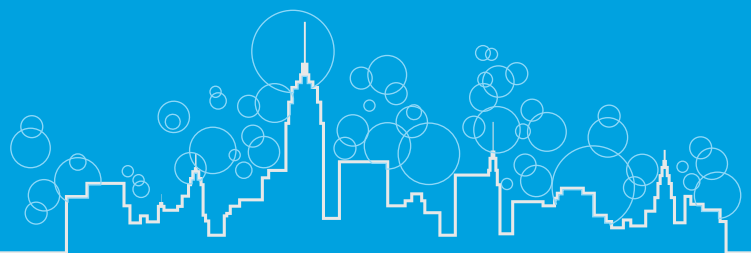
Tháng 11/2013, Eximbank hân hạnh được chọn trong Top 50 sản phẩm Vàng, dịch vụ Vàng năm 2013 do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.


Tháng 12/2013, Eximbank nhận giải thưởng Top 100 nhà quản lý tài đức và Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc do Hội liên hiệp Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng.





HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG





Ngoài việc tập trung phát triển kinh doanh và thương hiệu, Eximbank còn thể hiện sự quan tâm và chia sẻ đến cộng đồng, qua đó nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu Eximbank đến với mọi tầng lớp trong xã hội, đồng thời giúp cho thương hiệu Eximbank nổi trội hơn so với các ngân hàng khác, thông qua các hình thức:

- Hỗ trợ đời sống cho Bộ đội Trường Sa;
- Tài trợ giáo dục cho các Quỹ học bổng, Hội khuyến học, xây trường học...
- Tài trợ y tế cho người nghèo thông qua hình thức hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế và xây dựng trạm y tế và kiện toàn mạng lưới y tế.
- Tài trợ xây nhà, xây cầu, tri ân, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai và tài trợ nhiều chương trình khác.

Qua một năm thực hiện các chương trình từ thiện, các chương trình vì cộng đồng xã hội, Eximbank đã chung tay chia sẻ những khó khăn và góp phần mang lại niềm vui đến cho cộng đồng xã hội, điển hình như:

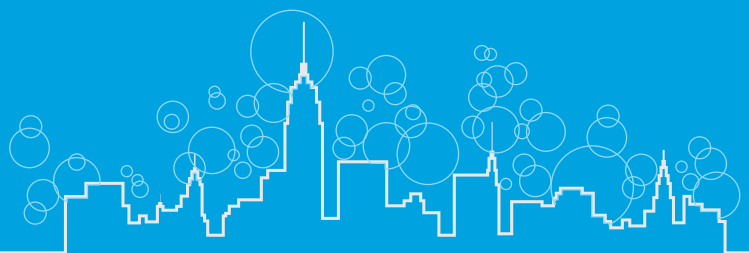
- Tạo điều kiện các bệnh nhân nghèo TP.HCM nhận thẻ bảo hiểm y tế để chữa bệnh miễn phí;
- Hỗ trợ 5.000 suất cơm trưa trong 6 tháng cho người nghèo trong địa bàn TP.HCM;
- Hỗ trợ hơn 1.000 suất học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học khắp mọi miền đất nước tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi, TP.HCM...;
- Hỗ trợ Quỹ Vì Người Nghèo huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long để xây dựng, sửa chữa 30 căn nhà cho các hộ gia đình thương binh, liệt sĩ nghèo, gia đình có công với cách mạng;
- Hỗ trợ Thành đoàn TP.HCM thực hiện 10 chương trình công tác xã hội;
- Ủng hộ quỹ chăm sóc người cao tuổi TP.HCM;
- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa trường học, nhà trẻ cho các em vùng sâu, vùng xa...

Việc thực hiện tài trợ các chương trình từ thiện, cộng đồng xã hội đã tạo được tiếng vang cho thương hiệu, đồng thời hình ảnh Eximbank trở nên thân thiện và đi vào lòng người. Các kết quả đóng góp trên của Eximbank đã được cộng đồng, các đoàn thể, xã hội ghi nhận và đánh giá cao.





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



KHU VỰC MIỀN BẮC

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN EXIMBANK HÀ NỘI

(Tầng 1-5) Tòa nhà 91 Phố Nguyễn Thái Học, TP. Hà Nội
Tel: (04) 85853 153 Fax: (04) 39336 081

CHI NHÁNH EXIMBANK HÀ NỘI

19 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
Tel: (04) 3824 2306 Fax: (04) 3826 7798

Phòng Giao Dịch Nguyễn Du

Tầng 1+2 tòa nhà 76, Mai Hắc Đế, Q.HBT, TP.Hà Nội
Tel: (04) 62783 128 Fax: (04) 62783 125

Phòng Giao Dịch Bạch Mai

(Tầng 2+3) Tòa nhà số 134 Phố Bạch Mai, Tp.Hà Nội
Tel: (04) 36274 980 Fax: (04) 36276 724

Phòng Giao Dịch Hàng Than

Số 18 Phố Hàng Than, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
Tel: (04) 39274 349 Fax: (04) 39274 350

Phòng Giao dịch Xuân Diệu

96 Yên Phụ, P. Yên Phụ, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
Tel: (04) 37190 692 Fax: (04) 37190 693

Phòng Giao dịch Tây Hồ

509B Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
Tel: (04) 37588 035 Fax: (04) 37588 025

Phòng Giao dịch Phố Vọng

130 Phố Vọng, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội
Tel: (04) 36288 730 Fax: (04) 36288 729

Phòng Giao dịch Lý Thường Kiệt

30 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
Tel: (04) 3938 6994 Fax: (04) 39386 995

Phòng Giao dịch Bà Triệu

Tầng 1-4 tòa nhà 2C Thái Phiên, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (04) 3278 0015 Fax: (04) 3278 0007

CHI NHÁNH EXIMBANK BA ĐÌNH

(Tầng 1 +2) Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Hà Nội
Tel: (04) 3776 3998 Fax: (04) 3776 3989

Phòng Giao Dịch Mỹ Đình

60 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
Tel: (04) 3794 0146 Fax: (04) 3794 0145

Phòng Giao dịch Hàng Bông

189 Hàng Bông, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (04) 3928 9945 Fax: (04) 3928 9943

Phòng Giao dịch Trung Yên

Số 1 lô 12B Khu ĐTM Trung Yên, Q.Cầu Giấy, Tp.HN
Tel: (04) 3786 8516 Fax: (04) 3786 8517

Phòng Giao dịch Trung Hòa

Lô NV Nguyễn Thị Định, KĐT Trung Hòa-Nhân Chính, HN
Tel: (04) 6251 1795 Fax: (04) 6251 1749

Phòng Giao dịch Trần Duy Hưng

83 Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
Tel: (04) 3556 1970 Fax: (04) 3556 1971

Phòng Giao dịch Cửa Đông

Số 1, Đường Thành, P. Cửa Đông, Q.Hoàn Kiếm, TP.HN
Tel: (04) 3923 3681 Fax: (04) 3923 3680

Phòng Giao dịch Thăng Long

Trung tâm công nghệ, KCN Thăng Long, Đông Anh, HN
Tel: (04) 3959 0175 Fax: (04) 39590 177

CHI NHÁNH EXIMBANK HAI BÀ TRƯNG

439 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (04) 3627 4490 Fax: (04) 36274 495

Phòng Giao dịch Tây Sơn

108 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Tel: (04) 35334 628 Fax: (04) 35334 638

CHI NHÁNH EXIMBANK LONG BIÊN

558 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Q.Long Biên, Hà Nội
Tel: (04) 3877 9108 Fax: (04) 3877 9111

Phòng Giao dịch Đống Xuân

67 Hàng Bồ, P.Hàng Bồ, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
Tel: (04) 3929 0250 Fax: (04) 39290 254

Phòng Giao dịch Nguyễn Thái Học

(Tầng 1 - 2) Tòa nhà số 91 Phố Nguyễn Thái Học, HN
Tel: (04) 37478 940 Fax: (04) 37478 941

Phòng Giao dịch Lò Đúc

Tầng 1, 73 Lò Đúc, Q. Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
Tel: (04) 39728517 Fax: (04) 39728 516

CHI NHÁNH ĐỒNG ĐÀ

(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 292 Tây Sơn,, Hà Nội
ĐT: (04) 35737 732 Fax: (04).35737 738

Phòng Giao dịch Kim Liên

206 phố Xã Đàn, Tổ 27, P.Phương Liên, TP.Hà Nội
Tel: (04) 3573 7736 Fax: (04) 3573 8201

Phòng Giao Dịch Trần Đăng Ninh

6C Tổ 24, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
Tel: (04) 37931 873 Fax: (04) 37931 630

Phòng Giao Dịch Hà Đông

24 Quang Trung, Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: (04) 63250 172 Fax: (04) 63250 180

Phòng Giao Dịch Đồng Tâm

10B2 Trần Đại Nghĩa, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: (04) 36284 715 Fax: (04) 36284 701

CHI NHÁNH EXIMBANK CẦU GIẤY

136 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (04) 37557 841 Fax: (04) 37557 535

Quý Tiết Kiệm Nguyễn Cơ Thạch

Tầng 1 (tòa nhà A1), Khu ĐT Mỹ Đình 1, TP. Hà Nội
Tel: (04) 22213861 Fax: (04) 22213862

Phòng Giao Dịch Nguyễn Phong Sắc

Tầng 1 (tòa nhà Sannam, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (04) 37951 803 Fax: (04) 37951 804

CHI NHÁNH EXIMBANK HẢI PHÒNG

32 Trần Phú, P. Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, HP
Tel: (031) 3757 578 Fax: (031) 375 7571

Phòng Giao Dịch Trần Nguyên Hãn

274 Trần Nguyên Hãn, Q.Lê Chân, TP. Hải Phòng
Tel: (031) 3786 963 Fax: (031) 3786 965

Phòng Giao Dịch Lạch Tray

221D Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (031) 3653 596 Fax: (031) 3653 586

Phòng Giao Dịch Tô Hiệu

172 Tô Hiệu, Lê Chân, TP. Hải Phòng
Tel: (031) 3611 996 Fax: (031) 3611 995

KCN Nomura Hải Phòng

Cổng phụ KCN Nomura, X.Tân Tiến, H.An Dương, HP
Tel: (0313) 3291929 Fax: (0313) 3291 899

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẢNG NINH

14-16 Trần Hưng Đạo, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Tel: (033) 3518 585 Fax: (033) 3518 586

Phòng Giao Dịch Cẩm Phả

114 Trần Phú, tổ 30b, TX Cẩm Phả, Quảng Ninh
Tel: (033) 3962 828 Fax: (033) 3962 829

Phòng Giao Dịch Móng Cái

01 Hùng Vương, P.Hòa Lạc, Tp. Móng Cái, Quảng Ninh
Tel: (033) 3779 979 Fax: (033) 3779 777

Phòng Giao Dịch Quảng Yên

66 Lê Lợi, TT.Quảng Yên, H.Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
Tel: (033) 3559 188 Fax: (033) 3559 299

Phòng Giao Dịch Uông Bí

434 Quang Trung, Thị xã Uông Bí, Quảng Ninh
Tel: (033) 3567 679 Fax: (033) 3567 689

Phòng Giao Dịch Hạ Long

(Tầng trệt) Tòa nhà Bưu điện, TP.Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: (033) 3815 585 Fax: (033) 3815 586

CHI NHÁNH EXIMBANK VINH

182 Nguyễn Văn Cừ, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 3585 717 Fax: (038) 3585 722

Phòng Giao Dịch Nam Vinh

343 Lê Duẩn, P.Trung Đô, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 3552 838 Fax: (038) 3552 468

Phòng Giao Dịch Bắc Vinh

150 Nguyễn Trãi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 3513 537 Fax: (038) 3513 536

Phòng Giao Dịch Thanh Chương

Khối 4, TT Thanh Chương, H.Thanh Chương, T.Nghệ An
Tel: (038) 6933888 Fax: (038) 6932 555

Phòng Giao Dịch Yên Thành

Khối 1, TT Yên Thành, H.Yên Thành, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 368 5555 Fax: (038) 368 5556

Phòng Giao Dịch Diễn Châu

Kiốt Số 2, TT.M Diễn Châu, H.Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 377 6776 Fax: (038) 360 2602

Phòng Giao Dịch Đô Lương

Khối 3, TT.Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 871 8668 Fax: (038) 871 8568

Phòng Giao Dịch Cầu Kênh Bắc

385 Nguyễn Văn Cừ, P.Hung Bình, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: (038) 357 5556 Fax: (038) 357 5557

KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**CHI NHÁNH EXIMBANK QUẢNG NGÃI**

35A -35B Hùng Vương, TP.Quảng Ngãi, T.Quảng Ngãi
Tel: (055) 3713 318 Fax: (055) 3713 319

Phòng Giao Dịch Trần Phú

136 Đại lộ Hùng Vương, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi
Tel: (055) 3714 173 Fax: (055) 3714 172

CHI NHÁNH EXIMBANK ĐÀ NẴNG

48 Trần Phú, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 3830 889 Fax: (0511) 3826 674

Phòng Giao Dịch Hải Châu

484 Hoàng Diệu, Q.Hải Châu - TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3552 710 Fax: (0511) 3552 709

Phòng Giao Dịch Thanh Khê

203 Ông Ích Khiêm, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3751 736 Fax: (0511) 3751 735

Phòng Giao Dịch Hàm Nghi

90 Hàm Nghi, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3653892 Fax: (0511) 3653 891

Phòng Giao Dịch Sơn Trà

410 Ngô Quyền, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3937 066 Fax: (0511) 3937 067

CHI NHÁNH EXIMBANK HÙNG VƯƠNG

151-153 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3565 347 Fax: (0511) 3866 596

Phòng Giao Dịch Điện Biên Phủ

Lô 58 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3720 474 Fax: (0511) 3720 473

Phòng Giao Dịch Chợ Cồn

276 Hùng Vương, P.Hải Châu, Q. Hải Châu, TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 3826 637 Fax: (0511) 3826 638

Phòng Giao Dịch Hoà Cường

205 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (0511) 3621 701 Fax: (0511) 3621 703

Phòng Giao Dịch Thuận Phước

180-182 Đống Đa, P.Thuận Phước, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (0511) 3573 222 Fax: (0511) 3573 224

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẢNG NAM

226-228 Phan Chu Trinh, TP Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Tel: (0510) 6252 246 Fax: (0510) 6252 247

Phòng Giao Dịch Hội An

22 Trần Hưng Đạo, P.Cẩm Phô, Tp.Hội An, Quảng Nam
Tel: (0510) 3926 555 Fax: (0510) 3926 558

CHI NHÁNH EXIMBANK HUẾ

205 Trần Hưng Đạo, P.Phú Hòa, TP.Huế
Tel: (054) 3588 678 Fax: (054) 3588 603

CHI NHÁNH EXIMBANK NHA TRANG

63 Yersin, P.Phương Sài, TP. Nha Trang
Tel: (058) 3811 888 Fax: (058) 3826 715

Phòng Giao dịch Quang Trung

61A Quang Trung, P. Lộ Thọ, TP Nha Trang
Tel: (058) 3528 075 Fax: (058) 3528 068

Phòng Giao dịch Diên Khánh

246 Lạc Long Quân, TT.Diên Khánh, TP. Nha Trang
Tel: (058) 3895 595 Fax: (058) 3895 596

Phòng Giao dịch Lê Hồng Phong

584 Lê Hồng Phong, Tp.Nha Trang
Tel: (058) 3889 919 Fax: (058) 3888 299

CHI NHÁNH EXIMBANK BUÔN MA THUỘT

114-116 Phan Bội Châu, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk
Tel: (0500) 6250 414 Fax: (0500) 6250 411

Phòng Giao Dịch Buôn Hồ

327 Hùng Vương, TX Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
 Tel: (0500) 3571506/7/9 Fax: (0500) 3571 508

Phòng Giao Dịch Chợ Buôn Ma Thuột

Ki ốt số C21 Chợ Buôn Ma Thuột, P.Thống Nhất, BMT
 Tel: (0500) 3936 668 Fax: (0500) 3936 667

Phòng Giao Dịch Phan Chu Trinh

240 Phan Chu Trinh, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Tel: (0500) 3977227 Fax: (0500) 3977226

Phòng Giao Dịch Lê Duẩn

420 Lê Duẩn, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Tel: (0500) 3934848 Fax: (0500) 3934747

Phòng Giao Dịch Nguyễn Tất Thành

316 Nguyễn Tất Thành, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Tel: (0500) 3975858 Fax: (0500) 3975856

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**CHI NHÁNH EXIMBANK ĐỒNG NAI**

223 Hà Huy Giáp, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai
 Tel: (0613) 3915 185 Fax: (0613). 3915 187

Phòng Giao dịch Long Thành

QL 51A, Tổ 19, Khu Văn Hải, H.Long Thành, T.Đồng Nai
 ĐT: (0613) 3501 777 Fax: (0613) 3501 780

Phòng Giao dịch Trảng Bom

118 Ấp An Chu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
 ĐT: (0613) 8971 678 Fax: (0613) 8971 677

Phòng Giao dịch Long Khánh

245 Hùng Vương, KP5, TX Long Khánh, Đồng Nai
 ĐT: (0613) 3647 990 Fax: (0613) 3647 456

Phòng Giao dịch Tân Tiến

113 Phạm Văn Thuận, P.Tân Tiến, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
 ĐT: (0613) 3940 898 Fax: (0613) 3940 866

Phòng Giao dịch Gia Kiệm

5/E1 Quốc Lộ 20, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
 ĐT: (0613) 8911 678 Fax: (0613) 8911 444

Phòng Giao dịch Biên Hòa

881 Phạm Văn Thuận, P.Tam Hiệp, Tp.Biên Hòa, ĐN
 ĐT: (0613) 915 999 Fax: (061) 3915 888

CHI NHÁNH EXIMBANK ĐÀ LẠT

2D-2D/1-2E Nguyễn Văn Trỗi, P.1, TP.Đà Lạt, Lâm Đồng
 Tel: (063) 3522 111 Fax: (063) 3522 115

Phòng Giao Dịch Đức Trọng

651 Quốc lộ 20, TT.Liên Nghĩa, H.Đức Trọng, Lâm Đồng
 Tel: (063) 3651 111 Fax: (063) 3651 115

Phòng Giao Dịch Bảo Lộc

11 Đề Thám, phường 1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
 Tel: (063) 6260 090 Fax: (063) 6260 095

Phòng Giao Dịch Chi Lăng

Lô A7 Khu quy hoạch Sương Mai, Tp Đà Lạt, Lâm Đồng
 Tel: (063) 3565 153 Fax: (063) 3565 155

CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH DƯƠNG

244 ĐL Bình Dương, TX.Thủ Dầu 1, Bình Dương
 Tel: (0650) 3872 468 Fax: (0650) 3872 460

Phòng Giao dịch Chợ Đỉnh

231 Yersin, P.Hiệp Thành, TX.Thủ Dầu Một, T.Bình Dương
 Tel: (0650) 3872467 Fax : (0650) 3872 464

Phòng Giao dịch Dĩ An

3/21 Trần Hưng Đạo, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
 Tel: (0650) 3736 965 Fax : (0650) 3736 967

Phòng Giao dịch Mỹ Phước

C4-Ô16 khu I Đường DA1-1 Rupy Land, Bình Dương
 Tel: (0650) 3556 245 Fax : (0650) 3556 246

Phòng Giao dịch Tân Phước Khánh

08 Lô E, KTM Tân Phước Khánh, Tân Uyên, Bình Dương
 Tel: (0650) 3659 001 Fax : (0650) 3659 003

Phòng Giao dịch Lái Thiêu

544A Nguyễn Trãi, TT.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
 Tel: (0650) 3636 036 Fax : (0650) 3636 037

CHI NHÁNH EXIMBANK BÀ RỊA - VŨNG TÀU

43 Trần Hưng Đạo, P.1, Tp.Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
 Tel: (064) 3513 674 Fax: (064) 3513 677

Phòng Giao dịch Bà Rịa

112-114 Bạch Đằng, P.Phước Trung, TX.Bà Rịa, BR-VT
 Tel: (064) 3717 531 Fax: (064) 3717 536

Phòng Giao dịch Tân Thành

Đường 46, TT Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh BR-VT
 Tel: (064) 3876 974 Fax : (064) 3876 976

Phòng Giao dịch Nguyễn An Ninh

513 Nguyễn An Ninh, TP.Vũng Tỉnh BR-VT
 Tel: (064) 3584 433 Fax : (064) 3584 435

Phòng Giao dịch Phước Tỉnh

286 (T17) - tổ 8 ấp Tân Phước, Long Điền, BR-VT
 Tel: (064) 3673 738 Fax : (064) 3673 737

Phòng Giao dịch KCN Đông Xuyên

771 Đường 30/4, Tp.Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
 Tel: (064) 6252 474 Fax : (064) 6252 475

KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**SỞ GIAO DỊCH**

Tòa nhà 66 Phó Đức Chính, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 38210 055 Fax: (08) 38296 063

Phòng giao dịch Trung Sơn

2-4-6 Đường 9A, KDC Trung Sơn, H.Bình Chánh, TP.HCM
 Tel: (08) 54319 019 Fax: (08) 54319 018

Phòng giao dịch Tao Đàn

(T.trệt)Tòa nhà VietDragon Tower - 141 Nguyễn Du, Q1
 Tel: (08) 38270 800 Fax: (08) 38270 804

Phòng giao dịch Lê Lợi

08 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 38222 162 Fax: (08) 38220 373

Phòng giao dịch Minh Khai

Tòa nhà số 179EF Cách Mạng Tháng 8, P.5, Q.3, Tp.HCM
 Tel: (08) 38329 877 Fax: (08) 38329 876

Phòng giao dịch Trương Định

Tòa nhà số 24B Trương Định, P.6, Q.3, Tp.HCM
 Tel: (08) 39330 046 Fax: (08) 39330 047

Phòng giao dịch Bến Thành

36-38 Ngõ Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 38271 011 Fax: (08) 38271 012

Phòng giao dịch Thanh Đa

629-631 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Bình Thạnh, TP.HCM
 Tel: (08) 54453 380 Fax: (08) 54453 384

Phòng giao dịch Bùi Thị Xuân

Tòa nhà 122A-B-C Bùi Thị Xuân, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 54043 380 Fax: (08) 54043 381

Phòng giao dịch Hàng Xanh

155A-155B Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TPHCM
 Tel: (08) 54221 074 Fax: (08) 54221 075

Phòng giao dịch Văn Thánh

85 Đường D2 Văn Thánh Bắc, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
 Tel: (08) 35121 033 Fax: (08) 35122 400

CHI NHÁNH EXIMBANK SÀI GÒN

28-30 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP.HCM
 Tel: (08) 39143 152 Fax: (08) 39143 150

Phòng giao dịch Võ Văn Tần

365 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP. HCM
 Tel: (08) 3818 1345 Fax: (08) 3818 1346

Phòng Giao dịch Đa Kao

23A-B Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 39110 163 Fax: (08) 39110 161

Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ

130 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
 Tel: (08) 38215 212 Fax: (08) 38215 214

Phòng Giao dịch Trường Sơn

39B Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
 Tel: (08) 35470 768 Fax: (08) 35470 872

Phòng Giao Dịch Phan Xích Long

Tòa nhà Hà Phan,05 Phan Xích Long, Q. PN, TP.HCM
 Tel: (08) 39959 498 Fax: (08) 39959 493

Phòng Giao Dịch Thảo Điền

14R-14S Quốc Hương, Thảo Điền, quận 2, Tp.HCM
 Tel: (08) 35194 215 Fax: (08) 35194 216

Phòng Giao Dịch Bến Chương Dương

327 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 38364 495 Fax: (08) 38364 675

CHI NHÁNH EXIMBANK CHỢ LỚN

141 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP.HCM
Tel: (08) 39575 287 Fax: (08) 39575 290

Phòng Giao Dịch Quận 6

41 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TP.HCM
Tel: (08) 39691 638 Fax: (08) 39606 947

Phòng Giao Dịch Kim Biên

161 Hải Thượng Lãn Ông, P.13, Q.5, TP.HCM
Tel: (08) 3854 7388 Fax: (08) 3854 7381

Phòng Giao Dịch Phú Thọ

286 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, Tp.HCM
Tel: (08) 3866 9620 Fax: (08) 3866 9622

Phòng Giao Dịch Hồng Bàng

258 Hồng Bàng, Phường 15, Quận 5, Tp.HCM
Tel: (08) 39560 814 Fax: (08) 38556 333

Phòng Giao Dịch Hưng Đạo

466 Trần Hưng Đạo, Phường 2, Quận 5, TP.HCM
Tel: (08) 39244 885 Fax: (08) 39244 889

Phòng Giao Dịch An Đông

265 Trần Phú, Phường 8, Quận 5, TP.HCM
Tel: (08) 3924 5863 Fax: (08) 3838 2553

Phòng Giao Dịch Quận 8

390-392 Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, TP.HCM
Tel: (08) 38523 290 Fax: (08) 38523 295

Phòng Giao Dịch Lý Thái Tổ

291 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, TP.HCM
Tel: (08) 39274 710 Fax: (08) 39274 715

Phòng Giao Dịch Nhật Tảo

410 Nguyễn Tri Phương, P.4, Q.10, TP.HCM
Tel: (08) 39274 601 Fax: (08) 39274 605

CHI NHÁNH EXIMBANK TÂN ĐỊNH

48-50 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận1, TP.HCM
Tel: (08) 38205 305 Fax: (08) 38205 301

Phòng Giao Dịch Hồ Văn Huê

164 Hồ Văn Huê, Phường 9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (08) 39971 208 Fax: (08) 39973 758

Phòng Giao dịch Gò Vấp

126 Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Tel: (08) 39896 483 Fax: (08) 39896 485

Phòng Giao dịch Phan Đình Phùng

130 Phan Đình Phùng, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (08) 3995 6925 Fax: (08) 39956 929

Phòng Giao dịch Nguyễn Thái Sơn

250 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Tel: (08) 39940 257 Fax: (08) 39940 259

Phòng Giao dịch Bến Nghé

11A -11B Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Tp.HCM
Tel: (08) 39105 433 Fax: (08) 39105 594

CHI NHÁNH EXIMBANK HÒA BÌNH

78 Nguyễn Trãi, Phường 3, Quận 5, TP.HCM
Tel: (08) 3924 5802 Fax: (08) 3924 5812

Phòng Giao dịch Kỳ Hòa

773 Lê Hồng Phong nối dài, P.12, Quận 10, TP. HCM
Tel: (08) 38680398 Fax: (08) 38680 397

Phòng Giao Dịch Bùi Hữu Nghĩa

81 Bùi Hữu Nghĩa, P.5, Q.5, Tp.HCM
ĐT: (08) 39244 782 Fax: (08) 39244 783

Phòng Giao dịch Hoà Hưng

138 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tp HCM
Tel: (08) 39797 972 Fax: (08) 39797 971

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 10

392-394 Đường 3 tháng 2 Phường 12, Q.10, TP.HCM
Tel: (08) 3868 1860 Fax: (08) 3868 1863

Phòng Giao dịch Ba Tháng Hai

530 Đường 3 Tháng 2, phường 14, quận 10, Tp.HCM
ĐT: (08) 38687 490 Fax: (08) 38687 492

Phòng Giao dịch Vạn Hạnh

373 Sư Vạn Hạnh (Nối dài), P.12, Quận 10, TP.HCM
Tel: (08) 3868 0020 Fax: (08) 3865 9212

**Phòng Giao Dịch Bàn Cờ**

619 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 3833 3424 Fax: (08) 3833 3427

Phòng Giao Dịch Lê Văn Sỹ

213 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 35264 448 Fax: (08) 35264 449

Phòng Giao Dịch Thành Thái

61 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM
Tel: (08) 38651 675 Fax: (08) 38651 677

Phòng Giao Dịch Minh Phụng

90 Minh Phụng, Phường 5, Quận 6, TP.HCM
Tel: (08) 39699 790 Fax: (08) 39699 792

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 11

31-33-27/1 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM
Tel: (08) 39744 300 Fax: (08) 38652 892

Phòng Giao dịch Tân Bình

1115 CMT8, Phường 7, Quận Tân Bình, TP. HCM
Tel: (08) 39708 639 Fax: (08) 39708 641

Phòng Giao dịch Bắc Hải

02 Bis Cửu Long, CX.Bắc Hải, P.15, Quận 10, TP.HCM
Tel: (08) 39708 907 Fax: (08) 39708 905

Phòng Giao Dịch Âu Cơ

334 - 336 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM
Tel: (08) 39750 671 Fax: (08) 39750 672

Phòng Giao Dịch Phú Lâm

616 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP.HCM
Tel: (08) 22293 660 Fax: (08) 62641 709

Phòng Giao Dịch Đầm Sen

377A Minh Phụng, P.10, Q.11, Tp.HCM
Tel: (08) 38581 660 Fax: (08) 38582 595

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 7

448A Huỳnh Tấn Phát, P.Binh Thuận, Quận 7, TP.HCM
Tel: (08) 37733 063 Fax: (08) 37733 053

Phòng Giao Dịch Phú Xuân

6/8 Khu phố 5, TT.Nhà Bè, H.Nhà Bè, TP. HCM
Tel: (08) 38738 790 Fax: (08) 38738 805

Phòng Giao Dịch Nguyễn Thị Thập

527 Nguyễn Thị Thập, P.Tân phong, Q.7,TP.HCM
Tel: (08) 37752 829 Fax: (08) 37752 831

Phòng Giao Dịch Phú Mỹ

07 Lô O Hoàng Quốc Việt, KDC Phú Mỹ, P.Phú Mỹ, Q.7
Tel: (08) 37734 393 Fax: (08) 37734 394

CHI NHÁNH EXIMBANK CỘNG HÒA

19 Cộng Hòa, P.12, Q.Tân Bình, Tp.HCM
Tel: (08) 38121 617 Fax: (08) 38122 161

Phòng Giao Dịch Võ Thành Trang

509 Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: (08) 38123 619 Fax: (08) 38123 657

Phòng Giao Dịch An Sương

379-381 Trường Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q. 12TP.HCM
Tel: (08) 35921 905 Fax: (08) 35921 908

Phòng Giao Dịch Củ Chi

886 Quốc lộ 22, thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM
Tel: (08) 37924 401 Fax: (08) 37924 402

Phòng Giao Dịch Phạm Văn Hai

156 Phạm Văn Hai, P.03, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: (08) 39919 824 Fax: (08) 39919 825

Phòng Giao Dịch Nguyễn Sơn

230-232 Nguyễn Sơn, Quận Tân Phú, TP.HCM
Tel: (08) 39721 840 Fax: (08) 39721 841

CHI NHÁNH EXIMBANK QUẬN 4

Cao ốc H2 đường Hoàng Diệu,P.8, Quận 4, Tp HCM
Tel: (08) 3941 4947 Fax: (08) 3941 4948

Phòng Giao Dịch Khánh Hội

143 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, TP. HCM
Tel: (08) 39407 990 Fax: (08) 39407 991

Phòng Giao Dịch Lý Tự Trọng

232 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM
Tel: (08) 38246 822 Fax: (08) 38246 832

Phòng Giao Dịch Thị Nghè

117-117A XVNT, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Tel: (08) 35146 806 Fax: (08) 35146 804



CHI NHÁNH EXIMBANK PHÚ MỸ HƯNG

Vinamik Tower - số 10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, Tp.HCM
Tel: (08) 5413 5588 Fax: (08) 5413 5589

Phòng Giao Dịch Phạm Thế Hiển

721 Phạm Thế Hiển, P.04, Quận 8, TP.HCM
Tel: (08) 38521 153 Fax: (08) 38521 156

Phòng Giao Dịch Tân Phong

1469 Nguyễn Văn Linh, KP Mỹ Toàn 1-H3, Q.7, TP.HCM
Tel: (08) 54123 765 Fax: (08) 54123 769

CHI NHÁNH EXIMBANK THỦ ĐỨC

147A Võ Văn Ngân, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: (08) 37225 450 Fax: (08) 37225 448

Phòng Giao Dịch Phước Long

497 Đỗ Xuân Hợp, P.Phước Long B, Q.9, Tp.HCM
Tel: (08) 36400 869 Fax: (08) 36400 898

Phòng Giao Dịch Quận 9

35 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM
Tel: (08) 37360 864 Fax: (08) 37360 872

Phòng Giao Dịch Tam Bình

141 Quốc lộ 1A, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: (08) 37294 100 Fax: (08) 37294 065

Phòng Giao Dịch Lê Văn Ninh

12 Lê Văn Ninh, Phường Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: (08) 38979 479 Fax: (08) 38979 582

Phòng Giao Dịch Quận 2

08 Trần Nã, ấp Bình Khánh 2, P.Bình An, Q.2, TP.HCM
Tel: (08) 37402 961 Fax: (08) 37402 965

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ**CHI NHÁNH EXIMBANK AN GIANG**

70-72 Hai Bà Trưng, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel: (076) 394 0880 Fax: (076) 394 0884

Phòng Giao Dịch Châu Đốc

73 Lê Lợi, P.Châu Phú B, TX Châu Đốc, tỉnh An Giang
Tel: (076) 356 5881 Fax: (076) 356 5884

Phòng Giao Dịch Long Xuyên

3/4 Tôn Đức Thắng, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tel: (076) 394 1881 Fax: (076) 394 1884

Phòng Giao dịch Linh Xuân

76 QL 1 K, KP 3, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
Tel: (08) 37246 200 Fax: (08) 37246 204

CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH PHÚ

30 Đường Bình Phú, Phường 11, Quận 6, TP. HCM
Tel: (08) 3755 4314 Fax: (08) 3755 4318

Phòng Giao Dịch Bình Trị Đông

211-213 Vành Đai Trong, Q.Bình Tân, Tp.HCM
Tel: (08) 3817 0493 Fax: (08) 3817 0498

Phòng Giao Dịch Tân Phú

611-611A Lũy Bán Bích, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Tel: (08) 39761 881 Fax: (08) 39761 886

Phòng Giao Dịch Bình Chánh

B9/27 Ấp 2 (Quốc lộ 1A), H.Bình Chánh, TP.HCM
Tel: (08) 37608 354 Fax: (08) 37608 358

Phòng Giao Dịch Gò Dầu

54 Gò Dầu, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Tp.HCM
Tel: (08) 35594 200 Fax: (08) 35594 204

CHI NHÁNH EXIMBANK TÂN SƠN NHẤT

307 Nguyễn Văn Trỗi, P.01, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: (08) 38456 370 Fax: (08) 38456 372

CHI NHÁNH EXIMBANK BÌNH TÂN

10 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM
Tel: (08) 37527 073 Fax: (08) 37527 076

Phòng Giao Dịch An Lạc

478-476 Kinh Dương Vương, Q.Bình Tân, TP.HCM
Tel: (08) 37527 991 Fax: (08) 37527 992

Phòng Giao Dịch Phú Tân

ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, H. Phú Tân, An Giang
Tel: (076) 3588 881 Fax: (076) 3588 884

Phòng Giao Dịch Châu Phú

21 Trần Khánh Dư, Cái Dầu, Châu Phú, tỉnh An Giang
Tel: (076)3684 881 Fax: (076) 3684 884

Phòng Giao Dịch Tân Châu

46 Thoại Ngọc Hầu, Tx.Tân Châu, tỉnh An Giang
Tel: (076) 3536 881 Fax: (076) 3536 884



CHI NHÁNH EXIMBANK MỸ THO

77-79 Lê Lợi, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Tel: (073) 397 6977 Fax: (073) 397 6981

Phòng Giao Dịch Cai Lậy

41 Đường 30/4, khu 2, Huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
Tel: (073) 3710 991 Fax: (073) 3710 995

Phòng Giao Dịch Ấp Bắc

366 Ấp Bắc, P.5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Tel: (073) 3977 700 Fax: (073) 3977 701

CHI NHÁNH EXIMBANK TÂY ĐÔ

Lô P+R Trần Văn Khéo, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Tel: (0710) 3763 053 Fax: (0710) 3763 052

Phòng Giao dịch Bình Thủy

308 CMT 8, P. An Thới, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Tel: (0710) 388 0446 Fax: (0710) 388 0449

Phòng Giao dịch Thốt Nốt

568 Quốc Lộ 91 (KV Long Thạnh A), Q.Thốt Nốt, Cần Thơ
Tel: (0710) 3611 161 Fax: (0710) 3611 181

Phòng Giao Dịch An Nghiệp

174 đường Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3733 124 Fax: (0710) 3733 125

Phòng Giao Dịch Hưng Lợi

221A Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3783 018 Fax: (0710) 3783 019

CHI NHÁNH EXIMBANK LONG AN

70 Hùng Vương, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An
Tel: (072) 3526 526 Fax: (072) 3526 527

CHI NHÁNH EXIMBANK CẦN THƠ

08 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3821 915 Fax: (0710) 3821 916

Phòng Giao Dịch Cái Răng

171 Quốc lộ 1A, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel: (0710) 3914 779 Fax: (0710) 3914 778

Phòng Giao Dịch Ô Môn

292-293 Quốc lộ 91, Q. Ô Môn, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3817 280 Fax: (0710) 3817 281

Phòng Giao Dịch An Hòa

177D Nguyễn Văn Cừ, P.An Hòa, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3896562 Fax: (0710) 3896 563

Phòng Giao Dịch An Phú

87 Đường 30/4, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3733 449 Fax: (0710) 373 3448

Phòng Giao Dịch Trà Nóc

37 Lê Hồng Phong, Q. Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
Tel: (0710) 3881 870 Fax: (0710) 3881 872

CHI NHÁNH EXIMBANK BẠC LIÊU

477 Trần Phú, Phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Tel: (0781) 6252 274 Fax: (0781) 6252 275

CHI NHÁNH EXIMBANK KIÊN GIANG

02-04 Phạm Hồng Thái, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Tel: (077) 3777 716 Fax: (077) 3777 717





EXIMBANK

